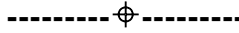


TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN
KHOA KINH TẾ & KẾ TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**TÊN ĐỀ TÀI: THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Nhật Minh
Lớp : Kinh tế đầu tư K40
GVHD : Ths. Nguyễn Thị Thùy Dung

Bình Định, tháng 6 năm 2020

DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG BIỂU

Bảng 2.1: Mức thang đo.....	50
Bảng 2.2: Đánh giá về mức độ hài lòng của các Doanh nghiệp thuộc KKT Nhơn Hội	50
Bảng 2.3: Tình hình thu hút VĐT tại các KCN giai đoạn 2016 -2020	56
Bảng 2.4: Tình hình thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 -2020.....	58
Bảng 2.5: Tình hình thu hút VĐT nước ngoài FDI giai đoạn 2016 -2020	59
Bảng 2.6: Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định	60
Bảng 3.1: Kế hoạch thu hút VĐT giai đoạn 2021 – 2025.....	67

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CÁC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Chữ viết tắt	Nội dung
1	BQL	Ban quản lý
2	CNH	Công nghiệp hóa
3	CP	Cổ phần
4	CSHT	Cơ sở hạ tầng
5	ĐT	Đầu tư
6	GPMB	Giải phóng mặt bằng
7	HDH	Hiện đại hóa
8	KKT	Khu kinh tế
9	KCN	Khu công nghiệp
10	KCX	Khu chế xuất
11	UBND	Ủy ban nhân dân
12	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

MỞ ĐẦU	9
1. Tính cấp thiết của đề tài	9
2. Mục tiêu nghiên cứu	10
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	10
3.1. Đối tượng nghiên cứu	10
3.2. Phạm vi nghiên cứu	10
4. Phương pháp nghiên cứu	11
5. Những đóng góp của đề tài	11
6. Bố cục của khóa luận	12
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP	13
1.1. Lý luận chung về khu công nghiệp	13
1.1.1. Khái niệm về khu công nghiệp	13
1.1.2. Đặc điểm của KCN	15
1.1.3. Phân loại khu công nghiệp	16
1.1.4. Vai trò các Khu công nghiệp	18
1.2. Lý luận chung về thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp	19
1.2.1. Lý luận về vốn đầu tư	19
1.2.1.1. Khái niệm về đầu tư	19
1.2.1.2. Khái niệm về vốn đầu tư	19
1.2.2. Vai trò của vốn đầu tư trong nền kinh tế	20
1.2.2.1. Đối với nền kinh tế.....	20
1.2.2.2. Đối với doanh nghiệp.....	24
1.2.3. Lý luận về thu hút các nguồn vốn đầu tư	26
1.2.3.1. Khái niệm thu hút vốn đầu tư.....	26
1.2.3.2. Thu hút vốn đầu tư trong nước	27
1.2.3.3. Thu hút vốn đầu tư ngoài nước	27
1.2.4. Các chính sách thu hút đầu tư	28

1.2.5. Nội dung thu hút vốn đầu tư	30
1.3. Khái niệm về đầu tư phát triển các KCN	34
1.3.1. Khái niệm đầu tư phát triển KCN	34
1.3.2. Nguồn vốn đầu tư phát triển khu công nghiệp.....	35
1.3.3. Nội dung đầu tư phát triển KCN	36
1.3.3.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KCN.....	36
1.3.3.2. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong Khu công nghiệp	40
1.3.3.3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực.....	42
1.4. Sự cần thiết phải thu hút đầu tư vào khu công nghiệp	43
1.5. Một số chỉ tiêu đánh giá.....	45
1.5.1. Chỉ tiêu thu hút vốn	45
1.5.2. Chỉ tiêu đánh giá phát triển KCN	46
1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp	49
1.6.1. Tiềm năng thị trường	49
1.6.2. Lợi thế về ngành đầu tư và chi phí đầu tư.....	49
1.6.3. Cơ sở hạ tầng.....	50
1.6.4. Dịch vụ công.....	50
1.6.5. Nguồn nhân lực	51
1.6.6. Nguồn tài nguyên.....	51
1.6.7. Chế độ chính sách đầu tư	51
1.6.8. Chi phí hạ tầng	52
1.7. Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào KCN của một số tỉnh – Bài học kinh nghiệm thành công	52
1.7.1. Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào KCN tỉnh Bình Dương	52
1.7.2. Vận dụng chính sách ưu đãi về đất đai – Kinh nghiệm ở Phú Yên	53
1.8. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bình Định.....	54
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2016 -2020	55

2.1. Giới thiệu tổng quan về một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.....	55
<i>2.1.1. Khu Công nghiệp Nhơn Hòa.....</i>	<i>55</i>
<i>2.1.2. Khu Công Nghiệp Nhơn Hội (Khu A)</i>	<i>56</i>
<i>2.1.3. Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu B)</i>	<i>57</i>
<i>2.1.4. Khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu C).....</i>	<i>58</i>
<i>2.1.5. Khu Công nghiệp Phú Tài.....</i>	<i>58</i>
2.2. Chính sách đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định	60
<i>2.2.1. Chính sách ưu đãi của Nhà nước</i>	<i>60</i>
<i>2.2.2. Chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Bình Định áp dụng chung cho các KCN</i>	<i>61</i>
<i>2.2.3. Chính sách xúc tiến đầu tư và hỗ trợ đầu tư các KCN tỉnh Bình Định</i>	<i>62</i>
<i>2.2.4. Đánh giá chính sách thu hút đầu tư vào các KCN</i>	<i>63</i>
2.3. Đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Nhơn Hội.....	63
2.4. Thực trạng thu hút vốn đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020.....	71
<i>2.4.1. Tình hình thu hút đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020</i>	<i>71</i>
<i>2.4.2. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI.....</i>	<i>74</i>
<i>2.4.3. Về các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển của các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định</i>	<i>75</i>
2.5. Đánh giá về thực trạng thu hút VĐT vào các KCN.....	78
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH.....	83
3.1. Kế hoạch thu hút vốn đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021- 2025	83
3.1.1. Phương hướng chung.....	83
3.1.2. Kế hoạch và một số chỉ tiêu, nhiệm vụ để thu hút vốn đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025	83

3.2. Định hướng chung và dự báo khả năng thu hút vốn đầu tư phát triển vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021	84
3.3. Giải pháp.....	85
<i>3.3.1. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư.....</i>	<i>86</i>
<i>3.3.2. Nâng cấp CSHT tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh</i>	<i>88</i>
<i>3.3.3. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời cải thiện mức sống cho người lao động.</i>	<i>91</i>
<i>3.3.4. Nâng cao trình độ, Bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý</i>	<i>94</i>
<i>3.3.5. Giải pháp cải thiện Môi trường đầu tư tỉnh Bình Định.....</i>	<i>95</i>
KẾT LUẬN	96
TÀI LIỆU THAM KHẢO	107

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Việt Nam sau 30 năm đổi mới, tình hình kinh tế - xã hội thay đổi đáng kể: Tốc độ tăng trưởng kinh tế khá nhanh, quá trình công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước được đẩy mạnh. Tuy nhiên để quá trình này diễn ra nhanh hơn, phần đầu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước Công nghiệp theo hướng hiện đại nhu cầu vốn đầu tư (VĐT) cho phát triển kinh tế trở nên cấp thiết, đời sống người dân ngày phải được nâng lên.

Học tập kinh nghiệm của các nước công nghiệp phát triển đi trước, Việt Nam đã xây dựng mô hình khu công nghiệp (KCN) nhằm thu hút các dòng vốn đầu tư để thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội đặt ra của đất nước như: Phát triển kinh tế của địa phương nơi có KCN được xây dựng và đi vào hoạt động kích thích sự phát triển của các ngành dịch vụ, công nghiệp hỗ trợ của địa phương nói riêng và của cả nước nói chung, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân địa phương và những vùng lân cận... KCN được xây dựng là nơi tập trung nhiều điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, từ đó làm tăng tính hấp dẫn và khả năng cạnh tranh cho môi trường đầu tư nước ta. Tính hết năm 2019, Việt Nam đã xây dựng được 304 KCN trong số 463 KCN được quy hoạch, tổng diện tích đất tự nhiên của các KCN này xấp xỉ 85.2 ngàn ha, trong đó diện tích đất Công nghiệp có thể cho thuê đạt 56 ngàn ha (chiếm khoảng 66% diện đất tự nhiên), các KCN trên cả nước đã thu hút được khoảng 95 tỷ USD, tổng số vốn đầu tư thực hiện đạt khảng 58.5 tỷ USD, tỷ lệ VĐT thực hiện so với VĐT đăng ký khoảng hơn 60% và khoảng 5750 dự án đầu tư trong nước với tổng số VĐT đăng ký khoảng 570 nghìn tỷ đồng, tổng VĐT thực hiện đạt 310 nghìn tỷ đồng (đạt khoảng 54% tổng số VĐT đăng ký (Quốc Bảo, 2015).

Trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với các địa phương trong cả nước, Bình Định đang nỗ lực chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu kinh tế địa phương theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành công nghiệp và dịch vụ. Để đạt các mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội lần thứ XVII Đảng bộ tỉnh đã đề ra, phần đầu đưa nền kinh tế tỉnh Bình Định phát triển nhanh và bền vững, giàu về kinh tế, mạnh về an ninh quốc phòng việc hình thành và phát triển các Khu công nghiệp, Khu kinh tế trên địa bàn tỉnh đóng vai trò quyết định. Bên cạnh việc tiếp tục phát huy mạnh mẽ nội lực, tranh

thủ tối đa ngoại lực, tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế nhằm góp phần đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh nhà. Trong đó việc đẩy nhanh thu hút vốn phát triển Khu Kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa đột phá để thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Theo quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Bình Định được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Định sẽ chia làm 9 khu công nghiệp (trừ KCN trong KKT Nhơn Hội) với tổng diện tích quy hoạch là 1.961 ha bao gồm KCN Phú Tài, KCN Cát Trinh, KCN Nhơn Hòa, KCN Hòa Hội, KCN Bình Nghi, KCN Bồng Sơn, KCN Bình Lon. Các KCN đều có vị trí thuận lợi trong việc trung chuyển hàng hóa, sản phẩm sản xuất giữa Tây Nguyên, các nước trong tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng với cảng Quy Nhơn, KKT Nhơn Hội và các tỉnh Nam Trung Bộ.

Vì vậy, đề tài " Thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định " được em chọn để làm khóa luận tốt nghiệp để tiến hành nghiên cứu và tìm hiểu.

2. Mục tiêu nghiên cứu

- Khái quát cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư vào các KCN, Xem xét tác động của các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư phát triển các KCN.

- Đánh giá, phân tích tình hình thu hút vốn đầu tư tại các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định

- Đề xuất những giải pháp, cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện của các khu công nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả thu hút vốn đầu tư trong thời gian đến.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là thu hút vốn đầu tư phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

-Phạm vi không gian : Nghiên cứu được thực hiện tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

-Phạm vi thời gian: Tổng hợp Số liệu từ các báo cáo về tình hình đầu tư tại các KCN được lấy trong giai đoạn 2016- 2020 để làm nghiên cứu. Qua đó đề ra Giải pháp được đưa ra đến năm 2025.

4. Phương pháp nghiên cứu

Bài làm sử dụng phương pháp nghiên cứu chính đó là phương pháp nghiên cứu định tính cụ thể như sau:

-Phương pháp so sánh, tổng hợp: Đầu tiên, tác giả tổng quan nghiên cứu liên quan đến thu hút đầu tư phát triển các KCN đã được thực hiện trên thế giới và tại Việt Nam, sau đó phân tích nhằm đánh giá, so sánh với tình hình thu hút đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định .

- Phương pháp thu thập dữ liệu: Tiến hành thu thập số liệu từ các báo cáo và kết quả khảo sát các doanh nghiệp tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định đồng thời đối chiếu với các nghiên cứu trước để bàn luận về kết quả khảo sát và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy việc thu hút vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Phương pháp thống kê mô tả: Tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của các doanh nghiệp, sau đó dựa trên cơ lý thuyết của những nghiên cứu trước nhằm có cơ sở để thiết lập thang đo đánh giá sự hài lòng của các Doanh nghiệp khi quyết định đầu tư. Cuối cùng lượng hóa mức độ đánh giá của các doanh nghiệp được điều tra thông qua việc xử lý và tính toán số liệu trên phần mềm thống kê thông dụng Excel.

5. Những đóng góp của đề tài

- Về mặt lý luận: Cung cấp cơ sở lý luận về khu công nghiệp, thu hút vốn đầu tư phát triển khu công nghiệp.

- Về mặt thực tiễn: Cung cấp số liệu thực tế, khoa học gợi ý các chính sách, các giải pháp thu hút đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định, có thể giúp chính quyền địa phương đưa ra được những chính sách phù hợp, tìm hướng giải quyết phù hợp với thực tiễn, nhằm đẩy mạnh sự phát triển bền vững kinh tế tỉnh Bình Định.

6. Bố cục của khóa luận

Kết cấu của bài gồm có 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút **vốn** đầu tư phát triển khu công nghiệp

Chương 2. Thực trạng thu hút vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 -2020.

Chương 3: Giải pháp đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định.

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU HÚT **VỐN** ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP

1.1. Lý luận chung về khu công nghiệp

1.1.1. Khái niệm về khu công nghiệp

Tuỳ vào điều kiện mỗi nước mà khu công nghiệp có những nội dung hoạt động kinh tế khác nhau. Nhưng nhìn chung, hiện nay trên thế giới có hai mô hình phát triển khu công nghiệp, và cũng từ đó hình thành hai định nghĩa khác nhau về khu công nghiệp.

Định nghĩa 1: Khu công nghiệp là khu vực lãnh thổ rộng có nền tảng là sản xuất công nghiệp, dịch vụ sinh hoạt, vui chơi giải trí, khu thương mại, văn phòng, nhà ở..., khu công nghiệp theo quan điểm này về thực chất là khu hành chính - kinh tế đặc biệt như các công viên công nghiệp ở Đài Loan, Thái Lan và một số nước Tây Âu.

Định nghĩa 2: Khu công nghiệp là khu vực lãnh thổ có giới hạn nhất định, ở đó tập trung các doanh nghiệp công nghệ và dịch vụ sản xuất công nghiệp, không có dân cư sinh sống. Theo quan điểm này, ở một số nước như Malaixia, Thái Lan, Đài Loan..... đã hình thành nhiều khu công nghiệp với qui mô khác nhau.

Theo các chuyên gia của tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) trong chương trình hỗ trợ kỹ thuật xây dựng Luật KCN cho Việt Nam, “KCN là khu vực có hàng rào ngăn cách với bên ngoài, chịu sự quản lý riêng, tập trung tất cả các doanh nghiệp hoạt động SXCN theo bất kỳ cơ chế nào, miễn là phù hợp với các quy định và quy hoạch về vị trí ngành nghề. Trong KCN có thể có một phần đất làm khu chế xuất, chuyên sản xuất hàng xuất khẩu và dịch vụ để sản xuất hàng xuất khẩu”.

Luật Đầu tư của Việt Nam năm 2005 định nghĩa: “Khu công nghiệp là khu chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho SXCN, có ranh giới địa lý xác định, được thành lập theo quy định của Chính phủ”.

Ngoài quy định về khái niệm khu công nghiệp, trong Quy chế này còn đưa ra một số khái niệm liên quan đến hoạt động của khu công nghiệp như:

-Doanh nghiệp khu công nghiệp là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu công nghiệp, bao gồm các doanh nghiệp sản xuất và doanh nghiệp dịch vụ.

-Doanh nghiệp sản xuất khu công nghiệp là doanh nghiệp sản xuất hàng công nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu công nghiệp.

-Doanh nghiệp dịch vụ khu công nghiệp là doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trong khu công nghiệp, thực hiện dịch vụ các công trình kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, dịch vụ sản xuất công nghiệp

-Doanh nghiệp chế xuất là doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, thực hiện các dịch vụ chuyên cho sản xuất hàng xuất khẩu và hoạt động xuất khẩu được thành lập và hoạt động trong khu công nghiệp, khu chế xuất.

-Công ty kinh doanh cơ sở hạ tầng là doanh nghiệp được thành lập có chức năng kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và được Thủ tướng Chính phủ quyết định cho phép đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao.

-Ban quản lý các khu công nghiệp cấp tỉnh là cơ quan quản lý trực tiếp các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trong phạm vi địa lý hành chính một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc Ban quản lý khu công nghiệp trên địa bàn liên tỉnh hoặc Ban quản lý một khu công nghiệp (trường hợp cá biệt) do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập.

Như vậy, ta có thể dễ dàng nhận thấy được qua các định nghĩa trên và cả kinh nghiệm thực tế, KCN chính là một khu đặc thù do Chính phủ thành lập nên nhằm mục đích phục vụ cho hoạt động sản xuất công nghiệp. Chính do mục đích phục vụ sản xuất công nghiệp nên khu công nghiệp không bao gồm khu dân cư sinh sống.

1.1.2. Đặc điểm của KCN

Hiện nay, các KCN được phát triển hầu hết ở mọi quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển. Mặc dù là có sự khác về quy mô, địa điểm, phương thức xây dựng hạ tầng nhưng nói chung các KCN có những đặc điểm sau:

- KCN là một tổ chức không gian lãnh thổ công nghiệp luôn gắn liền phát triển công nghiệp với xây dựng cơ sở hạ tầng và hình thành mạng lưới đô thị và phân bố dân cư hợp lý.

- KCN có chính sách kinh tế đặc thù và ưu đãi nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và hấp dẫn. KCN cho phép các doanh nghiệp sử dụng những phạm vi đất đai nhất định bên trong KCN để thành lập các nhà máy, xí nghiệp, các cơ sở kinh tế, dịch vụ, với nhiều ưu đãi như thủ tục hành chính, giá thuê đất.

- Về tính chất hoạt động, KCN là nơi tập trung và thu hút các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ gắn liền với hoạt động sản xuất công nghiệp gọi chung là doanh nghiệp KCN. Doanh nghiệp KCN có thể là doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, các bên tham gia hợp đồng, hợp tác kinh doanh. Các doanh nghiệp này được quyền kinh doanh những lĩnh vực sau: Xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng; sản xuất gia công; lắp ráp các sản phẩm công nghiệp để phục vụ cho xuất khẩu và tiêu dùng trong nước; phát triển và kinh doanh bằng sáng chế và quy trình công nghệ....

- Về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các KCN đều xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng với những điều kiện thuận lợi cho việc hoạt động sản xuất kinh doanh như đường xá, hệ thống điện nước, thông tin liên lạc, xử lý rác thải.... Nguồn vốn xây dựng cơ bản cho cơ sở hạ tầng do Chính phủ bỏ ra để san lấp mặt bằng, làm đường giao thông... Trong trường hợp nhà nước không đủ vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thì nhà nước kêu gọi từ vốn đầu tư nước ngoài và trong nước. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng trong KCN thường do một công ty phát triển hạ tầng đảm nhiệm. Công ty này có thể là doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, doanh nghiệp liên

doanh thực hiện. Các công ty phát triển hạ tầng KCN sẽ được xây dựng các hạ tầng sau đó cho phép các doanh nghiệp khác thuê lại.

- Về tổ chức quản lý, trên thực tế thì các KCN đều thành lập hệ thống Ban quản lý KCN cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để trực tiếp thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hoạt động sản xuất kinh doanh trong KCN. Ngoài Ban quản lý KCN, tham gia quản lý các KCN còn có các Bộ, Ngành như: UNBD tỉnh – thành phố, Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ thương mại, Bộ xây dựng...

- Sản phẩm của doanh nghiệp KCN chủ yếu dành cho thị trường thế giới và phục vụ xuất khẩu để tăng thu ngoại tệ. tuy nhiên cũng có rất nhiều doanh nghiệp KCN sản xuất kinh doanh nhằm phục vụ nội địa. Các nhà sản xuất trong KCN rất quan tâm đến việc giảm nhập khẩu máy móc, thiết bị hàng hóa tiêu dùng, họ chú trọng trong việc sản xuất hàng hóa chất lượng cao với mục đích thay thế hàng nhập khẩu.

- KCN là mô hình tổng hợp phát triển kinh tế với nhiều thành phần và nhiều hình thức sở hữu khác nhau cùng tồn tại song song: Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài dưới các hình thức hợp đồng, hợp tác kinh doanh; doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài; doanh nghiệp liên danh và doanh nghiệp 100% vốn trong nước.

1.1.3. Phân loại khu công nghiệp

Có thể căn cứ vào nhiều tiêu thức khác nhau

- Căn cứ vào mục đích sản xuất, người ta chia ra khu công nghiệp và khu chế xuất. Khu công nghiệp bao gồm các cơ sở sản xuất hàng công nghiệp để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Khu chế xuất là một dạng của khu công nghiệp chuyên làm hàng xuất khẩu.

- Theo mức độ mới – cũ, khu công nghiệp chia làm 3 loại:

Các khu công nghiệp cũ xây dựng trong thời kỳ bao cấp (từ trước khi có chủ trương xây dựng khu chế xuất năm 1990) như khu công nghiệp Thượng Đình – Hà Nội, khu công nghiệp Việt Trì, khu công nghiệp Gang thép Thái Nguyên v.v...

Các khu công nghiệp cải tạo, hình thành trên cơ sở có một số xí nghiệp đang hoạt động.

Các khu công nghiệp xuất hiện trên địa bàn mới (hiện có khoảng 20).

- Theo tính chất đồng bộ của việc xây dựng, cần tách riêng 2 nhóm khu công nghiệp đã hoàn thành và chưa hoàn thành đầy đủ cơ sở hạ tầng và các công trình bảo vệ môi trường như hệ thống thông tin, giao thông nội khu, các công trình cấp điện, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải, các nhà máy xử lý nước thải, chất thải rắn, bụi khói v.v...

- Theo tình trạng cho thuê, có thể chia số khu công nghiệp thành ba nhóm có diện tích cho thuê được lấp kín dưới 50%, trên 50% và 100%. (Các tiêu thức 3 và 4 chỉ là tạm thời: khi xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ tất cả các công trình và cho thuê hết diện tích thì 2 tiêu thức đó không cần sử dụng nữa).

- Theo quy mô, hình thành 3 loại khu công nghiệp: lớn, vừa và nhỏ. Các chỉ tiêu phân bổ quan trọng nhất có thể chọn là diện tích tổng số doanh nghiệp, tổng số vốn đầu tư, tổng số lao động và tổng giá trị gia tăng. Các khu công nghiệp lớn được thành lập phải có quyết định của Thủ tướng chính phủ. Các khu công nghiệp vừa và nhỏ thuộc quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố. Trong giai đoạn đầu hiện nay ta chú trọng xây dựng các khu công nghiệp vừa và nhỏ để sớm khai thác có hiệu quả.

- Theo trình độ kỹ thuật: có thể phân biệt

Các khu công nghiệp bình thường, sử dụng kỹ thuật hiện đại chưa nhiều.

Các khu công nghiệp cao, kỹ thuật hiện đại thuộc ngành công nghiệp mũi nhọn như công nghệ điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học v.v... làm đầu tàu cho sự phát triển công nghiệp, phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế xã hội dài hạn.

- Theo chủ đầu tư, có thể chia thành 3 nhóm:

Các khu công nghiệp chỉ gồm các doanh nghiệp, dự án đầu tư trong nước.

Các khu công nghiệp hỗn hợp bao gồm các doanh nghiệp, dự án đầu tư trong nước và nước ngoài.

Các khu công nghiệp chỉ gồm các doanh nghiệp, các dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài.

- Theo tính chất của thực thể kinh tế xã hội, cần phân biệt 2 loại:

Các khu công nghiệp thuần túy chỉ xây dựng các xí nghiệp sản xuất, chế biến sản phẩm, không có khu vực dân cư.

Các khu công nghiệp này dần dần sẽ trở thành thị trấn, thị xã hay thành phố vệ tinh. Đó là sự phát triển toàn diện của các khu công nghiệp.

- Theo tính chất ngành công nghiệp có thể liệt kê theo các ngành cấp I, như khu chế biến nông lâm hải sản, khu công nghiệp khai thác quặng, dầu khí, hóa dầu, điện tử, tin học, khu công nghiệp điện, năng lượng, khu công nghiệp phục vụ vận tải, khu công nghiệp vật liệu xây dựng v.v...

- Theo lãnh thổ địa lý: phân chia các khu công nghiệp theo ba miền Bắc, Trung, Nam, theo các vùng kinh tế xã hội (hoặc theo các vùng kinh tế trọng điểm); và theo các tỉnh thành để phục vụ cho việc khai thác thế mạnh của mỗi vùng, làm cho kinh tế xã hội của các vùng phát triển tương đối đồng đều, góp phần bảo đảm nền kinh tế quốc dân phát triển bền vững.

1.1.4. Vai trò các Khu công nghiệp

- KCN đã góp phần huy động được lượng VĐT lớn của các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, phục vụ sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Theo báo cáo của Vụ Quản lý khu kinh tế, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong 6 tháng đầu năm 2018, các khu công nghiệp, khu kinh tế thu hút được 445 dự án đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký mới và điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt gần 7 tỷ USD và 259 dự án đầu tư trong nước đăng ký mới và điều chỉnh tăng vốn với tổng vốn đầu tư cấp mới và tăng thêm khoảng 46.000 tỷ đồng.

- KCN đã tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ, có giá trị lâu dài, góp phần hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng trên cả nước.

Một trong những yêu cầu then chốt của quá trình công nghiệp hóa đất nước là xây dựng và nâng cấp hệ thống CSHT KT-XH. Các KCN chính là một trong những điểm đột phá. Các nhà đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN huy động vốn xây dựng kết cấu hạ tầng KCN để kết nối đồng bộ với kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào KCN, hoạt

động này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư thứ cấp trong việc triển khai nhanh dự án sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng sẽ góp phần cải thiện hệ thống hạ tầng trong và ngoài các KCN, góp phần tích cực cho chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương và cả nước.

- Các KCN đã góp phần quan trọng trong việc giải quyết việc làm, đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao thu nhập, đời sống và trình độ của người lao động.

KCN được hình thành góp phần tích cực trong việc giải quyết việc làm cho một bộ phận lao động rất lớn của địa phương xuất phát từ nhu cầu của các doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh”

Lực lượng lao động trong KCN gia tăng cùng với sự gia tăng các KCN, các dự án hoạt động trong KCN.

- KCN đã góp phần tích cực vào việc bảo vệ môi trường sinh thái.
- Thu hút vốn đầu tư công nghiệp.
- Sử dụng có hiệu quả tài nguyên.
- Hình thành các ngành kinh tế mũi nhọn.
- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

1.2. Lý luận chung về thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp

1.2.1. Lý luận về vốn đầu tư

1.2.1.1. Khái niệm về đầu tư

Đầu tư là sự bỏ ra, sự hy sinh những nguồn lực ở hiện tại (tiền, sức lao động, của cải vật chất, trí tuệ ...) nhằm đạt được những kết quả có lợi cho chủ đầu tư trong tương lai.

1.2.1.2. Khái niệm về vốn đầu tư

Vốn là chìa khóa là điều kiện tiên quyết của mọi quá trình phát triển của bất kì chủ thể kinh tế nào và ngay cả một quốc gia và nhất là đối với những nước đang phát triển và đặc biệt là đối với nền kinh tế đang chuyển đổi như nước ta hiện nay.

Trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân vốn đầu tư cho hoạt động kinh tế rất lớn và đa dạng. Vốn đầu tư không chỉ tạo lập tài sản trực tiếp sản xuất ra

sản phẩm hàng hóa dịch vụ mà còn bao gồm hệ thống kết cấu hạ tầng, các công trình công cộng phục vụ các nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội. Vốn đầu tư không chỉ tạo lập những tài sản tồn tại dưới trạng thái vật chất hay hữu hình như máy móc thiết bị, công trình kiến trúc, nguyên vật liệu... mà còn dưới dạng phi vật chất hay vô hình như các phát minh sáng chế, các giải pháp hữu ích. Ngoài ra vốn đầu tư còn tạo lập các tài sản chính các tài sản tài chính như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi....

Vậy, vốn đầu tư là toàn bộ nguồn lực tài chính (là các khoản tiết kiệm của các tầng lớp dân cư, các tổ chức kinh tế và kể cả số tiết kiệm của nhà nước...) được huy động và sử dụng vào mục đích thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

1.2.2. Vai trò của vốn đầu tư trong nền kinh tế

1.2.2.1. Đối với nền kinh tế

Từ trước tới nay khi nói về đầu tư, không một nhà kinh tế học nào và không một lí thuyết kinh tế nào lại không nói đến vai trò to lớn của đầu tư đối với nền kinh tế. Có thể nói rằng đầu tư là cốt lõi là động lực cho sự tăng trưởng và phát triển nền kinh tế

Tác động đến tổng cung tổng cầu của nền kinh tế

Đầu tư tác động mạnh tới tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế. Mức độ tác động cũng như thời gian ảnh hưởng là khác nhau.

Đối với tổng cầu: Đầu tư là một yếu tố cực kì quan trọng cấu thành tổng cầu. Bởi vì, đầu tư một mặt tạo ra các sản phẩm mới cho nền kinh tế mặt khác nó lại tiêu thụ và sử dụng một khối lượng lớn hàng hoá và dịch vụ trong quá trình thực hiện đầu tư. Do vậy, xét về mặt ngắn hạn đầu tư tác động trực tiếp tới tổng cầu theo một tỉ lệ thuận - Mỗi sự thay đổi của đầu tư đều ảnh hưởng tới ổn định của tổng cầu nền kinh tế.

Đối với tổng cung: Ta biết rằng, tiến hành một công cuộc đầu tư đòi hỏi một nguồn lực, một khối lượng vốn lớn, thành quả (hay các sản phẩm và dịch vụ mới của nền kinh tế) của các công cuộc đầu tư đòi hỏi một thời gian khá dài mới có thể phát huy tác dụng. Do vậy, khi các thành quả này phát huy tác dụng làm cho sản

lượng của nền kinh tế tăng lên. Như vậy, đầu tư có tính chất lâu dài và nó sẽ làm cho đường tổng cung dài hạn của nền kinh tế tăng lên .

Qua sự phân tích trên có thể thấy rằng, đầu tư ảnh hưởng mạnh tới cả tổng cung và tổng cầu. Bởi vì, xét về mặt cầu thì đầu tư tiêu thụ một khối lượng lớn hàng hoá và dịch vụ cho nền kinh tế nhưng đứng về mặt cung thì nó làm cho sản xuất gia tăng, giá cả giảm, tạo công ăn việc làm và làm tăng thu nhập từ đó kích thích tiêu dùng. Mà sản xuất phát triển chính là nguồn gốc của phát triển kinh tế xã hội, là điều kiện để cải thiện đời sống con người. Như vậy đầu tư là nhân tố cho sự tăng trưởng và phát triển một nền kinh tế.

Ảnh hưởng hai mặt đến sự ổn định nền kinh tế

Khi nghiên cứu về đầu tư ai cũng hiểu rằng đầu tư luôn có một độ trễ nhất định, tức là "đầu tư hôm nay, thành quả mai sau. Ngoài ra do đầu tư có ảnh hưởng tới tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế không ăn khớp về thời gian do vậy nó có thể phá vỡ sự ổn định của một nền kinh tế. Nếu đầu tư tốt nó có thể giúp cho nền kinh tế tăng trưởng và phát triển. Ví dụ như các nước NICs, do có đầu tư hiệu quả nên từ những nước còn nghèo đã trở thành những nước công nghiệp với nền kinh tế công nghiệp tương đối phát triển.

Giả sử bây giờ tăng đầu tư trong nước, khi đó làm cho nhu cầu tiêu thụ hàng hoá và dịch vụ liên quan đến công cuộc đầu tư như máy móc, thiết bị sức lao động, nguyên vật liệu... tăng theo. Điều đó làm cho tổng cầu của nền kinh tế của những loại hàng hoá này tăng lên, theo qui luật cung cầu của kinh tế dẫn đến giá cả của những hàng hoá này cũng tăng lên một cách mạnh mẽ, và đến một mức độ nào đó có thì dẫn tới lạm phát ,với tỷ lệ có thể là rất cao. Khi lạm phát xảy ra, giá cả tăng vọt, dẫn đến các chi phí đầu vào cho sản xuất tăng lên dẫn đến sản xuất bị đình trệ, và người lao động thất nghiệp , nền kinh tế bị giảm thu nhập và đời sống của các tầng lớp dân cư bị gảm sút. Tất cả những điều đó làm cho nền kinh tế lâm vào khủng hoảng trì trệ và làm giảm tốc độ phát triển. Tuy nhiên nếu các quốc gia điều tiết đầu tư thì không những khắc phục được những ảnh hưởng tiêu cực mà còn làm cho nó trở thành động lực cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Đầu tư tác động đến tốc độ tăng trưởng và phát triển nền kinh tế

Ta thấy rõ rằng đầu tư có ảnh hưởng đến tổng cung và tổng cầu và tác động đến sự ổn định của nền kinh tế. Như vậy, sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn của đầu tư.

Để xem xét cụ thể ta có thể sử dụng hàm Harrod- Domar để minh họa mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và vốn đầu tư.

$$K = \frac{i}{g}$$

Trong đó: k là hệ số gia tăng sản lượng hay hệ số ICOR

i là vốn đầu tư

g là mức tăng GDP

Từ đó suy ra: $g = \frac{i}{k}$

Như vậy, nếu ICOR không đổi thì tốc độ tăng trưởng GDP hoàn toàn phụ thuộc vào vốn đầu tư hay nói cách khác đầu tư quyết định sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Đối với mỗi quốc gia khác nhau ICOR cũng khác nhau, nó tùy thuộc vào trình độ phát triển kinh tế xã hội và cơ chế chính sách của nhà nước. Đối với các nước đang phát triển có ICOR thấp còn các nước phát triển ngược lại. Đồng thời chỉ số ICOR của nhiều ngành kinh tế là khác nhau, trong đó ICOR trong nông nghiệp thường là rất thấp tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp cũng không cao.

Ngoài ra đầu tư còn làm tăng năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, năng lực sản xuất do vậy thay đổi tốc độ phát triển kinh tế. Vì vậy đối với mỗi quốc gia cần có một chính sách thích hợp để huy động vốn và đầu tư có hiệu quả nhằm nâng cao tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế nước mình.

Đầu tư tác động đến sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Một quốc gia được coi là phát triển khi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp trong đó công nghiệp và dịch vụ chiếm một tỷ lệ cao trong GDP của nước đó. Bởi vì nông nghiệp do nhiều hạn chế về điều kiện tự nhiên

và khả năng sinh học của cây trồng vật nuôi nên chỉ có tốc độ tăng trưởng tối đa từ 5-6%. Do vậy khi công nghiệp và dịch vụ chiếm tỷ lệ cao, nó có khả năng đưa tốc độ tăng trưởng kinh tế của nước đó lên cao 9-10% năm. Muốn vậy chúng ta phải chính sách đầu tư thoả đáng. Mỗi nước cần tăng cường tỷ lệ đầu tư cho công nghiệp và dịch vụ và có nhiều chính sách phát huy hiệu quả của đầu tư có vậy thì mới có công nghiệp và dịch vụ phát triển.

Trong nông nghiệp ta cũng nên đầu tư nhiều hơn cho chăn nuôi bởi chăn nuôi thường có tỷ lệ tăng trưởng mạnh hơn trồng trọt.

Còn đối với cơ cấu vùng lãnh thổ một quốc gia phát triển thường có cơ cấu kinh tế lãnh thổ cân đối và đồng đều giữa các vùng trong cả nước. Do vậy bên cạnh việc đầu tư trọng điểm để phát triển thành thị và các vùng đồng bằng chúng ta cũng cần có chính sách để đầu tư phát triển kinh tế các vùng núi và nông thôn để vừa phát triển kinh tế xã hội vừa tạo sự cân bằng ổn định trong nước.

Đầu tư góp phần nâng cao trình độ khoa học công nghệ

Ta biết rằng khoa học công nghệ là trung tâm của đời sống kinh tế xã hội hiện đại. Một đất nước, một quốc gia chỉ phát triển được khi có khoa học công nghệ tiên tiến và hiện đại. Ở các nước phát triển, họ có mức đầu tư lớn, có quá trình phát triển lâu dài nên trình độ khoa học công nghệ của họ hơn hẳn các nước khác trên thế giới. Khi họ áp dụng các thành tựu này làm cho nền kinh tế có mức độ tăng trưởng mạnh mẽ, đời sống nhân dân nâng cao. Còn đối với các nước đang phát triển, do công nghệ nghèo nàn, lạc hậu lại không có điều kiện để nghiên cứu phát triển khoa học kỹ thuật nền kinh tế phát triển rất thấp, sản xuất kém phát triển và bị phụ thuộc vào các nước công nghiệp. Muốn thoát khỏi tình trạng này thì các nước phải tăng cường đầu tư và tìm cách thu hút đầu tư từ bên ngoài vào trong nền kinh tế. Đầu tư ở đây được hiểu là các nước này thu hút công nghệ hiện đại bên ngoài phù hợp đồng thời tổ chức nghiên cứu để phát minh ra các công nghệ mới hiện đại hơn. Quá trình công nghiệp hoá hiện đại của các nước này có thành công hay không phụ thuộc rất nhiều vào việc đầu tư phát triển khoa học công nghệ. Có thể khẳng định rằng đầu tư khoa học công nghệ là một chính sách cực kì quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

Ngoài các vai trò chính yếu trên, đầu tư còn có một vài vai trò khác như làm tăng ngân sách cho chính phủ, góp phần làm ổn định đất nước, mở rộng ảnh hưởng của quốc gia...

Qua việc phân tích trên ta có thể khẳng định rằng đầu tư là chìa khoá cho sự phát triển của mỗi quốc gia và cho toàn thế giới.

1.2.2.2. Đối với doanh nghiệp

Vốn là nhân tố tiền đề cho sự ra đời, tồn tại và phát triển của từng đơn vị kinh tế. Đối với doanh nghiệp, vốn kinh doanh được xem như là khối lượng giá trị ãuợc tạo lập ra và đưa vào kinh doanh nhằm mục đích sinh lời.

Vốn vừa là nhân tố đầu vào, vừa là kết quả phân phối thu nhập ãu ra của quá trình đầu tư.

Vốn kinh doanh của các doanh nghiệp có thể thuộc sở hữu nhà nước, cá nhân, tập thể. Sở hữu cá nhân nếu số vốn ãó nằm trong công ty tư nhân. sở hữu tập thể nếu số vốn ãó nằm trong công ty trách nhiệm hữu hạn hay công ty cổ phần. Vốn trong các doanh nghiệp nhà nước hình thành từ nguồn vốn do ngân sách nhà nước cấp thuộc sở hữu nhà nước. Nhưng dù ở hình thức sở hữu nào thì vai trò của vốn cũng không thay ãổi.

Với mọi doanh nghiệp dù ở hình thức nào thì muốn hoạt ãộng sản xuất kinh doanh ãược ãều phải có lượng vốn nhất ãịnh. ãây là ãiều kiện tiên quyết, quan trọng nhất cho sự ra đời tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Tuỳ theo loại hình kinh doanh mà luật qui ãịnh doanh nghiệp phải có số vốn pháp ãịnh nhất ãịnh. Tuỳ theo nguồn vốn kinh doanh cũng như phương thức huy ãộng vốn mà doanh nghiệp có các tên gọi khác nhau như: doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn... Có vốn doanh nghiệp mới có ãiều kiện ãể trang bị các thiết bị, cơ sở vật chất cần thiết cho hoạt ãộng sản xuất kinh doanh như văn phòng, phương tiện hoạt ãộng, ... cùng với việc ứng dụng khoa học vào hoạt ãộng sản xuất kinh doanh, vốn cũng quyết ãịnh ãến khả năng ãổi mới thiết bị, công nghệ, phương pháp quản lý,... của doanh nghiệp trong suốt quá trình hoạt ãộng.

Số lượng vốn của doanh nghiệp lớn hay nhỏ là một trong những tiêu thức quan trọng để xếp doanh nghiệp vào qui mô lớn, hay nhỏ và nó cũng là điều kiện để sử dụng các tiềm năng hiện có cũng như các yếu tố đầu vào doanh nghiệp. ví dụ khi doanh nghiệp có ít vốn thì chỉ có thể sử dụng các loại máy móc có công nghệ trung bình và sử dụng nhiều nhân công. Ngược lại doanh nghiệp có lượng vốn lớn thì có khả năng sử dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm được nhiều chi phí và nhân công. Ngoài ra vốn của doanh nghiệp lớn hay nhỏ còn quyết định đến qui mô thị trường và khả năng mở rộng thị trường của doanh nghiệp.

Trong doanh nghiệp vốn còn đóng vai trò thể hiện ở chức năng giám đốc tài chính đối với hoạt động sản xuất của doanh nghiệp. Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp có thể đánh giá có hiệu quả kinh doanh hay không thông qua các chỉ tiêu sinh lời.

Vốn đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh được diễn ra liên tục từ khoản mua sắm vật tư, sản xuất cho đến tiêu thụ sản phẩm. Hơn nữa trong nền kinh tế thị trường tự do cạnh tranh, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải có các bí quyết công nghệ tiên tiến để nâng cao năng xuất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiêu thụ sản phẩm. Để thực hiện được cả quá trình trên thì doanh nghiệp phải có vốn để đầu tư.

Bên cạnh đó vốn còn ảnh hưởng đến phạm vi hoạt động đa dạng hoá ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp bởi tất cả những hoạt động xây dựng phương án kinh doanh đầu tư máy móc sản xuất, dây chuyền công nghệ, xây dựng hệ thống phân phối sản phẩm, phân tích thị trường... đều phụ thuộc vào quy mô vốn nhất định.

Việc đảm bảo tốt nguồn vốn kinh doanh còn giúp doanh nghiệp trong việc chống đỡ được những tổn thất, rủi ro, biến động thị trường, khủng hoảng tài chính...trong quá trình hoạt động, đặc biệt là những ngành kinh doanh nhiều rủi ro như ngân hàng.

Trong cơ chế thị trường cùng với việc mở rộng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong sản xuất kinh doanh, việc có vốn và tập trung vốn nhiều hay ít vào doanh nghiệp có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc đẩy mạnh kinh doanh. Đồng thời nó cũng là nguồn lực để phát huy tài năng của ban lãnh đạo doanh nghiệp, là điều kiện

để thực hiện các chiến lược, sách lược, kinh doanh, và nó cũng là chất keo để chấp nối, kết dính các quá trình kinh tế là dầu nhờn để bôi trơn cỗ máy kinh tế vận động.

Như vậy vai trò của vốn rất quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, thực tiễn nền kinh tế trong những năm qua cũng cho thấy doanh nghiệp nào có lượng vốn càng lớn thì càng có thể chủ động trong kinh doanh. Ngược lại doanh nghiệp nào thiếu vốn kinh doanh không có chiến lược tài trợ trước mắt cũng như lâu dài thường đánh mất cơ hội kinh doanh, cũng như vai trò của mình trên thị trường mất bạn hàng thường xuyên ổn định không tạo ra sức mạnh và hiệu quả tổng hợp trong kinh doanh.

Nhận biết được vai trò của vốn trong kinh doanh, nhưng để có được lượng vốn cần thiết thì nhất thiết doanh nghiệp phải có các biện pháp tạo lập hữu hiệu và phù hợp, đồng thời phải có chính sách sử dụng hiệu quả và hợp lý. Tuy nhiên sử dụng hình thức tạo lập nào, thời hạn dài hay ngắn, chi phí huy động cao hay thấp... bắt buộc doanh nghiệp phải luôn có sự cân nhắc, vừa đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa tối thiểu hoá chi phí, hạn chế thấp nhất rủi ro nhằm thực hiện được các mục tiêu của mình.

Mặt khác mỗi doanh nghiệp đều có các đặc điểm riêng, có những lợi thế riêng và những hạn chế nhất định. Chính vì vậy mỗi doanh nghiệp phải tự đánh giá phân tích những ưu và nhược điểm của mình để tìm ra những phương thức tạo lập vốn phù hợp nhất hiệu quả nhất phát huy khả năng tiềm ẩn và hạn chế những nhược điểm.

1.2.3. Lý luận về thu hút các nguồn vốn đầu tư

1.2.3.1. Khái niệm thu hút vốn đầu tư

Trên góc độ chính sách, Thu hút vốn đầu tư được hiểu là tập hợp các hành động, chính sách nhằm gia tăng sự hấp dẫn của một địa điểm đầu tư, kích thích nhà đầu tư đưa ra quyết định đầu tư. Với quan niệm này, thu hút vốn đầu tư bao gồm các hoạt động như: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư.

Trên khía cạnh nội dung công việc, thu hút đầu tư bao gồm các công việc như: xúc tiến đầu tư, cải thiện môi trường đầu tư và chính sách ưu đãi, hỗ trợ cho nhà đầu tư như: miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhập khẩu máy móc thiết bị, nguyên liệu., miễn giảm tiền thuê đất, hỗ trợ giải phóng chi phí mặt bằng.

Trên phương diện hành vi của nhà đầu tư, thu hút đầu tư được hiểu là sự hấp dẫn của một địa điểm đầu tư, kích thích nhà đầu tư hình thành ý định và thực hiện hành vi ra quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư, từ đó làm gia tăng dòng chảy đầu tư vào một địa phương, quốc gia được biểu hiện thông qua số lượng vốn đăng ký, thực hiện trong một thời kỳ nhất định.

1.2.3.2. Thu hút vốn đầu tư trong nước

Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước

Vốn đầu tư từ NSNN được hình thành từ vốn tích lũy của nền kinh tế, và quy mô của nó tùy thuộc vào chính sách tiết kiệm và tiêu dùng của chính phủ. Vốn đầu tư thuộc NSNN thông thường tài trợ cho các dự án đầu tư công, tức là những dự án nhằm tạo ra những hàng hoá, dịch vụ công.

Nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp

Vốn đầu tư của các doanh nghiệp thường được hình thành từ thu nhập của doanh nghiệp còn lại, sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế, chính sách cổ tức và nguồn khấu hao tài sản của doanh nghiệp. Nguồn vốn này ngày càng có vai trò to lớn và ý nghĩa quan trọng trong việc tái đầu tư, tác động trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Tiết kiệm của dân cư

Tiết kiệm của khu vực dân cư thông thường là khoản thu nhập còn lại, sau khi sử dụng cho mục đích tiêu dùng hiện tại, và cũng có thể là các khoản để dành cho nhu cầu tương lai của các cá nhân, hộ gia đình hoặc các khoản dự phòng khi ốm đau, tai nạn...

1.2.3.3. Thu hút vốn đầu tư ngoài nước

Viện trợ phát triển chính thức (ODA)

Vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) là nguồn vốn do Chính phủ các nước, các tổ chức tài chính quốc tế như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc

tế (IMF) và các tổ chức quốc tế tài trợ thông qua hình thức viện trợ không hoàn lại, hoặc cho vay với lãi suất thấp, thậm chí không có lãi.

Tài trợ của các tổ chức phi chính phủ (NGO)

Trước đây, viện trợ của các tổ chức phi Chính phủ chủ yếu là cho các nhu cầu nhân đạo như nhu cầu cung cấp thuốc men, lương thực, quần áo cho nạn nhân bị thiên tai, dịch bệnh, dịch họa...Hiện nay, hình thức viện trợ này đã thay đổi chính sách chuyển dần từ viện trợ nhân đạo sang hỗ trợ cho việc phát triển các công trình cơ sở hạ tầng có quy mô vừa và nhỏ.

Vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI)

Ở Việt Nam, theo Luật đầu tư nước ngoài đầu tư trực tiếp nước ngoài có các hình thức sau đây:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài;
- Doanh nghiệp liên doanh;
- Hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh;
- Các hình thức khác.

1.2.4. Các chính sách thu hút đầu tư

Chính sách thu hút vốn đầu tư là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính sách có ảnh hưởng quyết định đến chính sách đầu tư phát triển kinh tế, đồng thời nó còn có tác động chi phối các quan hệ tích lũy, tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư trong phạm vi toàn xã hội. Các chính sách bao gồm:

- *Chính sách ưu đãi của nhà nước*

Chính sách ưu đãi đầu tư của Việt Nam đã có sự thống nhất, không còn phân biệt đối xử giữa nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Nhiều tiêu chí để xác định đối tượng được ưu đãi thuế cũng được điều chỉnh, bãi bỏ như không còn ưu đãi thuế đối với hàng xuất khẩu (trợ cấp xuất khẩu) hoặc với hàng hoá có tỷ lệ nội địa hoá cao. Đối tượng ưu đãi thuế dựa trên 2 tiêu chí chính: ưu đãi theo địa bàn (khó khăn và đặc biệt khó khăn) và theo lĩnh vực.

Về hình thức ưu đãi, ngoài các hình thức ưu đãi quen thuộc như thuế thu nhập doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế xuất nhập khẩu, bắt đầu xuất hiện thêm nhiều hình thức ưu đãi khác như: ưu đãi thuế thu nhập cá nhân cho người lao động, hỗ trợ chi phí thủ tục hành chính, chi phí đầu tư hạ tầng, hỗ trợ lãi suất, trợ giá, bao tiêu sản phẩm đối với một số ngành rất khó thu hút đầu tư như năng lượng sạch, hoá dầu...

- *Chính sách quảng bá hình ảnh địa phương*

Hình ảnh địa phương đặc biệt những hình ảnh về công nghiệp của ở địa phương có tác động mạnh tới các nhà đầu tư. Hình ảnh công nghiệp ở địa phương là tổng hợp những niềm tin, ý tưởng và ấn tượng mà người ta có về công nghiệp ở địa phương. Hình ảnh công nghiệp tiêu biểu cho sự đơn giản hóa phần lớn những liên hệ và các mẫu thông tin gắn liền với công nghiệp ở địa phương. Chính sách quảng bá công nghiệp khi được chú ý lồng ghép sẽ làm cho hình ảnh địa phương trở nên quen thuộc với mọi người.

- *Chính sách xúc tiến thu hút đầu tư*

Xúc tiến đầu tư là các biện pháp để giới thiệu, quảng cáo cơ hội đầu tư với bên ngoài, các cơ quan xúc tiến đầu tư địa phương thường tổ chức các đoàn tham quan, khảo sát ở các địa phương khác và nước ngoài; tham gia, tổ chức các hội thảo khoa học, diễn đàn đầu tư, kinh tế ở khu vực và quốc tế.

Công tác xúc tiến đầu tư phải được tiến hành đồng bộ với với công tác quảng bá hình ảnh địa phương và du lịch địa phương mới có hiệu quả. Và dường như nhiều khi hai mảng công việc này xen với nhau và trùng với nhau.

- *Chính sách hỗ trợ đầu tư*

Chính sách hỗ trợ đầu tư là các hoạt động cần thiết và tiếp theo các bước trên.

Đây là những hoạt động giúp cho nhà đầu tư triển khai dự án sau khi đã quyết định đầu tư. Các mức ưu đãi tài chính - tiền tệ dành cho vốn đầu tư trước hết phải bảo đảm cho các chủ đầu tư tìm kiếm được lợi nhuận cao nhất trong điều kiện kinh doanh chung của khu vực, của mỗi nước; đồng thời nó còn khuyến khích họ đầu tư vào những nơi mà Chính phủ muốn khuyến khích đầu tư.

- *Chính sách phát triển cơ sở hạ tầng*

Sự phát triển của cơ sở hạ tầng kinh tế của một quốc gia và một địa phương tiếp nhận đầu tư luôn là điều kiện vật chất hàng đầu để các chủ đầu tư có thể nhanh chóng thông qua các quyết định và triển khai thực tế các dự án đầu tư đã cam kết. Một tổng thể hạ tầng phát triển phải bao gồm một hệ thống giao thông vận tải đồng bộ và hiện đại; một hệ thống thông tin liên lạc viễn thông với các phương tiện nghe – nhìn hiện đại; hệ thống điện, nước đầy đủ và phân bổ tiện lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như đời sống xã hội; một hệ thống mạng lưới cung cấp các loại dịch vụ phát triển rộng khắp, đa dạng và có chất lượng cao.

- Chính sách thu hút nguồn nhân lực

Đội ngũ nhân lực có tay nghề cao là điều kiện rất quan trọng để một nước và ñịa phương vượt qua được những hạn chế về tài nguyên thiên nhiên và trở nên hấp dẫn các nhà đầu tư. Việc thiếu các nhân lực kỹ thuật lành nghề, các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý cao cấp, các nhà doanh nghiệp tài ba và sự lạc hậu về trình độ khoa học – công nghệ sẽ khó lòng đáp ứng ñược các yêu cầu của nhà đầu tư để triển khai các dự án của họ, làm chậm và thu hẹp lại dòng vốn đầu tư.

1.2.5. Nội dung thu hút vốn đầu tư

Nội dung Xúc tiến đầu tư

Công tác xúc tiến đầu tư bao gồm 6 nội dung sau:

- Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư

Một chiến lược XTĐT sẽ là một sơ đồ chỉ dẫn để đạt được những mục tiêu đề ra. Các hoạt động như quảng cáo, cung cấp thông tin thị trường, gửi thư trực tiếp, tổ chức hội thảo và các đoàn vận động đầu tư, tổ chức và tham gia triển lãm thương mại,... cần được sắp xếp hợp lý trong một kế hoạch tổng thể.

Xây dựng chiến lược XTĐT theo 3 bước như sau:

- Bước 1: Đánh giá nhu cầu và tiềm năng đầu tư

Xác định các mục tiêu phát triển: mục tiêu XTĐT cần phản ánh mục tiêu phát triển của quốc gia để tối đa hoá lợi ích những nỗ lực xúc tiến.

Khảo sát các xu hướng của đầu tư và các ảnh hưởng bên ngoài: Khảo sát cho biết những yếu tố nào hấp dẫn nhà đầu tư và điều gì có thể ảnh hưởng đến quyết

định của họ. Qua đó quốc gia tiến hành khảo sát có thể xác định các ngành, lĩnh vực tiềm năng để hướng tới.

Tiến hành phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT)

Phân tích các đối thủ cạnh tranh: cùng với việc phân tích SWOT giúp xác định khả năng cạnh tranh của một đất nước dưới góc độ là một điểm đến đầu tư.

➔ Kết thúc bước 1 sẽ cho thấy một bức tranh hiện tại về đất nước để xác định lĩnh vực, ngành nghề mà đất nước đó có khả năng thu hút như trình bày ở bước 2.

□ Bước 2: Hướng tới các ngành và các khu vực có nguồn vốn đầu tư

Xây dựng một danh sách dài các ngành: Danh sách sơ bộ các ngành có khả năng hướng tới bao gồm các ngành đã có, các ngành tại các nước cạnh tranh, hoặc các nước có điều kiện tương tự.

Phân tích các ngành: phân tích cơ cấu ngành, xác định các doanh nghiệp chính,...

Đánh giá sự phù hợp của ngành với đất nước

Lập danh sách ngắn các ngành phù hợp nhất

Hướng đến các khu vực địa lý có nguồn đầu tư.

➔ Bằng việc xác định các loại ngành trọng tâm hướng tới, một chiến lược marketing sẽ được xây dựng phù hợp với những yêu cầu cụ thể của các công ty trong ngành.

□ Bước 3: Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư

Điều chỉnh phương pháp xúc tiến đầu tư: Các ngành, các công ty có quốc tịch khác nhau cần áp dụng những kỹ thuật xúc tiến khác nhau.

Đánh giá chức năng tổ chức và trách nhiệm của cơ quan tiến hành hoạt động XTĐT.

Đánh giá sử dụng ngân sách: Xác định chi phí cần thiết cho các hoạt động xúc tiến mới và các chi phí này sẽ được trang trải như thế nào?

Xây dựng tài liệu chiến lược: Tài liệu chiến lược sẽ trình bày rõ ràng các mục tiêu xúc tiến và các hoạt động dự kiến trong thời gian tới.

Như vậy chiến lược xúc tiến đầu tư định hướng FDI vào các ngành, lĩnh vực và khu vực địa lý cụ thể, qua đó tăng hiệu quả đồng vốn và giúp nền kinh tế phát triển một cách bền vững.

- Xây dựng các mối quan hệ đối tác

Các mối quan hệ đối tác này có thể được phân loại theo 3 cách: nhằm phát triển sản phẩm, marketing và cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Để xây dựng quan hệ đối tác thành công cơ quan XTĐT cần nghiên cứu động lực của đối tác khi tham gia vào mối quan hệ, đóng góp dự kiến... và chuẩn bị các cuộc thảo luận chi tiết. Các mối quan hệ đối tác nên được đánh giá và xem xét thường xuyên 6 tháng/lần để đảm bảo tính hiệu quả.

- Xây dựng hình ảnh đất nước

Một nhà đầu tư khi đưa ra quyết định lựa chọn địa điểm đầu tư thường dựa vào những thông tin đã có và lời khuyên cũng như ý kiến của các nhà đầu tư khác. Tuy nhiên do thông tin chưa đầy đủ, nhà đầu tư có thể đưa ra những lựa chọn không chính xác. Việc xây dựng hình ảnh đất nước của các cơ quan XTĐT nhằm cung cấp đầy đủ và chính xác nhất thông tin về đất nước mình, rút ngắn khoảng cách giữa nhận thức và thực tế, thay đổi hình ảnh của đất nước với tư cách là một địa điểm đầu tư. Việc xây dựng hình ảnh của một đất nước bắt đầu bằng việc đánh giá xem các nhà đầu tư nhận thức như thế nào về đất nước này. Có nhiều cách để đánh giá như nghiên cứu thông tin trên sách báo, ấn phẩm, mạng internet, sử dụng phiếu phỏng vấn... Dựa vào kết quả đánh giá nhận thức của nhà đầu tư thu được để xây dựng chủ đề marketing trọng tâm. Chủ đề marketing không chỉ nhấn mạnh những lợi thế của đất nước này mà còn phản ánh những gì mà nhà đầu tư đang tìm kiếm. Để truyền tải thông điệp marketing này hiệu quả, cần lựa chọn công cụ marketing phù hợp. Các công cụ truyền tin bao gồm: brochure giới thiệu, báo cáo chuyên ngành, bản tin tức, thư ngỏ, CD-ROM, internet và video.

- Lựa chọn mục tiêu và cơ hội đầu tư

Sau khi tiến hành chiến lược xây dựng hình ảnh, cơ quan XTĐT bắt đầu thực hiện một chiến lược vận động đầu tư. Tuy nhiên đây là một thách thức trong quá trình XTĐT khi quyết định sử dụng phối hợp hợp lý giữa hai chiến lược này.

Một nước sẵn sàng chuyển từ giai đoạn xây dựng hình ảnh sang vận động đầu tư khi các hoạt động xây dựng hình ảnh đã cho những kết quả nhất định. Khi đó, IPA có thể tiến hành thiết kế một cơ sở dữ liệu sát thực để phục vụ các nhà đầu tư. Đồng thời nghiên cứu lập danh sách các công ty sẽ là mục tiêu vận động. Các công cụ vận động đầu tư chủ yếu là quảng cáo, gọi điện và gửi thư trực tiếp, mạng Internet, đặt đại diện ở nước ngoài.

Xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhà đầu tư tiềm năng nhằm định hướng cho vận động đầu tư. Sau đó nhóm XTĐT có thể bắt đầu liên hệ với các nhà đầu tư. Mỗi liên hệ sẽ mở đầu cho chiến dịch vận động đầu tư. Chiến dịch vận động đầu tư có ba việc chính: xây dựng kế hoạch marketing, chuẩn bị thư marketing trực tiếp, và thuyết trình tại công ty.

Lập báo cáo về công ty, kế hoạch đầu tư và yêu cầu của họ.

- Cung cấp dịch vụ cho các nhà đầu tư

Hỗ trợ dịch vụ cho các nhà đầu tư bao gồm chuẩn bị và sắp xếp chương trình đi thăm thuộc địa, tổng hợp kế hoạch phát triển, và theo dõi, hỗ trợ nhà đầu tư.

- Giám sát đánh giá và hoạt động kết quả

Việc giám sát và đánh giá XTĐT không chỉ về mặt định lượng mà còn về mặt hiệu quả của các hoạt động. Hoạt động này có thể tiến hành theo trình tự sau:

Giám sát tình hình môi trường đầu tư tại địa phương;

Giám sát và đánh giá hoạt động của cơ quan XTĐT;

Giám sát và đo lường tình hình đầu tư thực tế;

Xây dựng tiêu chuẩn so sánh kết quả đầu tư.

Thu hút đầu tư Phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng

Đây là hoạt động thu hút các nhà đầu tư nhằm mục tiêu đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng của KCN phục vụ các nhà đầu tư thứ cấp bao gồm các nội dung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

Nhà đầu tư hạ tầng đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng KCN, các nhà đầu tư thứ cấp thuê kết cấu hạ tầng KCN đã được đầu tư sẵn này để thực hiện hoạt động kinh doanh. Vốn đầu tư kết cấu hạ tầng KCN lớn, thời gian thu hồi vốn đầu tư lâu, muốn thu hút đầu tư phải hướng vào những doanh nghiệp có khả năng tài chính và năng lực kỹ thuật do nhà nước đứng ra đầu tư xây dựng. Nếu nhà đầu tư không mạnh mẽ về vốn, hoạt động đầu tư hạ tầng có thể diễn ra rất chậm, ảnh hưởng đến kết quả thu hút vốn đầu tư thu hút vào các KCN ở địa phương.

Sau khi kết cấu hạ tầng KCN được các nhà đầu tư hạ tầng đầu cơ bản, các nhà đầu tư thứ cấp mua kết cấu hạ tầng này để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh của mình. KCN càng thu hút được nhiều nhà đầu tư thứ cấp thì tỷ lệ lấp đầy các KCN càng cao càng thúc đẩy KCN phát triển. Thu hút đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh – thu hút nhà đầu tư thứ cấp cũng chính là mục tiêu hướng tới của mỗi KCN.

1.3. Khái niệm về đầu tư phát triển các KCN

1.3.1. Khái niệm đầu tư phát triển KCN

Đầu tư phát triển là bộ phận cơ bản của đầu tư, là hoạt động sử dụng vốn trong hiện tại, nhằm tạo ra những tài sản vật chất và trí tuệ mới, năng lực sản xuất mới và duy trì những tài sản hiện có, nhằm tạo thêm việc làm và vì mục tiêu phát triển.

Đầu tư phát triển KCN là tổng thể các hoạt động về huy động và sử dụng các nguồn lực nhằm xây dựng và phát triển các KCN trong phạm vi không gian lãnh thổ và trong một thời kỳ nhất định gắn với sự tác động tổng hợp của các yếu tố tự nhiên, kinh tế xã hội của vùng. Đó là quá trình tiến hành và xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cùng nhiều dự án đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất hoặc dịch vụ trong KCN, do cộng đồng các doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp có VĐT nước ngoài cùng tham gia các dự án ĐTPT theo cơ cấu hợp lý và quy hoạch thống nhất. Hình thành và phát triển KCN là quá trình tập hợp nhiều dự án đầu

tư được thực hiện trong một thời gian dài từ khi chuẩn bị dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đến khi xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ các công trình hạ tầng; từ việc xác định và thu hút các dự án đầu tư sản xuất đến khi các dự án này được vận hành với toàn diện tích của KCN được sử dụng, đạt được hiệu quả KT- XH như dự kiến. Việc thực hiện hoạt động ĐTPT KCN tạo ra những tài sản vật chất, trí tuệ mới, năng lực sản xuất mới, tạo thêm việc làm và vì mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

1.3.2. Nguồn vốn đầu tư phát triển khu công nghiệp

KCN có cơ chế ưu đãi như vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được áp dụng đa dạng các phương thức huy động nguồn vốn nhằm mục tiêu huy động tối đa nguồn lực xã hội để ĐTPT hệ thống kết cấu hạ tầng. Theo đó:

- Đối với dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng của KCN: Được bố trí vốn từ nguồn vốn ĐTPT của ngân sách địa phương và vốn hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách trung ương.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng hạ tầng quy mô lớn, có vai trò then chốt đối với sự phát triển KCN: Được phát hành trái phiếu công trình.

- Công trình kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cần thiết của KCN: Được sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn tín dụng ưu đãi và các trợ giúp kỹ thuật khác.

- Đối với dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu chức năng trong KCN: Được huy động vốn thông qua việc cho nhà đầu tư (trừ đối tượng được quy định tại điểm d khoản 4 Điều 3 Luật Đầu tư) có khả năng về tài chính và kinh nghiệm thu hút VĐT thuê lại một phần hoặc toàn bộ diện tích đất chưa cho thuê để đầu tư và cho thuê lại đất.

Như vậy, cơ chế huy động vốn cho ĐTPT KCN là đa dạng, mở và thông thoáng. Mỗi KCN đều được ngân sách nhà nước hỗ trợ để xây dựng hạ tầng, điều tối quan trọng cho việc phát triển của từng tỉnh thành; vì phát triển KCN được xác định là một chính sách quốc gia”. Theo Quyết định 183/2004/QĐ-TTg ngày 19/10/2004 và Quyết định số 43/2009/QĐ-TTg ngày 19/3/2010 của Thủ tướng Chính phủ về cơ

chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương đối với ĐTPT hệ thống kết cấu hạ tầng KCN, thì ngân sách Trung ương sẽ hỗ trợ cho bốn đầu việc rất quan trọng:

(1) Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông trục chính trong KCN và hệ thống giao thông kết nối KCN với hệ thống giao thông bên ngoài.

(2) Bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trong KCN được xem là mang tính động lực và có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển ngành và lĩnh vực đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định đầu tư.

Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội khu nhà ở công nhân và khu tái định cư phục vụ người bị thu hồi đất trong KCN.

(4) Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn tập trung và hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, khu phi thuế quan trong KCN, bao gồm hệ thống thoát nước thải, trạm xử lý nước thải tập trung.

1.3.3. Nội dung đầu tư phát triển KCN

1.3.3.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng KCN

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng bao gồm: Đầu tư cơ sở hạ tầng (CSHT) kỹ thuật và đầu tư cơ sở hạ tầng xã hội.

a. Đầu tư CSHT kỹ thuật

Đầu tư CSHT kỹ thuật bao gồm: đầu tư CSHT kỹ thuật trong hàng rào và CSHT kỹ thuật ngoài hàng rào KCN.

Đầu tư CSHT trong hàng rào KCN: là hoạt động kinh doanh mà các nhà đầu tư hạ tầng KCN thuê đất của nhà nước hoặc tham gia liên doanh với bên Việt Nam mà bên Việt Nam đó góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Các doanh nghiệp này tiến hành đền bù, giải phóng, san lấp mặt bằng. Các doanh nghiệp phát triển hạ tầng tiến hành chia lô, xây dựng các kết cấu hạ tầng trong các lô đất và trong hàng rào KCN. Sau đó cho thuê lại hoặc chuyển quyền sử dụng những lô đất đã phát triển CSHT nói trên cho những doanh nghiệp KCN thuê lại. Ở một số KCN, các doanh nghiệp phát triển hạ tầng còn cung cấp dịch vụ như xây dựng nhà xưởng, dịch vụ tư vấn, xử lý chất thải và có trách nhiệm bảo đảm sự hoạt động của các công trình hạ

tầng trong suốt thời gian hoạt động. Đối với KCN, việc xây dựng CSHT kỹ thuật trong hàng rào KCN là để tạo môi trường hấp dẫn cho các nhà đầu tư, giúp các nhà đầu tư có thể tiến hành xây dựng ngay nhà máy để sản xuất, tiết kiệm thời gian, tiền bạc, tập trung vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của mình.

Đầu tư CSHT ngoài hàng rào KCN: là việc đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông, cầu, cảng, hệ thống cấp điện, cấp nước, bưu chính viễn thông... CSHT kỹ thuật ngoài hàng rào KCN là yếu tố quan trọng để hấp dẫn các nhà đầu tư. Các công trình này phải đấu nối với các công trình bên ngoài KCN. Những công trình này phụ thuộc vào quy hoạch phát triển của vùng, thường đòi hỏi VĐT lớn nên tư nhân thường không thể tham gia vào lĩnh vực này mà phải do nhà nước đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách hoặc phải có cơ chế huy động vốn các thành phần kinh tế tham gia như BOT, BT, BO.... Nhưng thực tế hiện nay là nhiều KCN triển khai xây dựng hạ tầng và thu hút đầu tư nhưng phải mất hàng năm để liên hệ với nhiều cơ quan Nhà nước và đôi khi phải tự bỏ tiền để thi công một số công trình kỹ thuật ngoài hàng rào. Do vậy làm giảm sức hút với các nhà đầu tư vào các KCN đó. Vấn đề này cần được đặc biệt quan tâm để có thể thúc đẩy sự phát triển của các KCN hơn nữa.

Kết quả của ĐTPT CSHT KCN bao gồm hệ thống đường sá trong KCN, hệ thống kho bãi, điện nước, thông tin liên lạc và các cơ sở dịch vụ tài chính, bảo hiểm, phòng cháy, chữa cháy... bao gồm:

- Hệ thống giao thông: Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đối ngoại KCN: Bao gồm các tuyến đường bộ kết nối KCN với các trục chính, hành lang đường bộ quốc gia, các vùng, miền. Việc đầu tư xây dựng hệ thống giao thông đối ngoại nhằm đảm bảo tính kết nối vùng miền cao, đặc biệt là kết nối giữa các KCN trong cùng khu vực, kết nối các hành lang kinh tế Đông – Tây; tạo thuận lợi cho hoạt động vận tải, vận chuyển vào, ra các KCN; góp phần quan trọng hàng đầu trong thu hút đầu tư và phát triển KCN.

ĐTPT hệ thống giao thông đối nội KCN: Bao gồm tuyến giao thông liên khu đô thị - công nghiệp theo phân khu chức năng đã được phê duyệt quy hoạch; tuyến chính gắn kết các trung tâm đô thị và KCN, các tuyến đường dọc, đường ngang. Các công trình phục vụ giao thông như cầu, các đầu mối giao thông, bến, bãi đỗ xe.

Đầu tư cho hệ thống giao thông đối ngoại, giao thông KCN đòi hỏi quy mô vốn lớn được ưu tiên triển khai hàng đầu ngay sau khi quy hoạch tổng thể KCN được phê duyệt, bởi đây chính là trục xương sống cho phát triển KCN. Đầu tư hạ tầng giao thông luôn chiếm tỷ trọng cao trong tổng VĐT kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN.

- Chuẩn bị kỹ thuật: Đầu tư xây dựng hệ thống thủy lợi, kênh dẫn, hệ thống tách nước phân lũ, hồ chứa... đảm bảo cung ứng nước sinh hoạt và sản xuất, tiêu thoát lũ cho KCN. San nền KCN theo nguyên tắc và giải pháp thiết kế đối với từng khu chức năng riêng của KCN. Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa riêng cho KCN theo từng lưu vực. Chuẩn bị kỹ thuật thường chiếm tỷ trọng vốn cao nhất trong đầu tư hạ tầng kỹ thuật; đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo triển khai đầu tư hệ thống giao thông đối nội.

- Hệ thống cấp nước: Trên cơ sở tiêu chuẩn và nhu cầu cấp nước KCN, khả năng nguồn nước, giải pháp quy hoạch cấp nước và chiến lược phát triển thủy lợi được phê duyệt, tiến hành đầu tư xây dựng hệ thống nguồn cấp nước; hệ thống cấp nước thô, nước sạch; đầu tư mới, đầu tư nâng cấp nhà máy nước, hệ thống mạng lưới đường ống nước thô, nước sạch. Phục vụ nhu cầu nước sản xuất và sinh hoạt trong KCN.

- Hệ thống cấp điện: Đầu tư xây dựng mạng lưới truyền tải, các trạm nguồn và trạm hạ thế đảm bảo đáp ứng phụ tải điện sản xuất, sinh hoạt, công cộng và đô thị trong KCN Thoát nước và vệ sinh môi trường đô thị: Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước thải các khu chức năng của KCN, bao gồm hệ thống thoát dẫn nước thải, các trạm xử lý nước thải, các trạm bơm. Xây dựng các khu xử lý chất thải rắn, mua sắm phương tiện trang thiết bị thu gom phân loại chất thải rắn.

- Hệ thống hạ tầng viễn thông: Đầu tư mở rộng dung lượng tổng đài, xây dựng tổng đài vệ tinh KCN đáp ứng nhu cầu phát triển thông tin liên lạc trong vùng; đầu tư cải tạo nâng cấp mạng ngoại vi, hệ thống truyền dẫn, phục vụ các loại hình dịch vụ viễn thông, internet; xây dựng trạm BTS phục vụ tốt dịch vụ của các mạng di động trong KCN.

Nhìn chung, đối với đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nhà nước và địa phương có KCN có cơ chế hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng đến hàng

rào các khu chức năng; hỗ trợ đầu tư xây dựng các công trình xử lý nước thải và chất thải tập trung của các khu chức năng thuộc KCN; bảo đảm cho sự hoạt động và phát triển bền vững của KCN.

Các dự án đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật, các công trình dịch vụ tiện ích công cộng phục vụ chung cho KCN được cung ứng dịch vụ điện, nước và sử dụng chung kết cấu hạ tầng giao thông, cấp, thoát nước đến chân hàng rào các khu chức năng của KCN. Và được áp dụng đa dạng các hình thức huy động VĐT như đã nêu ở trên.

b. Đầu tư CSHT xã hội

Đầu tư xây dựng CSHT xã hội là việc xây dựng hệ thống nhà ở, bệnh viện, trường học, trung tâm thương mại, chợ, khu vui chơi giải trí... để đảm bảo cuộc sống của người lao động làm việc tại các KCN. Quá trình ĐTPT các KCN sẽ có tác động lan tỏa đến sự phát triển kinh tế xã hội (KT-XH) của vùng, tạo nên hiện tượng di dân, tập trung lao động ở những vùng tập trung các KCN. Vì vậy đầu tư CSHT xã hội là quan trọng để đảm bảo cuộc sống của người lao động làm việc tại các KCN. Bao gồm:

- Hạ tầng Y tế: Căn cứ dự báo nhu cầu về hạ tầng y tế trong KCN, đầu tư xây dựng hệ thống bệnh viện đa khoa, các trung tâm y tế khu vực, nhà hộ sinh, các công trình y tế; đảm bảo cung cấp đủ chỉ tiêu tính toán về số giường so với quy mô dân số KCN trong từng giai đoạn phát triển.

- Hạ tầng văn hóa, giáo dục: Đầu tư các công trình giáo dục phục vụ dạy và học hệ THCS, THPT, các trung tâm dạy nghề, hệ thống nhà trẻ mẫu giáo, các công trình văn hóa, giao lưu sinh hoạt cộng đồng như bảo tàng, triển lãm, nhà văn hóa, rạp chiếu phim, câu lạc bộ, thư viện; đảm bảo phù hợp quy hoạch các khu chức năng, đáp ứng chỉ tiêu tính toán so với quy mô dân số KCN trong từng giai đoạn phát triển.

VĐT hạ tầng xã hội các KCN chiếm tỷ lệ khiêm tốn so với VĐT hạ tầng kỹ thuật. Các KCN đều đang phải tập trung cho công tác quy hoạch, hoàn thiện bộ máy nhân sự và ưu tiên VĐT kết cấu hạ tầng kỹ thuật, Do đó, VĐT dành cho hạ tầng xã hội còn hạn chế.

Nguồn VĐT hạ tầng y tế, giáo dục trên địa bàn chủ yếu từ các Chương trình mục tiêu quốc gia, vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư y tế và kiên cố hóa trường học, nhà công vụ. Tuy nhiên, vốn từ các nguồn này thường có quy mô nhỏ; phạm vi, đối tượng hưởng lợi từ dự án không lớn. Vì vậy, cần thiết xã hội hóa đầu tư y tế, giáo dục trên địa bàn KCN. Tuy nhiên, việc huy động các nguồn VĐT lĩnh vực này đòi hỏi KCN phải phát triển đạt đến mức độ nhất định.

Đối với KCN có cơ chế hỗ trợ ngân sách Trung ương đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, bồi thường, tái định cư (dự án lớn, trọng điểm), người dân địa phương vùng phải di dời tái định cư được hưởng lợi hạ tầng kỹ thuật và xã hội tương đối đồng bộ tại các khu tái định cư nhờ nguồn vốn này. Hạ tầng xã hội (trụ sở UBND xã, trường học, trạm y tế, hội trường thôn...) được thực hiện bằng hình thức uỷ quyền chủ đầu tư cho các xã thuộc diện di dời tái định cư.

1.3.3.2. Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong Khu công nghiệp

Đầu tư CSHT KCN nhằm mục tiêu thu hút ĐTPT sản xuất kinh doanh trong KCN đây mới là mục tiêu chính của ĐTPT KCN. ĐTPT sản xuất kinh doanh trong KCN đến lượt mình lại tạo tiềm lực cho ĐTPT khoa học kỹ thuật, CSHT cho các hoạt động đầu tư khác. ĐTPT sản xuất kinh doanh trong KCN có vai trò quan trọng làm tăng năng lực sản xuất hàng hóa, tăng xuất khẩu, tạo việc làm, tăng thu nhập người lao động và đóng góp vào ngân sách.

Đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh trong KCN là việc các doanh nghiệp thuê lại đất trong KCN của các doanh nghiệp phát triển hạ tầng, xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc thiết bị để tiến hành sản xuất kinh doanh.

Đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN là loại đầu tư cho đối tượng vật chất, tài sản thực như máy móc thiết bị, nhà xưởng...là điều kiện tiên quyết, cơ bản làm tăng tiềm lực của nền kinh tế.

Đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN thuộc loại đầu tư dài hạn thông thường là những dự án trên 20 năm, nếu là những dự án đầu tư nước ngoài thì là 40 đến 50 năm.

Thời gian thực hiện đầu tư dài, chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố trong tương lai không thể hoặc không dự đoán chính xác được nhu cầu, giá cả đầu vào và đầu ra, tốc độ phát triển khoa học công nghệ thiên tai... Vì vậy các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN phải chuẩn bị kỹ lưỡng dự báo những yếu tố biến động ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động đầu tư trong tương lai và có biện pháp phù hợp để xử lý.

Đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN gồm đầu tư chiều rộng và đầu tư chiều sâu. Đầu tư chiều rộng là hình thức cải tạo mở rộng cơ sở hạ vật chất hiện có hoặc xây dựng mới nhưng kỹ thuật công nghệ không thay đổi. Đầu tư chiều rộng đòi hỏi lượng vốn lớn và kê đọng lâu, thời gian thực hiện đầu tư và thời gian cần hoạt động để thu hồi vốn đủ lâu, tính chất kỹ thuật phức tạp, độ mạo hiểm cao. Đầu tư chiều sâu là hoạt động đầu tư cải tạo nâng cấp thiết bị, đổi mới công nghệ hiện có nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư. Đầu tư chiều sâu gồm: cải tạo, nâng cấp và hiện đại hóa dây chuyền công nghệ... thường đòi hỏi khối lượng vốn ít hơn đầu tư chiều rộng, thời gian thực hiện đầu tư không lâu, độ mạo hiểm thấp hơn so với đầu tư theo chiều rộng.

Đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN bao gồm đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ công nghiệp. Ngành công nghiệp nặng như vật liệu xây dựng, hóa chất... Các ngành công nghiệp nhẹ như dệt may, chế biến thực phẩm... Các ngành dịch vụ công nghiệp xử lý rác thải công nghiệp...

Nguồn VĐT sản xuất kinh doanh trong KCN gồm nguồn VĐT trong nước và nguồn VĐT nước ngoài. Nguồn VĐT trong nước gồm nguồn vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp và tiết kiệm của dân cư. Nguồn vốn Nhà nước bao gồm vốn ngân sách nhà nước nguồn vốn ĐTPT của doanh nghiệp nhà nước. Nguồn vốn ngân sách nhà nước thường để đầu tư xây dựng CSHT kỹ thuật ngoài hàng rào KCN, nguồn tín dụng cho ĐTPT và vốn của doanh nghiệp nhà nước chiếm một phần quan trọng trong các dự án lớn trong KCN như các dự án về khí, phân đạm... Nguồn vốn của doanh nghiệp và tiết kiệm của dân cư được đánh giá là có tiềm năng lớn nhưng chưa được huy động triệt để cho đầu tư sản xuất kinh doanh trong KCN.

Nguồn VĐT nước ngoài vào sản xuất kinh doanh trong KCN chủ yếu là VĐT trực tiếp nước ngoài(FDI). Đây là VĐT dài hạn của cá nhân hay công ty nước

này vào nước khác bằng cách thiết lập cơ sở sản xuất kinh doanh và cá nhân hay công ty đó sẽ trực tiếp nắm quyền quản lý cơ sở sản xuất kinh doanh. FDI có vai trò quan trọng trong việc tạo nguồn vốn cho hoạt động ĐTPT nước sở tại mà không phát sinh nợ nước ngoài. Thông qua FDI nước sở tại tiếp cận được khoa học kỹ thuật tiên tiến và trình độ quản lý củ nước đi đầu tư, hơn nữa còn có thể mở rộng thị trường quốc tế vì đa số hoạt động FDI là do các công ty đa quốc gia thực hiện.

Dòng vốn FDI vào các KCN chủ yếu dưới hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh, trong đó doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm đa số. Trong điều kiện như nước ta khi mà nguồn vốn trong nước cũng như trình độ khoa học công nghệ, trình độ quản lý còn hạn chế thì VĐT nước ngoài có vị trí rất quan trọng và chiếm chủ yếu trong tổng VĐT sản xuất kinh doanh trong KCN, có vai trò quyết định tới sự thành công của ĐTPT KCN.

1.3.3.3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực

Ở hầu hết các địa phương có KCN, công tác dự báo nhu cầu lao động, mối liên kết đào tạo giữa cơ sở đào tạo - doanh nghiệp, vai trò quản lý nhà nước đối với công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, công tác quy hoạch, dự báo nhân lực cho KCN chưa được quan tâm đúng mức. Dẫn đến chất lượng đào tạo thấp, chưa phù hợp nhu cầu, doanh nghiệp phải đào tạo lại lao động địa phương đã tuyển dụng hoặc phải tuyển dụng lao động địa phương khác. Điều này gây nên lãng phí rất nhiều thời gian, tốn kém chi phí của nhà đầu tư; không đáp ứng được mục tiêu tạo thêm việc làm, chuyển đổi cơ cấu lao động của chính quyền địa phương. Vì vậy, ĐTPT nguồn nhân lực là yêu cầu cấp bách đối với các KCN trong tình hình mới, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, đòi hỏi phải ưu tiên nguồn lực thực hiện các cơ chế chính sách, các chương trình đào tạo, hỗ trợ đào tạo, liên kết đào tạo, cung cấp thông tin về nhu cầu nhân lực.

ĐTPT nguồn nhân lực bao gồm: Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, trang thiết bị ở các trung tâm dạy nghề, giáo dục chuyên nghiệp; đầu tư hỗ trợ các sàn giao dịch việc làm, nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề phục vụ các dự án triển khai trong KCN và vùng phụ cận, góp phần quan trọng đào tạo chuyển đổi nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là con em các hộ dân sản xuất nông

ng nghiệp phải di dời tái định cư để bàn giao mặt bằng sản xuất cho các dự án. Về đào tạo nhân lực, ngoài nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương qua Chương trình mục tiêu quốc gia, các KCN đều có chính sách hỗ trợ kinh phí đào tạo nguồn nhân lực đối với các khóa đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, nâng cao tay nghề cho lao động doanh nghiệp. Nguồn hỗ trợ được cấp từ kinh phí đào tạo hàng năm của tỉnh, thực hiện cấp thông qua các cơ sở đào tạo nghề trong tỉnh.

1.4. Sự cần thiết phải thu hút đầu tư vào khu công nghiệp

- Thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, là nguồn vốn bổ sung quan trọng cho nguồn vốn phát triển kinh tế.

Đối với Việt Nam, để tăng trưởng và phát triển nền kinh tế đòi hỏi một khối lượng vốn đầu tư rất lớn. Vốn trong nước chưa đủ để đáp ứng nhu cầu đó. Do đó thu hút vốn đầu tư vào KCN, KCX là rất quan trọng vì KCN, KCX phản ánh tiềm năng phát triển công nghiệp của mỗi nước. Theo ngân hàng thế giới(WB), các dự án thực hiện trong KCN, KCX do các nhà đầu tư nước ngoài hoặc do liên doanh với nước ngoài thực hiện (24% do liên doanh với nước ngoài, 33 do các nhà đầu tư nước ngoài, 43% do đầu tư trong nước.

- Thu hút đầu tư vào khu công nghiệp là một phương tiện để thu hút công nghệ kỹ thuật vào các khu công nghiệp nói chung và cho cả nước nói riêng.

Việc tiếp thu công nghệ và kỹ năng là mục đích mà các nước đang và chưa phát triển rất quan tâm. Tình trạng lạc hậu về công nghệ của các nước này làm cho họ hy vọng thông qua đầu tư trực tiếp vào KCN, KCX công nghệ sẽ được chuyển giao. Bởi vì để tạo ra sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường thế giới và thị trường nội địa, nhà đầu tư thường đưa vào KCN, KCX những công nghệ tương đối hiện đại và cả những công nghệ loại tiên tiến nhất của thế giới. Mặc dù trong các KCN, người ta chủ yếu thực hiện sản xuất hàng tiêu dùng, gia công lắp ráp, song quá trình chuyển giao công nghệ vẫn diễn ra dưới nhiều hình thức: đào tạo công nhân nước chủ nhà sử dụng máy móc, công nghệ sản xuất. Ngoài ra chúng ta còn học hỏi được rất nhiều kinh nghiệm quản lý của nước ngoài.

- Thu hút đầu tư vào KCN là quá trình thúc đẩy, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

Do tác động của vốn, khoa học kỹ thuật do đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại làm cơ cấu kinh tế được chuyển dịch. Hướng chuyển dịch là tăng tỷ trọng sản phẩm công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp. Số doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào trong KCN, KCX tăng sẽ thu hút được số lượng khá lớn lao động, giải quyết được công ăn việc làm cho nước sở tại. Ngoài ra, KCN, KCX còn góp phần đẩy mạnh xuất khẩu, tăng thu ngoại tệ cho đất nước.

Theo thống kê của WEPZA (Hiệp hội KCX thế giới) một KCX diện tích khoảng 100 ha, cần đầu tư 50 triệu USD cho cơ sở hạ tầng trong vòng 20 năm sẽ tạo việc làm cho 10.000 lao động. Từ đó tạo ra hàng xuất trị giá 100 triệu USD/năm và 100 triệu USD/năm thông qua thu nhập gián tiếp ngoài KCX. Như vậy tính bình quân một công nhân trong KCX tạo ra giá trị 5.000-10.000USD/năm.

Thực tế có rất nhiều nước đã tiến hành CNH, HĐH đất nước thành công nhờ một phần không nhỏ vào kết quả hoạt động của KCN, KCX. Trung Quốc thời kỳ bắt đầu mở cửa đã chọn các tỉnh duyên hải xây dựng hàng loạt các KCX tập trung đã biến các vùng đất không có khả năng sản xuất nông nghiệp thành trung tâm công nghiệp, đô thị từ đó mở rộng hơn vào nội địa. Hàn Quốc từ cuối thập kỷ 60 đã xây dựng mới hàng loạt các KCX cùng các thành phố mới, các tập đoàn công nghiệp lớn lên từ đó... Nhật Bản, Đài Loan thành công trong việc xây dựng các khu công nghệ cao tạo ra các đột phá về công nghệ thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển, chiếm vị trí hàng đầu thế giới như các sản phẩm điện tử, tin học, viễn thông, chế tạo xe hơi, luyện kim...

Tại Việt Nam vào đầu thập kỷ này đã hình thành một số KCN, KCX. Thành công bước đầu và quá trình phát triển, lớn mạnh các KCX góp phần quan trọng đưa đất nước ta tiến nhanh trên con đường CNH, HĐH đất nước.

- Thu hút đầu tư vào khu công nghiệp là một cơ hội để có thể mở rộng hợp tác đầu tư quốc tế nhờ vào nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài lại lại.

Ngày nay trên thế giới không chỉ diễn ra sự cạnh tranh của các nước tiếp nhận đầu tư mà còn diễn ra cuộc cạnh tranh quyết liệt giữa các nước đi đầu tư.

Xu hướng đa cực trong đầu tư trực tiếp nước ngoài đã tạo điều kiện cho các nước thực hiện đường lối mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế. Vì vậy, đầu tư trực tiếp vào KCN, KCX cũng góp phần mở rộng quan hệ kinh tế giữa nước chủ nhà với các nước, lãnh thổ của chủ đầu tư.

1.5. Một số chỉ tiêu đánh giá

1.5.1. Chỉ tiêu thu hút vốn

Có rất nhiều tiêu chí đánh giá kết quả thu hút vốn, tuy nhiên để đánh giá công tác thu hút vốn hiện nay thường tập trung vào 5 chỉ tiêu chính:

Thứ nhất, là số lượng các dự án thu hút được cho cả giai đoạn: chứng minh khả năng của Chính phủ, các Bộ, Ngành và các địa phương hưởng lợi dự án đã có quá trình chuẩn bị tốt các danh mục, đề xuất, báo cáo tính khả thi của dự án. Để một dự án được nhà tài trợ thông qua, phải đáp ứng đủ tiêu chí lĩnh vực, ưu tiên của nhà tài trợ, còn phải tuân thủ đầy đủ trình tự thủ tục quy trình phê duyệt của Chính phủ.

Thứ hai, là quy mô các dự án tài trợ: Quy mô các dự án trong giai đoạn ngày càng lớn, có tính chất liên kết các vùng miền và hiệu quả nguồn vốn được phát huy trên diện rộng sẽ chứng tỏ các dự án đã được các Bộ, ngành, địa phương chuẩn bị khá kỹ lưỡng nên đã thuyết phục tài trợ phân bổ nguồn lực lớn cho dự án.

Thứ ba, các lĩnh vực thu hút được định hướng: Đã xây dựng được càng nhiều càng chứng minh được quá trình chuẩn bị và triển khai thực hiện đề án sát với thực tiễn.

Thứ tư, là hiệu quả của nguồn vốn tài trợ đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Đây là một trong những nhân tố đánh giá kết quả thu hút vốn của chính quyền địa phương. Tại các Nghị quyết đại hội đảng bộ tỉnh các cấp, nhiệm vụ trọng tâm của các kỳ đại hội bao giờ cũng có nhiệm vụ phát huy nội lực, tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài để hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội về hạ tầng kinh tế và hạ tầng xã hội.

Thứ năm, là tính bền vững của các nguồn vốn. Các dự án thu hút ùy theo lĩnh vực tài trợ, sau thời gian khấu hao công trình vẫn phát huy hiệu quả trong thực tế sẽ là tiêu chí đánh giá được tính bền vững và ưu việt của nguồn vốn cũng như đơn vị triển khai, vận hành dự án.

1.5.2. Chỉ tiêu đánh giá phát triển KCN

- Vị trí đặt KCN

Đây là một trong những chỉ tiêu rất quan trọng và là cơ sở ban đầu dẫn đến sự thành công của khu công nghiệp và là mối quan tâm hàng đầu của các nhà đầu tư khi quyết định đầu tư vào KCN. Vị trí thuận lợi của KCN được xem xét trên tổng thể các khía cạnh sau: Khu công nghiệp được đặt ở vị trí thuận lợi, gần cảng biển, cảng hàng không, ga xe lửa; Có cơ sở hạ tầng kỹ thuật thuận lợi như hệ thống đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống lưới điện quốc gia, hệ thống thông tin, viễn thông; Điều kiện về nguồn nhân lực dồi dào; Chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thấp và được địa phương, các ngành hỗ trợ tạo điều kiện. Những điểm trên phải được xem xét trên khía cạnh hiện tại và sự duy trì khả năng ấy trong tương lai. KCN đảm bảo được nhiều điều kiện thuận lợi thì khả năng thành công là rất cao và ngược lại nếu không đáp ứng được các yêu cầu trên thì sẽ rất khó khăn trong quá trình hình thành, phát triển và thu hút đầu tư và hiệu quả đầu tư phát triển KCN sẽ thấp và rất dễ thất bại.

- Quy mô đất đai KCN

Xét theo mục đích hình thành các KCN: Theo chỉ tiêu này, nếu việc hình thành các KCN để thu hút vốn đầu tư nước ngoài thì quy mô hiệu quả nằm trong khoảng 200 – 300 ha (đối với các KCN nằm trong khu vực thành thị và vùng kinh tế trọng điểm). KCN có quy mô từ 200 – 400 ha đối với các KCN nằm trên địa bàn các tỉnh. KCN có quy mô nhỏ hơn 100 ha đối với mục tiêu di dời các cơ sở công nghiệp trong thành phố, đô thị lớn tập trung vào KCN. KCN có quy mô lớn hơn 100 ha đối với mục tiêu tận dụng nguồn lao động và thế mạnh tại chỗ của các địa phương. KCN có quy mô từ 100 – 200 ha đối với mục tiêu kết hợp kinh tế với quốc phòng.

Xét theo tính chất và điều kiện hoạt động của KCN: Quy mô 300 – 500 ha đối với KCN đặt ở địa phương có cảng và nguồn nguyên liệu lớn hoặc hình thành với tính chất chuyên môn hóa sản xuất ổn định một số sản phẩm hàng hóa công nghiệp nặng. Quy mô 50 – 100 ha là hợp lý đối với các KCN nằm xa khu đô thị với các điều kiện xa cảng biển, với tính chất hoạt động là tận dụng lao động...

- Tỷ lệ lấp đầy KCN

Chỉ tiêu này đánh giá hiệu quả việc sử dụng tối ưu mặt bằng các KCN. Chỉ tiêu này nhằm xác định hiệu quả của việc khai thác và sử dụng đất có ích trên tổng diện tích được cấp phép theo dự án của KCN. Nó được tính bằng tổng diện tích đất trong KCN đã được các doanh nghiệp và dịch vụ thuê so với tổng diện tích đất công nghiệp dành để cho thuê của KCN. Tỷ lệ lấp đầy này không đòi hỏi phải đạt cao ngay từ đầu mà phải chia theo từng phân kỳ đầu tư và đánh giá theo từng giai đoạn. Thời kỳ đầu là thời kỳ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khoảng 3 – 5 năm, tiếp sau đó là giai đoạn thu hút đầu tư và hoàn thiện các khu chức năng theo nhu cầu đầu tư của các doanh nghiệp thuê đất, thu hồi chi phí đầu tư, tạo việc làm cho người lao động... Theo kinh nghiệm của nhiều nước, thời gian để thu hồi kinh phí đầu tư xây dựng có thể kéo dài trong khoảng 15 – 20 năm, còn nếu sau khoảng 10 – 15 năm mà tỷ lệ lấp đầy thấp hơn 75% thì coi như KCN này không đạt hiệu quả kinh tế như kỳ vọng và không đảm bảo phát triển bền vững.

- Khả năng thu hút đầu tư vào các KCN

Tiêu chí gồm số dự án đầu tư và tổng vốn đầu tư: Xác định số dự án và tổng vốn đầu tư vào từng KCN, KKT, thể hiện khả năng thu hút đầu tư và là tiêu chí so sánh hiệu quả khai thác giữa các KCN với nhau

- Hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN

Tiêu chí này gồm tổng giá trị sản xuất KCN, phản ánh quy mô sản xuất của KCN, KKT cũng như so sánh với giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp của tỉnh Thanh Hóa. Tổng doanh thu phản ánh hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn KCN khi so sánh giữa các KCN với nhau và so với doanh thu ngành công

ng nghiệp của tỉnh. Ngoài ra để đánh giá hiệu quả sản xuất của các KCN, KKT còn có các chỉ số khác như: lợi nhuận, đóng góp vào ngân sách nhà nước, chỉ tiêu xuất khẩu.

- Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương và giải quyết việc làm cho người lao động

Chỉ tiêu này bao gồm: tỷ lệ đóng góp GDP cho địa phương có KCN; đóng góp vào giá trị sản xuất công nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động

+ Tỷ lệ đóng góp GDP cho địa phương có KCN:

Tỷ lệ % đóng góp vào GDP cho địa phương = (Tổng giá trị sản lượng của KCN x 100%) / GDP địa phương

Tiêu chí này nhằm đánh giá khả năng và năng lực đóng góp của KCN vào việc tăng trưởng kinh tế, tăng trưởng GDP của địa phương có KCN so với toàn tỉnh và cả nước (nếu cao hơn mặt bằng chung thì có thể coi là hiệu quả). Qua chỉ tiêu này, chúng ta có thể thấy được ảnh hưởng của KCN đối với việc tăng quy mô GDP và tăng trưởng kinh tế địa phương để từ đó có cách nhìn nhận đúng trong việc cần thiết, hay chưa thực sự cần thiết trong xây dựng và phát triển các KCN và chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương.

+ Giải quyết việc làm cho người lao động

Tiêu chí này phản ánh được các doanh nghiệp trong các KCN có tăng thêm quy mô sản xuất qua đó để giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người dân trong vùng có KCN, KKT.

- Môi trường:

Tiêu chí này tập trung vào việc đánh giá các tác động môi trường của các dự án và số dự án đang hoạt động có hệ thống xử lý chất thải, mức độ ảnh hưởng của sự phát triển KCN, KKT đối với môi trường khu vực

Theo Vụ trưởng Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân (Bộ Kế hoạch và Đầu tư), trước đây yêu cầu 100% các KCN phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn cho phép, nhưng trên thực tế các KCN ở nước ta mới đạt dưới 30% tiêu chí này.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp

1.6.1. Tiềm năng thị trường

Quy mô về tiềm năng phát triển của thị trường là một trong những nhân tố quan trọng trong việc thu hút đầu tư vào các KCN. Khi đề cập đến qui mô của thị trường, tổng giá trị GDP – chỉ số đo lường qui mô của nền kinh tế - thường được quan tâm. Theo UNCTAD (Hội nghị liên Hiệp Quốc tế về Thương mại và Phát triển), qui mô thị trường, tiềm năng thị trường là cơ sở quan trọng trong việc thu hút đầu tư tại tất cả các quốc gia và các nền kinh tế. Các nghiên cứu khác cũng chỉ ra rằng, mức tăng GDP cũng là tín hiệu cho việc thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, nhiều nhà đầu tư hiện nay với chiến lược “đi tắt đón đầu” cũng sẽ mạnh dạn đầu tư vào những nơi có nhiều kỳ vọng tăng trưởng nhanh trong tương lai và có các cơ hội mở rộng ra các thị trường lân cận. Khi lựa chọn đại điểm để đầu tư tại một nước, một địa phương... các nhà đầu tư cũng nhắm đến những vùng tập trung đông dân cư, tiềm năng thị trường của họ.

1.6.2. Lợi thế về ngành đầu tư và chi phí đầu tư

-Ngành đầu tư

Các nhà đầu tư thường quyết định địa điểm đầu tư, phụ thuộc vào lợi thế về ngành nghề của địa phương. Nhà đầu tư đó sẽ tiến hành phân tích, đánh giá đâu là địa phương thuận lợi nhất để đầu tư vào ngành nghề mà họ đang dự định đầu tư: vùng nguyên liệu, cơ sở hạ tầng, cảng biển... Lợi thế về ngành nghề đầu tư sẽ giúp nhà đầu tư tiết kiệm về chi phí, tạo lợi thế cạnh tranh trên thị trường. Thông thường theo quy hoạch chung hiện nay của cả nước và các địa phương sẽ thể hiện về thế mạnh của ngành nghề đầu tư tại mỗi địa phương để tạo ra điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư dễ dàng nhận biết đâu mà địa phương có lợi thế về ngành nghề mà họ muốn đầu tư nhất là nhà đầu tư nước ngoài.

-Chi phí đầu tư

Nhiều nghiên cứu cho thấy, phần lớn các nhà đầu tư khi đầu tư vào một nơi nào đó là để khai thác các tiềm năng, lợi thế về chi phí. Trong đó chi phí về lao động được xem là nhân tố quan trọng khi ra quyết định đầu tư. Nhiều nghiên cứu cho thấy

đối với các nước đang phát triển, lợi thế chi phí lao động thấp là cơ hội để thu hút đầu tư nhất là đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Bên cạnh đó, hoạt động thu hút đầu tư hiện nay cho phép các nhà đầu tư tránh được giảm thiểu các chi phí vận chuyển và do vậy có thể nâng cao năng lực cạnh tranh, kiểm soát trực tiếp các nguồn cung cấp nguyên nhiên liệu với giá rẻ, nhận được các ưu đãi về đầu tư và thuế, cũng như các chi phí sử dụng đất.

1.6.3. Cơ sở hạ tầng

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Chất lượng của cơ sở hạ tầng kỹ thuật và trình độ công nghiệp hóa có ảnh hưởng rất quan trọng đến việc thu hút đầu tư nói chung và thu hút đầu tư vào các KCN nói riêng vào một nước hoặc một địa phương. Một hệ thống cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh (bao gồm hệ thống đường bộ, đường sắt, đường hàng không, mạng lưới cung cấp điện, nước, bưu chính viễn thông và các dịch vụ tiện ích khác) là điều mong muốn của mọi nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Nói đến cơ sở hạ tầng kỹ thuật không chỉ nói đến đường giao thông, cầu công, kho tàng, ... mà còn phải kể đến các dịch vụ hỗ trợ khác như hệ thống ngân hàng, các công ty kiểm toán, tư vấn... Nếu thiếu sự hỗ trợ cần thiết của các hoạt động này, môi trường đầu tư cũng sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Ngoài ra, hiệu quả hoạt động của các cơ sở công nghiệp địa phương, sự có mặt của cá ngành công nghiệp hỗ trợ, sự tồn tại của các đối tác tin cậy để nhà đầu tư yên tâm đầu tư.

Cơ sở hạ tầng xã hội

Ngoài cơ sở hạ tầng kỹ thuật, môi trường thu hút nhà đầu tư còn chịu sự ảnh hưởng khá lớn của cơ sở hạ tầng xã hội. Cơ sở hạ tầng xã hội bao gồm hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân, hệ thống giáo dục và đào tạo, vui chơi giải trí và các dịch vụ khác. Ngoài ra, các giá trị đạo đức, phong tục tập quán, tôn giáo, văn hóa... cấu thành bức tranh chung về cơ sở xã hội của một nước hoặc địa phương.

1.6.4. Dịch vụ công

Dịch vụ công bao gồm các thủ tục hành chính, trợ giúp của chính quyền đòi với các doanh nghiệp khi cần, cung cấp các thông tin về xúc tiến thương mại, xuất

nhập khẩu. Đây là yếu tố gần như là quyết định việc nhà đầu tư bỏ vốn ra đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài. Khi nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn đầu tư vào để đầu tư thì vấn đề họ quan tâm nhất có lẽ là các thủ tục hành chính hoặc sự giúp đỡ của chính quyền địa phương.

1.6.5. Nguồn nhân lực

Một trong những yếu tố xã hội quan trọng của thu hút đầu tư vào địa phương là chất lượng và chi phí nguồn nhân lực. Đây cũng là một trong những yếu tố cần thiết để các nhà đầu tư lập kế hoạch kinh doanh. Một nhà đầu tư muốn mở một nhà máy thì trên phương diện nguồn nhân lực nhà đầu tư sẽ chọn khu vực có thể đáp ứng được cả về số lượng và chất lượng của lao động, ngoài ra giá cả sức lao động là một trong những chỉ tiêu đánh giá của nhà đầu tư. Chất lượng lao động là một lợi thế cạnh tranh đối với các nhà đầu tư vào lĩnh vực có hàm lượng công nghệ cao hay có sử dụng nhiều công nghệ hiện đại. Bên cạnh đó, yếu tố văn hóa cũng ảnh hưởng tới yếu tố lao động như sự cần cù, tính kỷ luật, ý thức trong lao động... Vì vậy, nguồn nhân lực là một trong những điều kiện tác động tới các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi tiến hành đầu tư. Tuy nhiên, để có nguồn nhân lực tốt thì lại phụ thuộc vào hệ thống giáo dục, đào tạo, cũng như chủ trương và chất lượng đào tạo tay nghề của mỗi địa phương.

1.6.6. Nguồn tài nguyên

Khi quyết định đầu tư vào một quốc gia hay địa phương nào đó thì nguồn tài nguyên là một trong những yếu tố quan trọng, một lợi thế so sánh để thu hút đầu tư. Tài nguyên thiên nhiên có thể là điều kiện về khoáng sản, đất, rừng, nước, khí hậu hay không gian của địa phương nhận đầu tư. Tài nguyên thiên nhiên không những ảnh hưởng trực tiếp đến các yếu tố đầu vào mà còn quyết định tính chất đầu ra của một sản phẩm của nhà đầu tư tại địa phương đó.

1.6.7. Chế độ chính sách đầu tư

Tư tưởng nhận thức, thái độ của lãnh đạo địa phương cũng là yếu tố tác động mạnh đến thu hút đầu tư tại các địa phương đó. Nếu lãnh đạo của địa phương thấy được vai trò của thu hút đầu tư vào các KCN thì sẽ có những ưu tiên, tạo môi

trường điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư vào địa phương của mình. Hoạt động có hiệu quả của các hoạt động xúc tiến đầu tư tại các địa phương cũng có vai trò hết sức quan trọng và là một trong những nhân tố quan trọng để thu hút đầu tư.

1.6.8. Chi phí hạ tầng

Chi phí hạ tầng bao gồm chi phí về tiền thuê đất, chi phí đền bù, giải tỏa, chi phí nguyên vật liệu, lao động giá rẻ, chi phí điện nước và các dịch vụ vận tải, thông tin liên lạc. Đây được xem như là một chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư mà chính quyền địa phương dành cho nhà đầu tư khi đầu tư vào. Chi phí đầu tư đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ, khuyến khích thu hút các nhà đầu tư tham gia đầu tư vào một nước hay một địa phương nào đó. Mỗi địa phương ban hành chính sách khuyến khích hỗ trợ đầu tư khác nhau để phù hợp với khả năng, tình hình thực tế tại địa phương, trong đó có chính sách ưu đãi về thuế, chính sách ưu đãi về sử dụng đất, ưu đãi về đền bù giải phóng mặt bằng và các chính sách ưu đãi khác như: hỗ trợ chi phí đào tạo nghề, hỗ trợ ưu tiên vay vốn...

1.7. Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào KCN của một số tỉnh – Bài học kinh nghiệm thành công

1.7.1. Kinh nghiệm thu hút đầu tư vào KCN tỉnh Bình Dương

Theo các chuyên gia kinh tế, việc nhà đầu tư tìm đến Bình Dương là điều hiển nhiên Bởi lẽ, nơi đây đầu tư giao thông thông thoáng, kết nối với các tỉnh, thành phố lân cận điều này giúp doanh nghiệp dễ dàng lưu thông hàng hóa đến và đi. Được biết, ngoài việc phát triển hệ thống giao thông đường bộ như quốc lộ 13, đại lộ Bàu Bàng - Mỹ Phước - Tân Vạn – Nhơn Trạch, vành đai 3, vành đai 4,... mới đây, Bình Dương xúc tiến kế hoạch xây dựng tuyến metro nối với TPHCM. Bình Dương đang nghiên cứu phương án vận chuyển hàng hóa đường sắt, hình thành hệ thống logistics thông minh, mở rộng cảng sông, cảng cạn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển toàn diện kinh tế - xã hội của tỉnh này.

Mặt khác, Bình Dương còn chú trọng xây dựng dịch vụ như: trung tâm thương mại, khách sạn 5 sao, trung tâm hội nghị - triển lãm quốc tế, khu vui chơi giải trí, bệnh viện quốc tế, trường học quốc tế. Đặc biệt, xung quanh khu vực thành phố

mới Bình Dương, hiện nay đã hình thành đầy dịch vụ từ giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại cho đến vui chơi giải trí, từ nhà ở xã hội cho đến căn hộ cao cấp đáp ứng nhu cầu của người dân địa phương và cả lực lượng chuyên gia, doanh nhân trong và ngoài nước đến làm việc, sinh sống.

Trong 6 tháng đầu năm 2019, tổng vốn đầu tư nước ngoài tại tỉnh Bình Dương đạt hơn 850 triệu USD, đạt 61% so với kế hoạch năm. Tính chung từ năm 2016 đến nay, thu hút FDI của Bình Dương đã đạt hơn 5,7 tỷ USD, bằng hơn 82% kế hoạch 5 năm (2016-2020). Tỉnh Bình Dương kỳ vọng sẽ sớm đạt và vượt chỉ tiêu thu hút 7 tỷ USD trong giai đoạn này.

Để có được kết quả đó, Bình Dương đã xây dựng và phát triển các khu công nghiệp tập trung, đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư. Phần lớn dự án được bố trí vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, phù hợp với định hướng thu hút đầu tư của Bình Dương, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Các ngành, lĩnh vực được ưu tiên thu hút đầu tư là công nghiệp điện, điện tử, cơ khí, dược phẩm, hóa chất, thương mại, dịch vụ. Toàn tỉnh Bình Dương hiện có 29 khu công nghiệp với tổng diện tích hơn 12.700 ha, tỷ lệ cho thuê đạt gần 74% và 12 cụm công nghiệp với tổng diện tích gần 800 ha, tỷ lệ cho thuê đạt 67%. Theo đề án điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bình Dương có 33 khu công nghiệp với diện tích 14.790 ha.

1.7.2. Vận dụng chính sách ưu đãi về đất đai – Kinh nghiệm ở Phú Yên

Hiện nay tổng số dự án đầu tư vào các KCN là 60 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 3.626,13 tỷ đồng và 10,12 triệu USD. Để có được kết quả trên là nhờ UBND tỉnh đã chủ động vận dụng các chủ trương chính sách ưu đãi của Chính phủ vào điều kiện cụ thể của tỉnh, Trong phạm vi chức năng và thẩm quyền, UBND tỉnh đã đề ra những cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm thu hút các nhà đầu tư đầu tư nước ngoài như: thực hiện cải cách hủ tục hành chính gọn nhẹ “một cửa, tại chỗ”. Đảm bảo thực hiện ổn định, lâu dài các cơ chế chính sách ưu đãi của tỉnh, các tổ chức tư vấn, cá nhân trong và ngoài nước giới thiệu các nhà đầu tư nước ngoài đầu tư vào Phú Yên được hưởng phí môi giới.

Về giá thuê đất, đối với các dự án đầu tư ngoài KCN, giá thuê đất từ 0,01 – 5 USD/m²/năm tùy theo vị trí và ngành nghề đầu tư, đối với các dự án đầu tư vào KCN, giá thuê đất là 0,2 USD/m²/năm. Đặc biệt tỉnh áp dụng các phương thức trả tiền thuê đất linh hoạt, nếu nhà đầu tư nộp trước tiền thuê đất một lần cho nhiều năm ngay trong năm đầu tiên thì được giảm tiền thuê đất như sau: Nếu nộp cho 5 năm thì giảm 5% tiền thuê đất của 5 năm đó, nộp cho thời hạn thuê đất trên 5 năm thì cứ mỗi năm tăng lên thêm được giảm thêm 1 % tổng số tiền thuê đất của thời gian đó, nhưng tổng mức giảm không quá 20% số tiền phải nộp. Trong trường hợp nộp tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê 25 năm thì được giảm 25% số tiền thuê đất phải nộp.

1.8. Bài học kinh nghiệm cho tỉnh Bình Định

Thứ nhất, chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của Bình Định không thể tách rời với chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của quốc gia.

Thứ hai, chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại Bình Định phải dựa trên lợi thế so sánh. Trong đó, lợi thế về vị trí địa lý được đánh giá cao. Việc phát triển công nghiệp vẫn là chính sách ưu tiên trong phát triển kinh tế vùng và địa phương.

Thứ ba, Chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp tại Bình Định phải trên cơ sở khai thác các nguồn lực của địa phương, đồng thời phải thu hút được các nguồn lực của các vùng và địa phương khác (trong và ngoài nước) vào phát triển công nghiệp .

Thứ tư, Chính sách thu hút vốn đầu tư để phát triển công nghiệp của Bình Định đi sau cần hướng tới thu hút các ngành có công nghệ cao, tiên tiến, tránh trở thành nơi thu hút “công nghiệp rác thải” của các đô thị hoặc khu vực kinh tế lớn gần đó.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BÌNH ĐỊNH GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

2.1. Giới thiệu tổng quan về một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định

2.1.1. Khu Công nghiệp Nhơn Hòa

KCN Nhơn Hòa có quy mô diện tích là 314 ha được thành lập theo quyết định số 479/QĐ-CTUBND ngày 8/3/2009 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định, có vị trí là các xã Nhơn Thọ và Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, nằm trên tuyến quốc lộ 19 kết nối với Tây Nguyên, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn và cảng biển Quy Nhơn 24 km, cách sân bay Phù Cát 18 km, cách ga đường sắt Diêu Trì 11 km. Các nhóm ngành thu hút đầu tư chủ yếu là sản xuất thiết bị điện, điện tử; chế biến nông lâm sản, thức ăn chăn nuôi; công nghiệp tổng hợp (Cơ khí, cán kéo nhôm, thép; chế biến đá, gỗ); Các ngành công nghiệp khác. Hiện trạng các công trình hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, xử lý chất thải... của giai đoạn 1 với diện tích 116 ha cơ bản đã hoàn thành. Đang tiếp tục GPMB để triển khai xây dựng giai đoạn 2 của dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN Nhơn Hòa.

Hiện nay, thời hạn thuê đất, kết cấu hạ tầng tại KCN Nhơn Hòa được quy định như sau (chưa có thuế giá trị gia tăng):

- Thời hạn sử dụng đất tối đa đến năm 2059
- Tiền thuê đất thô được thu theo giá quy định của UBND tỉnh cho từng giai đoạn, có thời gian ổn định khoảng 5 năm, phương pháp thu hằng năm với mức giá 500 VNĐ/m²/năm.
- Đơn giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng 20 USD/m²/50 năm, hiện thu theo phương thức trước 50% số còn lại thanh toán trong vòng 3 năm tiếp theo, phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng 0,2 USD/m²/năm thu hằng năm, được miễn một số năm đầu kể từ khi ký hợp đồng thuê lại đất KCN.

Về công tác GPMB thì hiện nay KCN Nhơn Hòa (giai đoạn 1) cơ bản đã hoàn thành, KCN Nhơn Hòa (giai đoạn 2) đang tiếp tục triển khai hoàn tất để triển khai xây dựng hạ tầng.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các KCN, chủ đầu tư hạ tầng có vai trò chủ yếu, chủ động đề xuất quy mô xây dựng, tính toán hiệu quả và bố trí toàn bộ vốn đầu tư, Nhà nước hỗ trợ kinh phí GPMB, tuy nhiên chưa hỗ trợ xây dựng hệ thống nước thải. Hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật ở KCN ở đây chủ yếu đề cập đến các công trình giao thông, cấp thoát nước, xử lý nước thải. Các lĩnh vực khác như cấp điện, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại, viễn thông... do các bên ngoài liên kết thực hiện. Đến nay cơ sở hạ tầng KCN Nhơn Hòa cơ bản đã hoàn thành. Vốn nhà nước hỗ trợ xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại các KCN (Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa) là 39 tỷ đồng.

2.1.2. Khu Công Nghiệp Nhơn Hội (Khu A)

KCN Nhơn Hội (Khu A) được thành lập theo quyết định số 72-QĐ-UBND ngày 20/7/2006 của UBND tỉnh Bình Định và cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 27/12/2016, có quy mô diện tích 630 ha, nằm trong KKT Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 6 km, cách cảng Quy Nhơn 8 km, cách sân bay Phù Cát 30 km, cách ga Diêu Trì 15 km. Các nhóm ngành thu hút đầu tư chủ yếu gồm: công nghiệp điện, điện tử, công nghệ thông tin; công nghiệp hàng tiêu dùng; công nghiệp hóa chất; công nghiệp khác bao gồm: chế biến gỗ từ nguyên liệu nhập khẩu, sản xuất ván ép nhân tạo và các vật liệu thay thế gỗ, sản xuất trang thiết bị tiêu dùng thông tin, đồ dùng dạy học... Hiện trạng các công trình hạ tầng thiết yếu như đường giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải... cơ bản đã đáp ứng được điều kiện tiếp nhận đầu tư. Đang tiếp tục san nền một số khu vực còn lại và xây dựng hoàn thiện các tuyến đường nội bộ KCN. Hiện tại, khối lượng xây dựng hạ tầng đã được thực hiện ước đạt 50%.

Hiện nay, thời hạn thuê đất; mức thu tiền thuê đất, kết cấu hạ tầng tại KCN Nhơn Hội (Khu A) được quy định như sau (chưa có thuế giá trị gia tăng):

- Thời gian thuê đất tối đa đến năm 2076

- Đơn giá thuê đất kết cấu hạ tầng: 16 USD/m²/50 năm, có thể thanh toán theo phương thức thu trước 50%, số còn lại thanh toán trong vòng 3 năm tiếp theo hoặc thỏa thuận khác. Phí tu dưỡng bảo dưỡng hạ tầng 0,2 USD/m²/năm.

Về công tác GPMB thì KCN Nhơn Hội khu A cơ bản đã hoàn thành.

Về công tác đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thì KCN Nhơn Hội khu A đã xây dựng 50% khối lượng thiết kế.

2.1.3. Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu B)

KCN Nhơn Hội (Khu B) được cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 08/2/2007, có quy mô diện tích 447 ha, nằm trong KKT Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 7 km; cách cảng Quy Nhơn 9 km, cách sân bay Phù Cát 30 km, cách ga Diêu Trì 15 km. Các nhóm ngành thu hút đầu tư chủ yếu gồm: công nghiệp điện, điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí chế tạo, sản xuất phụ tùng xe máy, lắp ráp ô tô. Hiện trạng các công trình hạ tầng chủ yếu như đường giao thông, hệ thống cấp điện cấp nước, xử lý nước thải... đã cơ bản đáp ứng được điều kiện tiếp nhận đầu tư. Đang tiếp tục san nền một số khu vực còn lại và xây dựng hoàn thiện các tuyến đường nội bộ KCN. Hiện tại, khối lượng xây dựng hạ tầng đã thực hiện ước đạt 50%.

Hiện nay, thời hạn thuê đất, mức thu tiền thuê đất, kết cấu hạ tầng tại KCN Nhơn Hội (Khu B) được quy định như sau (chưa có VAT):

- Thời hạn thuê đất tối đa đến năm 2057.

- Đơn giá thuê đất gắn kết cấu hạ tầng: 16 USD/m²/50 năm, có thể thanh toán theo phương thức thu trước 50%, số còn lại thanh toán trong vòng 3 năm tiếp theo hoặc thỏa thuận khác.

- Phí duy trì bảo dưỡng hạ tầng 0,2 USD/m²/năm được miễn một số năm đầu kể từ khi ký hợp đồng thuê lại đất KCN.

Về công tác GPMB thì KCN khu B cơ bản là đã hoàn thành.

Về công tác xây dựng cơ sở hạ tầng thì KCN Nhơn Hội khu B đã xây dựng 50% khối lượng thiết kế.

2.1.4. Khu công nghiệp Nhơn Hội (Khu C)

KCN Nhơn Hội (Khu C) được cấp giấy chứng nhận đầu tư ngày 01/3/2008, có quy mô diện tích 228 ha, nằm trong KKT Nhơn Hội, xã Nhơn Hội, TP Quy Nhơn, cách trung tâm thành phố Quy Nhơn 8 km; cách cảng Quy Nhơn 10 km, cách sân bay Phù Cát 30 km, cách gia Diêu Trì 15 km. Các nhóm ngành thu hút đầu tư chủ yếu gồm: vật liệu xây dựng; cơ khí chế tạo; hóa chất; điện, điện tử; hàng tiêu dùng; công nghiệp gia dụng vệ tinh; may mặc; bao bì; giày dép; chế biến nông lâm thủy sản; sản xuất phụ tùng ô tô.

Hiện nhà đầu tư hạ tầng đã dừng triển khai thi công, đang xúc tiến để tìm kiếm nhà đầu tư cấp 1 khác để chuyển đổi nhà đầu tư hạ tầng.

Về công tác giải phóng mặt bằng thì KCN Nhơn Hội khu C cơ bản là đã hoàn thành.

Về công tác xây dựng cơ sở hạ tầng thì KCN Nhơn Hội khu C đã xây dựng được 50% khối lượng thiết kế.

2.1.5. Khu Công nghiệp Phú Tài

KCN Phú Tài có quy mô diện tích 346 ha là khu công nghiệp đầu tiên của tỉnh Bình Định, được thành lập theo quyết định số 1127/QĐ-TTg ngày 18/12/1998 của Thủ tướng Chính Phủ, có vị trí thuộc phường Trần Quang Diệu và Bùi Thị Xuân, TP Quy Nhơn, nằm trên giao tuyến quốc lộ 1A và quốc lộ 19, cách cảng biển Quy Nhơn 12 km, cách sân bay Phù Cát 20 km, cách ga Diêu Trì 2 km. Toàn bộ KCN được cấu thành 4 phân khu chức năng gồm: Khu A (Nhóm ngành chế biến nông lâm sản; chế biến sơn; đá; cao su; bao bì; hàng kho; vật liệu xây dựng; giày da; cơ khí; thức ăn gia súc); Khu B (Nhóm ngành chế biến nông lâm sản; đá; bao bì; bia; vật liệu xây dựng; giày da; cơ khí; dịch vụ; may công nghiệp); Khu C (Nhóm ngành chế biến nông lâm sản; đá; bao bì; vật liệu xây dựng; kho hàng; may công nghiệp; dịch vụ); Khu D (Nhóm tổng hợp). Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp – thoát nước, điện, viễn thông, xử lý chất thải đảm bảo điều kiện để phát triển khai thác đầu tư và hoạt động của dự án.

Hiện nay, thời hạn thuê đất, mức thu tiền thuê đất, kết cấu hạ tầng tại KCN Phú Tài được quy định như sau (chưa có thuế giá trị gia tăng):

- Thời hạn thuê đất tối đa đến năm 2048.
- Tiền thuê đất thô được thu theo quy định của UBND tỉnh cho từng giai đoạn, và thời gian ổn định khoảng 5 năm phương thức thu hằng năm với mức giá 2.200 – 2.400 VNĐ/m²/năm.
- Đơn giá thuê sử dụng kết cấu hạ tầng 0,3 USD/m²/năm hiện thu theo phương thức thu trước 50%, số còn lại thanh toán trong vòng 3 năm tiếp theo.
- Phí duy tu bảo dưỡng hạ tầng thực hiện theo quy định của UBND tỉnh cho từng giai đoạn có thời gian ổn định khoản 5 năm, thanh toán hàng năm, tính từ ày 01/01/2017 với mức giá 0,15 USD/m²/năm.

Có lẽ KCN Phú Tài là một KCN có nhiều vướng mắc và khó khăn nhất trong công tác GPMB và xây dựng cơ sở hạ tầng. Về công tác GPMB thì KCN Phú Tài cơ bản đã hoàn thành tuy nhiên lại gặp rất nhiều vướng mắc là KCN Phú Tài vẫn xảy ra tình trạng tái lấn chiếm đất đã GPMB cũng thời xuyên xảy ra, tại KKT còn có trường hợp đã bàn giao đất cho KCN và tái định cư ở nơi tập trung và sau một thời gian dài (vài năm), quy lại cản trở thi công yêu cầu nhà nước trả thêm tiền bồi thường vì các hộ di dời sau được nhận mức bồi thường cao hơn. Có những hộ gia đình kiên quyết từ chối nhận tiền bồi thường và không bàn giao đất cho dự án, do vậy hình thức cưỡng chế trong công tác GPMB cũng thường phải sử dụng để đảm bảo tiến độ triển khai dự án đầu tư. Thực sự, các trường hợp vướng mắc phát sinh rất đa dạng, ngày càng có tính chất phức tạp, đồng thời cũng có hiệu ứng lan tỏa trong khu vực hay địa phương.

Nguyên nhân chủ yếu của các vấn đề trên là người dân chưa nắm bắt rõ các quy định chi tiết của nhà nước trong chính sách bồi thường, hỗ trợ GPMB và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và cũng ngần ngại chấp nhận mức bồi thường được nhận. Một số trường hợp đã được tuyên truyền, giải thích cụ thể nhưng vẫn cố tình gây cản trở, ở đây cũng có yếu tố tâm lý, yêu sách để được hưởng mức cao hơn, nếu không được thì người yêu sách cũng không gánh chịu thiệt hại gì. Thời gian GPMB

bị kéo dài cũng có nguyên nhân từ đây. Công tác quản lý đất đai chưa tốt là nguyên nhân chủ yếu của tình trạng lấn chiếm mặt bằng dự án, đã nhận bàn giao mặt bằng nhưng chậm triển khai đầu tư, bỏ đất hoang, không thường xuyên kiểm tra và không có biện pháp bảo vệ hiệu quả. Một vấn đề khác cũng gây ra rất nhiều khó khăn là do chính sách về GPMB phải thay đổi để phù hợp với tình hình thực tế, thông thường thì chính sách ban hành sau có mức bồi thường hỗ trợ cao hơn trước đó nên gây ra tình trạng so bì giữa các trường hợp di dời ở giai đoạn trước với các trường hợp di dời ở giai đoạn sau, đặc biệt là giữa hộ gia đình chấp hành tốt chủ trương di dời trước với các trường hợp chậm di dời. Cũng phải kể đến các yếu tố tiêu cực bên ngoài tác động đến tâm lý người dân, thời gian qua, các cơ quan chức năng cũng đã nhiều lần can thiệp, bắt, xử lý, một số đối tượng kích động gây rối, cản trở công tác GPMB.

Về công tác xây dựng cơ sở hạ tầng thì KCN Phú Tài cơ bản đã hoàn thành.

2.2. Chính sách đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định

Về chính sách thu hút đầu tư vào KCN, kể cả đầu tư hạ tầng KCN, có thể chia làm 2 loại: gồm chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương (quy định tại các văn bản OPPL như luật, nghị định, thông tư do cơ quan Trung ương ban hành) và chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Bình Định.

2.2.1. Chính sách ưu đãi của Nhà nước

Theo quy định hiện hành, việc áp dụng các chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương được căn cứ vào địa bàn đầu tư của KCN và ngành nghề ưu đãi đầu tư cho từng dự án. Thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu là hai lĩnh vực phổ biến được áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư. Riêng chính sách miễn giảm tiền thuê đất của Nhà nước chỉ áp dụng trực tiếp đối với dự án hạ tầng KCN. Đồng thời, giá trị được miễn giảm này không được tính vào tiền cho thuê lại đất gắn liền với kết cấu hạ tầng KCN.

- Chính sách ưu đãi đầu tư đối với KCN Nhơn Hòa (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn) và KCN Phú Tài, KCN Long Mỹ (KCN tại địa bàn có điều kiện thuận lợi) cụ thể: Áp dụng thuế suất 17% trong thời gian 10 năm (không áp dụng cho KCN Phú Tài và KCN Long Mỹ); Hàng hóa nhập khẩu để tạo ra tài sản cố

định. Riêng, dự án hạ tầng KCN, được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng (không quá 3 năm) và 15 năm tiếp theo.

- KCN Nhơn Hội (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), cụ thể: Được áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong 15 năm đầu, miễn 4 năm, kể từ khi có thu nhập chưa thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Hiện nay, mức thuế TNDN bình thường là 20%. Đối với một số dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đặc biệt được áp dụng mức thuế TNDN là 10% suốt vòng đời dự án; Miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu để tại ra tài sản cố định; Miễn thuế nhập khẩu 5 năm đầu sản xuất đối với nguyên vật liệu, bán thành phẩm mà Việt Nam chưa sản xuất được hoặc sản xuất nhưng không đạt tiêu chuẩn chất lượng; Các dự án thuộc các KCN Nhơn Hội được giảm 50% số thuế thu nhập cá nhân đối với người có thu nhập chịu thuế (kể cả người Việt Nam và người nước ngoài). Riêng dự án hạ tầng KCN, được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước suốt vòng đời dự án. thời gian cho thuê đất 50 năm, có thể kiến nghị cho thuê đất đến 70 năm.

2.2.2. Chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh Bình Định áp dụng chung cho các KCN

- Hỗ trợ tối thiểu 30% kinh phí cho đào tạo nghề bậc cao.
- Hỗ trợ tối thiểu 50% kinh phí cho đào tạo nghề phổ thông.
- Riêng đối với các doanh nghiệp đầu tư sản xuất sản phẩm gỗ nội thất được hỗ trợ một lần bằng 70% kinh phí đào tạo nghề cho lao động phổ thông. Đối với tổ trưởng, tổ phó sản xuất, tối đa không quá 2 triệu đồng/người/khóa học.
- Hỗ trợ 15% so với tổng chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải ô nhiễm môi trường của dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm gỗ nội thất, tối đa không quá 400 triệu đồng/dự án theo quy định tại Quyết định số 10/2002/QĐ-UB ngày 01/10/2002 của UBND tỉnh.
- Hỗ trợ 100% chi phí báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm gỗ nội thất, tối đa không quá 30 triệu đồng/dự án (không hỗ trợ chi phí bản cam kết bảo vệ môi trường).
- Hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư KCN.

- Hỗ trợ 150 triệu đồng/ha đất thương phẩm KCN để xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN bằng ngân sách của tỉnh.

2.2.3. Chính sách xúc tiến đầu tư và hỗ trợ đầu tư các KCN tỉnh Bình Định

Trong những năm gần đây, tỉnh đã chủ động tổ chức các sự kiện mời gọi đầu tư ở nước ngoài, bên cạnh đó cũng có những sự kiện linh động phối hợp với các tổ chức khác như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các cơ quan xúc tiến đầu tư, thương mại của các nước, hoặc thông qua các Hiệp hội các nước để liên kết với chủ đầu tư cơ sở hạ tầng KCN.... Trong khuôn khổ liên kết với các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, hàng năm có nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư, hội thảo chuyên đề... được tổ chức để đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các KCN. Do vậy, lãnh đạo tỉnh đã tham gia trực tiếp chủ trì hoặc phối hợp với lãnh đạo các tỉnh bạn thực hiện để đảm bảo sự tương xứng và hiệu quả của các sự kiện.

Với nhiệm vụ trực tiếp thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động đầu tư trong KKT, KCN Ban quản lý KKT tỉnh thường xuyên phối hợp với các công ty hạ tầng KCN trong công tác giới thiệu thông tin, quảng cáo hình ảnh về KKT, KCN đến với các nhà đầu tư. Mặt khác, qua các kênh thông tin như: trang web, bản tin khu kinh tế, tài liệu... Ban quản lý khu kinh tế cũng rất chủ động trong việc đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư. Đặc biệt, việc hướng dẫn lập và giải quyết các thủ tục hành chính đề đầu tư theo cơ chế một cửa đã tiết kiệm thời gian và gia tăng sự hài lòng của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Ban quản lý khu kinh tế cũng phối hợp chặt chẽ, nắm bắt thông tin và kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp trong suốt quá trình, từ khi khảo sát, nghiên cứu cho đến khi xây dựng và đưa vào hoạt động, từ đó đã tạo nên hiệu ứng tích cực trong thu hút đầu tư vào các KKT, KCN.

XTĐT là nhiệm vụ quan trọng được lãnh đạo tỉnh quan tâm chỉ đạo đẩy mạnh, triển khai thường xuyên, liên tục và đến nay đã đạt được những thành quả nhất định. Với các hội nghị, hội thảo, các kênh truyền thông quảng báo... hình ảnh Bình Định, các KCN Bình Định đã được giới thiệu một cách khái quát đến các đối tác, nhà đầu tư tiềm năng và đông đảo công chúng. Đồng thời, khi sử dụng phương pháp XTĐT theo địa chỉ, những thông tin chi tiết hơn và nhiều đề xuất đầu tư gọi mở được

chủ động giới thiệu đến từng nhà đầu tư tiềm năng tương ứng để chuyển dịch cơ hội đầu tư gần hơn với các doanh nghiệp. Thời kỳ đầu (2010 trở về trước), tỉnh và các cơ quan tham mưu tập trung vào việc tổ chức hoặc tham gia tổ chức các hội thảo, hội nghị... nói chung là sử dụng các phương tiện nhằm quảng bá thông tin theo chiều rộng. Hiện nay, đang kết hợp chung với phương pháp XTĐT theo địa chỉ, chuyên tài thông tin theo chiều sâu theo đối tượng chọn lọc nên có nhiều nhà đầu tư cụ thể hơn đến với KCN, hiệu quả XTĐT tăng lên khá rõ rệt.

2.2.4. Đánh giá chính sách thu hút đầu tư vào các KCN

Các chính sách thu hút đầu tư vào KCN đã có những tác động nhất định trong tiến trình hình thành và phát triển các KCN tại địa phương. Đặc biệt là việc miễn, giảm thuế TNDN và thuế nhập khẩu. Nhìn chung, hầu hết các chính sách nêu trên đều ảnh hưởng đến chi phí đầu tư, sản xuất, do vậy có ảnh hưởng đến doanh nghiệp khi đánh giá các lợi thế này để kết hợp xem xét các yếu tố khác như lợi thế về giao thông, thị trường, nhân lực, nguyên liệu... trước khi đưa ra quyết định đầu tư. Đối với các chính sách ưu đãi đầu tư của Trung ương, vì phạm vi áp dụng cho tất cả các KCN trên toàn quốc nên không tạo ra được sự khác biệt giữa Bình Định với các địa phương khác. Về phía địa phương, Bình Định có nhiều chính sách hỗ trợ rất cụ thể, tuy nhiên mức ảnh hưởng không lớn, chưa đáp ứng đủ hay vượt trội để đánh đổi với các chi phí cơ hội khác. Đồng thời, trên thực tế, các chính sách trên cũng chưa tạo nên tăng trưởng rõ nét trong thu hút đầu tư một ngành hay nhóm ngành theo mục tiêu kỳ vọng. Nhiều năm qua, tiến độ hình thành và phát triển KCN mới tại Bình Định vẫn rất chậm, ngành đồ gỗ nội thất không có nhiều khác biệt dù tỉnh đã có nhiều chủ trương, giải pháp hỗ trợ. Tuy nhiên, trong giới hạn phạm vi địa bàn tỉnh, doanh nghiệp phải so sánh, lựa chọn địa điểm đầu tư tại các KCN Nhơn Hội hoặc các KCN thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với KCN khác vì có sự chênh lệch lớn về chính sách ưu đãi thuế TNDN.

2.3. Đánh giá sự hài lòng của các doanh nghiệp tại Khu kinh tế Nhơn Hội

Ở đây, tác giả đã tiến hành khảo sát đánh giá sự hài lòng của 60 Doanh nghiệp đang hoạt động trong KKT Nhơn Hội nhằm đánh giá các nhân tố ở tỉnh Bình Định khi tiến hành quyết định đầu tư.

Bảng 2.1: Mức Thang đo

1	2	3	4	5
Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng

Bảng 2.2: Đánh giá sự hài lòng của 60 DN thuộc KKT Nhơn Hội

Nhân tố	Đánh giá					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Các yếu tố thuộc về cơ sở hạ tầng kỹ thuật						
-Hệ thống điện nước đạt yêu cầu	0	5	20	25	10	3.6
-Thông tin liên lạc thuận tiện (điện thoại, internet)	0	8	22	15	15	3.6
-Giao thông, mặt bằng thuận lợi	4	15	16	15	10	3.2
Các yếu tố thuộc về cơ sở hạ tầng xã hội						
-Dịch vụ y tế, trường học tốt	6	10	12	18	14	3.4
-Dịch vụ giải trí thể thao tốt	2	10	15	25	8	3.45

-Các dịch vụ hạ tầng (nhà ở, đi lại,...) thuận tiện	1	5	12	30	12	3.78
-Giá cả hàng hóa rẻ	0	10	20	15	25	4.42
Các yếu tố thuộc về chính sách đầu tư	1	2	3	4	5	
-Chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn	2	8	30	15	5	3.22
-triển khai văn bản pháp luật đến các doanh nghiệp	0	10	30	14	6	3.26
-Hệ thống thuế rõ ràng	0	5	35	10	10	3.42
Các yếu tố thuộc về chất lượng dịch vụ công	1	2	3	4	5	
-Thủ tục hành chính đơn giản, nhanh chóng	5	20	20	10	5	2.8
-Địa phương hỗ trợ đầu tư khi cần	6	10	24	10	10	3.13
- Các trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại có trợ giúp tốt cho doanh nghiệp	4	6	30	15	5	3.18
Các yếu tố thuộc về lợi thế ngành đầu tư	1	2	3	4	5	

-Thuận tiện về nguyên liệu chính cho sản xuất	3	7	14	26	10	3.55
-Thuận tiện về thị trường tiêu thụ chính	2	7	15	21	5	2.85
-Gần Các nhà phân phối	6	12	30	10	8	3.33
-Cạnh tranh thị trường với các đối thủ cạnh tranh chính	4	9	24	19	4	3.16
Các yếu tố về nguồn nhân lực	1	2	3	4	5	
-Lao động trong tỉnh tương đối dồi dào	0	5	25	20	10	3.58
-Lực lượng lao động có tay nghề cao	5	10	30	10	5	3
-Thái độ người lao động tốt	2	18	30	5	5	2.88
-Các cơ sở giáo dục đào tạo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp	6	14	20	12	8	3.03
Các yếu tố về chi phí hạ tầng	1	2	3	4	5	
-Giá thuê đất thấp	15	10	20	11	4	2.65
-Chi phí lao động rẻ	5	10	30	6	9	3.06

-Giá điện, nước hợp lý	14	16	20	6	4	2.5
-Giá dịch vụ thông tin cạnh tranh	6	14	25	10	5	2.9
Các yếu tố thuộc về thu hút đầu tư	1	2	3	4	5	
-Doanh nghiệp có hài lòng khi lựa chọn đầu tư vào KKT Nhơn Hội	0	10	25	15	10	3.42
-Doanh nghiệp có tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư	0	12	28	16	4	3.2
-Doanh nghiệp có muốn giới thiệu các doanh nghiệp khác đến đầu tư	5	10	20	15	10	3.25
-Doanh nghiệp có đạt được doanh thu mong muốn	6	5	34	11	4	3.03

Nguồn: Tổng hợp từ khảo sát của tác giả

Khảo sát 60 DN đang hoạt động tại KKT Nhơn Hội, nhận thấy:

Đối với lợi thế ngành đầu tư:

Đa số doanh nghiệp được khảo sát, có đánh giá chung về về lợi thế ngành đầu tư của tỉnh đã đầu tư vào hoạt động sản xuất trong các KCN ở mức bình thường hoặc hài lòng, Cụ thể:

-Thuận tiện về nguyên vật liệu chính cho sản xuất có mức điểm trung bình là 3.55. Điều này cho thấy vị trí địa lý của KKT Nhơn Hội khá phù hợp cho việc sản xuất kinh doanh, phần lớn các doanh nghiệp đều đánh giá ở mức bình thường trở lên.

-Về thị trường tiêu thụ chính có mức điểm trung bình là 2,85 được phần lớn các doanh nghiệp đánh giá là không hài lòng, một phần là do thị trường tiêu thụ trong tỉnh Bình Định chưa thật sự lớn chỉ ở mức tiềm năng

-Cạnh tranh thị trường với các đối thủ cạnh tranh chính có mức điểm trung bình là 3,52 được các doanh nghiệp đánh giá là ở mức bình thường.

Đối với cơ sở hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng kỹ thuật được doanh nghiệp đánh giá ở mức tương đối ổn định, hầu hết các doanh nghiệp đều đánh giá ở mức độ trên 3 (bình thường) đến 4 (hài lòng) cụ thể:

-Hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước được cung cấp khá đồng bộ, đáp ứng nhu cầu sản xuất của doanh nghiệp và có mức điểm trung bình cao 3.6.

- Hệ thống giao thông, hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải và mặt bằng được đánh giá là đáp ứng được quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

Đối với cơ sở hạ tầng xã hội

Cơ sở hạ tầng xã hội thì được các doanh nghiệp đánh giá ở mức tốt, từ mức bình thường đến hài lòng, có điểm trung bình từ 3 đến 4. Điều này chứng tỏ các doanh nghiệp cũng hài lòng với cơ sở hạ tầng xã hội ở tỉnh Bình Định.

Đối với nguồn nhân lực

Đa số các doanh nghiệp được khảo sát, khi được hỏi về các vấn đề như cung lao động, lực lượng lao động qua đào tạo, chủ trương về đào tạo và chất lượng của người lao động đều đánh giá tốt và được thể hiện qua mức điểm trung bình trên 3, Chỉ có duy nhất là thái độ của người lao động có điểm trung bình là 2.88. Điều này cho thấy đa phần các doanh nghiệp được khảo sát có mức độ tương đối hài lòng đối với nguồn nhân lực tại Bình Định. Nhân lực là một yếu tố then chốt để ra quyết định các nhà đầu

tư khi họ muốn đầu tư vào Bình Định, đây được xem là một tín hiệu đáng mừng cho tỉnh Bình Định. Vì vậy, cần phải nâng cao chất lượng nguồn lao động tại tỉnh.

Đối với chế độ chính sách đầu tư

Các doanh nghiệp hoạt động trong KKT Nhơn Hội tỏ ra khá hài lòng với chế độ chính sách đầu tư của tỉnh, họ cho rằng các chế độ chính sách đầu tư này đáp ứng được nhu cầu đầu tư của họ có mức điểm trung bình từ 3 đến cận 4. Điều này cho thấy tỉnh đã có những cải tiến về chính sách để tiếp tục thu hút đầu tư.

Đối với vấn đề chi phí hạ tầng

Đa số các doanh nghiệp được khảo sát, có đánh giá về chi phí đầu tư ở mức chưa hài lòng khi điểm trung bình chỉ nằm ở mức 2 – 3 cụ thể:

-Giá thuê đất khá cao thì được các doanh nghiệp đánh giá ở mức điểm trung bình là 2.65. Điều này cho thấy các doanh nghiệp chưa thực sự hài lòng.

-Giá dịch vụ thông tin liên lạc cạnh tranh cũng chỉ ở mức dưới 3 chứng tỏ doanh nghiệp cũng không đồng tình với nhận định này. Mặc dù chất lượng là rất tốt song giá cả để sử dụng những dịch vụ là khá cao ảnh hưởng đến việc đầu tư của doanh nghiệp.

-Giá điện nước cũng chưa hợp lý và còn khá cao, các doanh nghiệp đánh giá ở mức điểm trung bình là 2.5.

- Chi phí lao động rẻ thì được các doanh nghiệp đánh giá ở mức điểm trung bình là 3.06 là ở mức tương đối hài lòng. Nhìn chung, mức giá thuê lao động ở tỉnh Bình Định ở mức trung bình nên các DN sẵn sàng đầu tư để tận dụng nguồn lao động của tỉnh.

Đối với vấn đề chất lượng dịch vụ công

Không có doanh nghiệp đánh giá chất lượng dịch vụ công tại các KCN trên địa bàn tỉnh quá tốt. Nhìn chung, đều đánh giá ở mức trên 3, cho thấy các doanh nghiệp đánh giá công nghiệp hỗ trợ của các KCN trên địa bàn tỉnh là ở mức chấp nhận được. Chỉ riêng nhận định thủ tục hành chính đơn giản, nhanh chóng là các doanh nghiệp được khảo sát không đồng ý thể hiện ở mức điểm trung bình là 2.8 chứng tỏ thủ tục hành chính tại Bình Định vẫn còn là mối e ngại cho doanh nghiệp khi muốn đầu tư vào KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Đối với các yếu tố thuộc về thu hút đầu tư

Nhìn chung, đều đánh giá ở mức trên 3, cho thấy các doanh nghiệp đánh giá môi trường để đầu tư tại KKT Nhơn Hội là tốt và có thể tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư để tiếp tục sản xuất kinh doanh.

➡ **Kết luận:** Tỉnh Bình Định trong nhiều năm qua đã có nhiều mặt tích cực trong việc nâng cao chất lượng môi trường đầu tư để thu hút vốn đầu tư, đa số các doanh nghiệp đều rất hài lòng với các yếu tố chủ chốt như cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực,... Tuy nhiên vẫn còn một vướng mắc chính là việc các chính sách, thủ tục đăng ký đầu tư vẫn chưa thực sự tốt cần được cải thiện trong nhiều năm tới.

2.4. Thực trạng thu hút vốn đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020

2.4.1. Tình hình thu hút đầu tư tại các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 – 2020

Việc hình thành và phát triển các KCN tập trung trên địa bàn tỉnh là phù hợp và đáp ứng kịp thời với chủ trương của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nền kinh tế quốc dân, Đồng thời, quá trình đó là cơ hội khơi dậy và phát triển tiềm năng và thế mạnh của Bình Định, là tỉnh cực Nam của vùng kinh tế trọng điểm duyên hải Trung Bộ, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế địa phương. KCN Phú Tài với quy mô diện tích 345 ha, được hình thành từ năm 1999, là KCN đầu tiên của tỉnh và có tốc độ lấp đầy khá cao trên bình diện chung toàn quốc. Tuy nhiên, đến nay sau gần 20 năm, số KCN hình thành mới, diện tích đất công nghiệp khả dụng, diện tích đất công nghiệp lấp đầy của Bình Định chưa phát triển một cách tương xứng.

Bảng 2.3: Tình hình thu hút VĐT vào các KCN giai đoạn 2016 – 2020

(Đơn vị tính: tỷ đồng)

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
KKT Nhơn Hội	4.079	5120	8380	32531	5273
KCN Phú Tài	476.5	685	300	150.5	1450
KCN Long Mỹ	400	342,5	225.5	122,22	725

KCN Hòa Hội	495.5	300,5	226.25	100,6	515
KCN Nhơn Hòa	534	384	153.25	104,34	210
Tổng vốn đầu tư	5.985	8.808	9.213	33.008	9.173

(Nguồn: BQL KKT tỉnh Bình Định)

Nhìn chung trong giai đoạn 2016 -2020, vốn đầu tư thu hút được tăng đều qua các năm và đều vượt kế hoạch một phần do Công tác xúc tiến đầu tư được thực hiện bằng nhiều kênh, nhiều hình thức, đã thu hút được một số dự án mới với quy mô tương đối lớn có thực chất, bắt tay triển khai xây dựng ngay bước đầu đã tạo thêm động lực để thu hút các dự án động lực. Bên cạnh đó, Tập trung nhân lực, nguồn lực hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng tâm theo kế hoạch và Phối hợp các với các sở, ngành, địa phương và đơn vị tư vấn đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất sạch cho nhà đầu tư triển khai dự án. Kết quả gia tăng đáng kể nguồn thu cho ngân sách từ tiền thuê đất, sử dụng đất, Đây là cơ sở nâng cao vốn thu hút đầu tư và vốn đầu thực hiện .

Tuy nhiên, vẫn còn một vài hạn chế trong công tác thu hút đầu tư như vốn đầu tư thực hiện của các dự án còn thấp so với tổng vốn đăng ký, nguyên nhân chính là nhiều dự án, đặc biệt là các dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch (trừ các dự án của Công ty CP Tập đoàn FLC) triển khai rất chậm; : Hạ tầng kỹ thuật của KKT (về điện, nước, thông tin liên lạc...) chưa đồng bộ, hoàn chỉnh, đặc biệt là Dự án Cảng chưa đầu tư xây dựng làm hạn chế khả năng thu hút các dự án sản xuất công nghiệp vào Khu kinh tế. Nhiều dự án tại KCN triển khai không đúng mục tiêu đầu tư đăng ký ban đầu, gây ảnh hưởng đến công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, các Chủ đầu tư chưa thực sự quan tâm thực hiện dẫn đến tiến độ kéo dài.

Vốn thu hút đầu tư năm 2019 tăng đột biến nhưng lệch mạnh sang lĩnh vực đô thị đã tạo sự bất cân đối giữa phát triển công nghiệp và đô thị, dịch vụ trên nền tảng tài nguyên hiện hữu của KKT, KCN, chưa thật sự là phát triển bền vững. Từ đó làm phát sinh những vấn đề rất đáng quan tâm cho việc xây dựng chiến lược thu hút đầu tư và công tác quản lý nhà nước trong thời gian tới.

Năm 2020, do ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 nên tình hình thu hút đầu tư, triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh

nghiệp gặp rất nhiều khó khăn; các nhà đầu tư chủ yếu tập trung ứng phó với diễn biến của dịch để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, và tạm dừng triển khai kế hoạch đầu tư mới, định hướng phát triển kinh doanh. Do vậy, kết quả thu hút đầu tư trong năm chỉ đạt 44,7% so với kế hoạch cả năm 2020.

Bảng 2.4: Tình hình thực hiện các dự án trên tỉnh Bình Định giai đoạn 2016- 2020

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Số dự án được cấp mới (dự án)	32	37	22	15	34
Vốn đầu tư đăng ký (tỷ đồng)	5985	6490	8616	30346,61	8625
Số dự án điều chỉnh (dự án)	19	43	35	24	23
Vốn đầu tư tăng thêm (tỷ đồng)	191	2319	669	2662,05	548
Số dự án thu hồi (dự án)	11	21	7	2	14
Vốn đầu tư giảm (tỷ đồng)	23830	1046	6102	2166	395

Nguồn: Tổng hợp từ BQL KKT tỉnh Bình Định

Qua bảng tổng kết cho thấy số lượng dự án thu hút mới vào các KCN trên địa bàn tỉnh có sự biến động khá lớn qua các năm, đặc biệt năm 2018 số lượng dự án thu hút mới giảm đáng kể so với năm 2017. Kèm với đó, số dự án cũng giảm qua các năm tiếp theo. Đây là một tín hiệu đáng lo cho việc thu hút đầu tư vào các KCN mà tỉnh đang tập trung và hướng đến để thu hút lượng vốn lớn vào tỉnh để phát triển kinh tế tỉnh nói riêng và kinh tế cả nước nói chung cùng phát triển. Điều này cho thấy công tác thu hút đầu tư còn nhiều hạn chế, cụ thể là hạ tầng kỹ thuật của KCN (về điện, nước,

thông tin liên lạc...) chưa đồng bộ, hoàn chỉnh, đặc biệt là Dự án Cảng chưa đầu tư xây dựng làm hạn chế khả năng thu hút các dự án sản xuất công nghiệp vào KCN. Nhiều dự án tại KCN triển khai không đúng mục tiêu đầu tư đăng ký ban đầu, gây ảnh hưởng đến công tác bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó là còn năng lực của một số nhà đầu tư bị hạn chế nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án chưa đúng kế hoạch, tiến độ đã đăng ký nên gây ảnh hưởng đến tiến độ thu hút đầu tư chung tại KCN.

2.4.2. Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI

Bảng 2.5: Tình hình thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI giai đoạn 2016 – 2020

ĐVT: USD

	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
KKT Nhơn Hội	3.076.190	4.483.332	11.618.405	58.170.724	35.095.562
Các KCN	6.294.145	10.632.504	14.272.253	16.272.253	29.395.000
Tổng	9.370.335	15.115.836	25.890.658	74.442.977	64.490.562

Nguồn: Tổng hợp từ BQL KKT Tỉnh Bình Định

Nhìn chung, tình hình thu hút vốn FDI qua các năm đều có xu hướng gia tăng một phần do tình hình kinh tế trong và ngoài nước có nhiều chuyển biến tích cực, thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp trong Khu kinh tế Nhơn Hội và các Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Các dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại các Khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ và Nhơn Hòa được triển khai đầu tư đúng với tiến độ và quy mô đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Tuy nhiên, một số dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Khu kinh tế Nhơn Hội còn chậm so với tiến độ đăng ký, điển hình là các dự án đầu tư trong lĩnh vực du lịch ảnh hưởng đến thu hút đầu tư.

Xét về mức độ thu hút vốn đầu tư, thì KKT Nhơn Hội thu hút được lượng vốn đầu tư vượt trội hơn hẳn so với những KCN còn lại. Năm 2019 thì KKT Nhơn Hội đã thu hút được 58.170.724 USD. Cũng như tình hình chung tại tỉnh, phần lớn

vốn đầu tư tập trung vào ngành sản xuất khác, phần còn lại thì phân bổ vào ngành thức ăn chăn nuôi và, còn các ngành còn lại với số vốn đầu tư không đáng kể.

Năm 2020, do ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh Covid-19 nên tình hình thu hút đầu tư, triển khai dự án và hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn; các nhà đầu tư chủ yếu tập trung ứng phó với diễn biến của dịch để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, và tạm dừng triển khai kế hoạch đầu tư mới, định hướng phát triển kinh doanh. Công tác xúc tiến đầu tư chủ yếu được thực hiện thông qua việc cung cấp thông tin qua điện thoại, email cho các nhà đầu tư ở xa; Các chuyên gia, lao động nước ngoài hạn chế nhập cảnh, khó tuyển dụng lao động, các đối tác giao hàng từ nước ngoài chậm cung cấp máy móc thiết bị hoặc việc nhập máy móc thiết bị gặp nhiều khó khăn... Bên cạnh đó, một số doanh nghiệp lớn, đầu tư đa ngành, đa lĩnh vực bị thiệt hại kinh tế lớn nên đã tạm dừng thi công từ đầu năm 2020; nhiều doanh nghiệp ngành dịch vụ phải tạm ngừng kinh doanh trong thời gian dài. Điều này ảnh hưởng lớn việc thu hút đầu tư nước ngoài.

2.4.3. Về các chỉ tiêu đánh giá sự phát triển của các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định

Bảng 2.6: Tổng hợp các chỉ tiêu đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh các KCN trong tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 -2020

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tỷ lệ lấp đầy các KCN (%)	74.5%	75%	75.5%	76%	76.3%
Doanh thu (nghìn tỷ đồng)	21.000	25.200	28.224	31.600	33.000
Giá trị sản xuất Công nghiệp (nghìn tỷ đồng)	15.384	17.690	19.812	21.810	20.020
Kim ngạch xuất khẩu (triệu USD)	240	268	300	330	350
Nộp ngân sách (nghìn tỷ đồng)	500	700	800	990	1.100

Tỷ lệ đóng góp vào GDP địa phương (%)	37.8%	40%	42%	46%	43.3%
Thu nhập bình quân (triệu đồng/ tháng/ người)	3,6-3,8	4	4.3	4.5	4.2

Nguồn: Tổng hợp từ Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định

Về tỷ lệ lấp đầy của các KCN, Trong thời gian qua, Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định đã đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư, cải cách thủ tục hành chính, nhằm thu hút các nhà đầu tư lớn trong và ngoài nước. Do vậy, tình hình thu hút đầu tư vào KKT Nhơn Hội và các KCN trên địa bàn tỉnh đã khởi sắc. Nhờ thu hút được nhiều dự án đầu tư, cùng với việc các DN đã đầu tư hoàn chỉnh trước đó mở rộng hoạt động sản xuất – kinh doanh, giá trị sản xuất công nghiệp tăng khá. Vì thế, tỷ lệ lấp đầy của các KCN tăng hằng năm.

Về hiệu quả hoạt động của các KCN, các Doanh nghiệp trong các KCN và KKT Nhơn Hội hoạt động sản xuất kinh doanh khá tốt và **doanh thu tăng** đều qua các năm và đóng góp nhiều vào ngân sách nhà nước. Giá trị sản xuất công nghiệp qua các năm đều tăng, đây là tính hiệu đáng mừng đối với ngành Công nghiệp ở tỉnh Bình Định. Do sản xuất phát triển nên kim ngạch xuất khẩu cũng tăng đều qua hằng năm. Trong giai đoạn 2016 -2020, các Doanh nghiệp trong KCN, KKT Nhơn Hội đều tiếp tục gia tăng quy mô sản xuất nên sẽ thu hút thêm nguồn lao động tăng tiền lương.

Nhìn chung, các Công ty, Doanh nghiệp trong các KCN tỉnh Bình Định phát triển và tăng quy mô hoạt động qua từng năm. Giai đoạn vừa qua là giai đoạn thành công của Kinh tế Việt Nam nói chung và của tỉnh Bình Định nói riêng, Đồng thời đang tạo cảm hứng cho cộng đồng doanh nghiệp và các nhà đầu tư ngày càng tự tin hơn trong quá trình hội nhập phát triển bền vững.

Những thành tích đáng mừng của giai đoạn vừa qua đang tiếp tục làm bùng sáng hy vọng và đưa hiện thực phát triển kinh tế của địa phương ngày càng tiêm cận hơn với những kỳ vọng của nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân dân tỉnh nhà. Đây là những tín hiệu đáng mừng, là sự hồi đáp có hậu cho những gì mà Nhà nước và nhân dân ta

đầu tư và hy sinh cho miền gió cát này hơn 15 năm qua. Thu ngân sách tăng, cơ hội phát triển dịch vụ, việc làm cũng tăng theo, điều kiện hạ tầng xã hội tốt hơn, ... rất nhiều tiềm năng khác phát triển cùng theo đô thị hóa là triển vọng tất yếu trong thời gian không xa, hoàn toàn có đủ cơ sở để hy vọng một trung tâm đô thị mới hiện đại, sầm uất của Bình Định trong vòng không quá 10 năm tới.

Về đóng góp vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế và giải quyết việc làm cho người lao động, Tuy quy mô phát triển các KCN trong vùng còn nhỏ song đã góp phần đáng kể trong phát triển sản xuất công nghiệp trong vùng, góp phần đẩy nhanh việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế đúng hướng. Cơ cấu kinh tế của vùng chuyển dịch khá nhanh, tỉ trọng đóng góp của công nghiệp - xây dựng vào GDP tăng nhanh (từ 37,8% năm 2016 lên 46% năm 2019). Sự phát triển các KCN đã thu hút hơn 70% lao động tại địa phương, đặc biệt là số lao động nữ cho các dự án là các ngành công nghiệp nhẹ (may mặc, dệt, giày dép...). Phần lớn lực lượng lao động là trẻ, có sức khoẻ và khả năng tiếp thu nhanh chóng những kỹ thuật mới và làm việc lâu dài tại KCN.

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 các Doanh nghiệp đa số trì hoãn lại việc sản xuất kinh doanh mà tập trung vào triển khai các biện pháp phòng chống dịch. Qua kiểm tra các doanh nghiệp cơ bản chấp hành tốt các quy định về phòng chống dịch, các doanh nghiệp đều nằm ở nhóm rất ít nguy cơ, nguy cơ lây nhiễm thấp. Điều này giúp phục hồi lại môi trường kinh doanh sau dịch để tiếp tục thu hút đầu tư. Vì vậy, đóng góp vào GDP trong năm này bị giảm lại so với năm 2019.

Về công tác bảo vệ môi trường, trong giai đoạn vừa qua Xác nhận đăng ký Kế hoạch Bảo vệ môi trường (BVMT); thẩm định, phê duyệt 08 Báo cáo ĐTM; thẩm định và xác nhận 01 hồ sơ xác nhận đã hoàn thành công trình BVMT phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo đúng trình tự và thời gian quy định; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành 70 lượt kiểm tra hiện trường công tác BVMT tại các DN và kịp thời chấn chỉnh, xử lý các vi phạm; tham mưu điều chỉnh Quy định về tiêu chí và thang điểm phân hạng các DN trong các KCN và KKT theo hướng DN xanh (phân hạng 112 DN) và tổ chức trao tặng danh hiệu DN xanh cho 42 DN (04 DN xuất sắc, 16 DN tốt và 22 đạt yêu cầu) nhân ngày Môi trường thế giới ngày 05/6; xây dựng 34 băng rôn, biểu ngữ tuyên truyền ngày Môi trường thế giới, Tuần lễ Biển

và Hải đảo Việt Nam, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn; quan trắc, lập 02 đợt báo cáo giám sát môi trường định kỳ KKT, Khu nghĩa địa cải táng Cát Nhơn - Cát Hưng, Khu xử lý CTR phục vụ KKT; tham mưu Lãnh đạo Ban ban hành hơn 90 lượt Văn bản giải quyết các vấn đề về môi trường và hướng dẫn các DN thực hiện hồ sơ môi trường...Đồng thời, với việc công khai quy trình giải quyết các thủ tục về hồ sơ môi trường trong bộ thủ tục hành chính, đưa việc thẩm định và phê duyệt hồ sơ về môi trường vào quy trình ISO, thực hiện việc đăng tải trên Website các Văn bản hướng dẫn và niêm yết công khai các quy trình, thủ tục về môi trường tại bộ phận một cửa, Ban Quản lý KKT đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư của các dự án trên địa bàn các KCN và KKT Nhơn Hội.

2.5. Đánh giá về thực trạng thu hút VĐT vào các KCN

Kết quả đạt được:

Tình hình kinh tế trong nước nói chung đã có dấu hiệu phục hồi và chuyển biến tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp trong Khu kinh tế, khu công nghiệp (KKT, KCN). Sự ủng hộ, quyết liệt trong việc phân cấp, ủy quyền cho Ban Quản lý thực hiện cơ chế một cửa tại chỗ, tạo điều kiện cho các Nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các thủ tục đầu tư, góp phần đẩy nhanh tiến độ các dự án trên địa bàn KCN, KKT.

Nhìn chung, tình hình thu hút vốn đầu tư của các KCN tăng đều qua các năm. Riêng năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid 19 nên tình hình thu hút đầu tư và triển khai các dự án gặp nhiều khó khăn.

Giai đoạn 2016 – 2020 Thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm theo Kế hoạch đề ra, tập trung nguồn lực cơ bản hoàn thành bồi thường GPMB các dự án trọng điểm. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, môi trường tiếp tục được tăng cường để từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp KCN đi vào nề nếp tạo điều kiện để tiếp tục thu hút vốn đầu tư.

Về phát triển công nghiệp: Tiếp tục Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của tỉnh. Trong công tác thu hút vốn và xúc tiến đầu tư, chủ động hướng đến các thị trường tiềm năng, chọn lọc và tiếp nhận các dự án phù hợp với khả năng hấp thụ của địa phương và đảm bảo cho sự phát

triển bền vững, Phát triển mạnh các sản phẩm có lợi thế về nguyên liệu, nhân lực và thị trường; đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, từng bước hiện đại hóa các ngành sản xuất công nghiệp.

Về tình hình sản xuất hoạt động kinh doanh: Giai đoạn 2016 -2020 là giai đoạn khá thành công đối với các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định khi có doanh thu tăng đều qua các năm, kim ngạch xuất khẩu cũng tăng. Qua đó đóng góp nhiều vào chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương, tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, tạo thêm việc làm cho người lao động, góp phần vào công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước.

Hiệu quả mang lại:

Đối với Bình Định, những năm qua, việc thu hút đầu tư trong nước và nước ngoài là hướng đi quan trọng nhằm tạo bước đột phá phát triển kinh tế của tỉnh. Công tác thu hút đầu tư và cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh luôn được đổi mới và cải thiện, tập trung mời gọi các nhà đầu tư lớn có khả năng lôi kéo, thúc đẩy các dự án phụ trợ; chú trọng nhóm các nhà đầu tư vừa và nhỏ, nhưng có công nghệ sạch và cao của Nhật Bản, Hàn Quốc, Mỹ, Tây Âu và các quốc gia phát triển để đảm bảo môi trường bền vững, vừa đẩy nhanh tiến độ lấp đầy Khu kinh tế Nhơn Hội và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, vừa đẩy mạnh công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hạ nguồn và các dịch vụ kèm theo.

Nâng cao Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) trong những năm vừa qua (đặc biệt là năm 2019 điểm số PCI đạt 66.56 cao nhất trong 10 năm qua), UBND tỉnh Bình Định tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao khả năng cạnh tranh. Theo đó, tỉnh đã đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng; rà soát các thủ tục không còn phù hợp, kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét cắt giảm hoặc sửa đổi. Đồng thời, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa từng ngành, lĩnh vực, tạo nền tảng cho phát triển nhanh, bền vững tạo điều kiện để tiếp tục thu hút đầu tư.

Những Hạn chế tồn tại:

Trong công tác thu hút đầu tư, mặc dù kết quả vốn thu hút đầu tư trong năm vượt mức kế hoạch, song vốn đầu tư thực hiện của các dự án còn thấp so với tổng vốn đăng ký, nguyên nhân chính là nhiều dự án, đặc biệt là các dự án thuộc lĩnh vực dịch vụ du lịch (trừ các dự án của Công ty CP Tập đoàn FLC) triển khai rất chậm, trong khi vốn đăng ký rất lớn, và các dự án đang trong giai đoạn triển khai thủ tục.

Bên cạnh các doanh nghiệp hoạt động tốt vẫn còn một số doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, hoạt động cầm chừng, ngân hàng niêm phong hoặc chấm dứt hoạt động phải chuyển nhượng do thua lỗ do khó khăn về vốn, tình hình thị trường có nhiều bất lợi, giá đầu ra không tăng trong khi giá đầu vào tăng cao; việc thực hiện an toàn lao động, PCCN của một số doanh nghiệp chưa tốt do nhận thức chưa cao. Việc cung cấp lao động cho các doanh nghiệp KCN, KKT còn mâu thuẫn cung cầu, đó là thiếu lao động kỹ thuật, có tay nghề trong khi số lao động cần tạo công ăn việc làm còn rất dư thừa. Do lượng công nhân lớn trong khi hầu hết các KCN đều chưa chú trọng tới việc xây dựng nhà ở cho công nhân, phần lớn lao động phải thuê nhà, sống tạm bợ, điều này ảnh hưởng đến chất lượng nguồn lao động và tới hiệu quả lâu dài của KCN, KKT., chấp hành không nghiêm các quy định ảnh hưởng không nhỏ đến việc thu hút đầu tư.

Việc triển khai xây dựng và xúc tiến đầu tư chỉ mới tập trung vào thu hút nhà đầu tư vào các KCN, chưa chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, gây ảnh hưởng đến môi trường trong KCN và khu vực phụ cận; việc đầu tư hạ tầng KCN chưa đồng bộ, một số KCN đã đi vào hoạt động nhưng chưa có hệ thống xử lý chất thải tập trung để xử lý chất thải công nghiệp.

Hạ tầng kỹ thuật của KKT và các KCN (về điện, nước, thông tin liên lạc...) chưa đồng bộ, hoàn chỉnh, đặc biệt là Dự án Cảng chưa đầu tư xây dựng làm hạn chế khả năng thu hút các dự án sản xuất công nghiệp vào Khu kinh tế. Nhiều dự án tại KCN triển khai không đúng mục tiêu đầu tư đăng ký ban đầu, gây ảnh hưởng đến công tác bảo vệ môi trường tác động xấu đến việc thu hút đầu tư.

Nguyên nhân:

+Nguyên nhân khách quan

Tình hình kinh tế trong nước phục hồi chưa ổn định; tình hình thiên tai, lũ lụt đã tác động xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; năng lực của một số nhà đầu tư bị hạn chế nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án theo kế hoạch.

Năng lực của một số nhà đầu tư bị hạn chế nên ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án chưa đúng kế hoạch, tiến độ đã đăng ký nên gây ảnh hưởng đến tiến độ thu hút đầu tư chung tại KKT, KCN.

Chính quyền địa phương chưa quyết liệt chỉ đạo xử lý đối với các trường hợp vi phạm lấn chiếm vỉa hè gây mất mỹ quan trong Khu kinh tế.

Công tác xây dựng hệ thống nước sinh hoạt và điện chiếu sáng trong các Khu tái định cư do Điện lực Bình Định và Công ty Cấp thoát nước Bình Định đầu tư còn chưa đồng bộ.

Công tác phối hợp của các đơn vị chức năng liên quan trong việc ngăn chặn, xử lý các trường hợp khai thác, vận chuyển cát trái phép trên địa bàn Khu kinh tế chưa kịp thời, chưa có giải pháp hữu hiệu.

Dịch Covid 19 đã khiến các hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị trì trệ ảnh hưởng không nhỏ đến công tác thu hút vốn đầu tư.

+Nguyên nhân chủ quan:

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của tập thể lãnh đạo Ban Quản lý trong một số trường hợp còn chậm, còn lúng túng trong xử lý một số sai phạm của nhà đầu tư.

Công tác phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế và một số sở ngành, đơn vị chưa được chặt chẽ nên chưa đạt hiệu quả trong xử lý một số việc liên quan.

Việc phối kết hợp giữa các phòng ban và đơn vị có lúc còn thiếu chặt chẽ. Một số cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu chủ động trong tham mưu, đề xuất tổ chức thực hiện.

Một số doanh nghiệp trong KKT, KCN chưa chấp hành tốt quy định trong xây dựng theo quy hoạch, bảo vệ môi trường, an toàn lao động, PCCC; hoạt động sai ngành nghề, cho thuê kho trái quy định, chưa tham gia đầy đủ chế độ BHXH cho người lao động, ... trong khi công tác phối hợp kiểm tra xử lý chưa được triệt để.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ VÀO CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH.

3.1. Kế hoạch thu hút vốn đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021- 2025

3.1.1. Phương hướng chung

Xây dựng, phát triển bền vững KKT Nhơn Hội và các KCN, đưa KKT Nhơn Hội trở thành hạt nhân tăng trưởng, trung tâm đô thị công nghiệp - dịch vụ - du lịch của tỉnh Bình Định cũng như vùng kinh tế trọng điểm Miền Trung; đẩy mạnh triển khai dự án Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex – Bình Định và các dự án có quy mô lớn; cơ bản hoàn thành giải phóng mặt bằng và xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật KKT Nhơn Hội và các KCN đã thành lập. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3.1.2. Kế hoạch và một số chỉ tiêu, nhiệm vụ để thu hút vốn đầu tư phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025

Thu hút vốn đăng ký đầu tư và KKT Nhơn Hội và các KCN đạt 110.000 tỷ đồng; trong đó, cụ thể từng năm:

Bảng 3.1: Kế hoạch thu hút VĐT giai đoạn 2021 – 2025

	ĐVT	2021	2022	2023	2024	2025
Vốn thu hút đầu tư	Tỷ đồng	21.200	21.500	22.000	22.500	23.000

(Nguồn: BQL KKT tỉnh Bình Định)

Phân đầu đến năm 2025, tổng vốn đầu tư thực hiện đạt trên 40% so với tổng vốn đăng ký.

- Giá trị SXCN, KNXK hàng năm tăng từ 12% trở lên, chiếm từ 40% - 42% so với toàn tỉnh và phân đầu đến năm 2020:

+ Tại KKT Nhơn Hội: Giá trị SXCN chiếm khoảng 20% và kim ngạch xuất khẩu khoảng 10% so với toàn tỉnh; giải quyết việc làm cho khoảng 8.000 lao động.

+ Tại các KCN: Giá trị SXCN chiếm khoảng 30% và kim ngạch xuất khẩu khoảng 35% so với toàn tỉnh; giải quyết việc làm cho khoảng 22.000 lao động.

Hoàn thành việc lập, điều chỉnh QHPK 1/2000 KCN Phú Tài, KCN Long Mỹ (giai đoạn 2).

Chuẩn bị các thủ tục cần thiết để triển khai đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (Khu 5, 8); Điểm số 1 Khu du lịch biển Nhơn Lý – Cát Tiến; Khu TĐC Nhơn Phước mở rộng phía Bắc; Khu tái định cư Vĩnh Hội; Quỹ đất dọc QL19 mới....

Tổ chức triển khai hoặc phối hợp triển khai việc đầu tư hoàn chỉnh hệ thống hạ tầng dùng chung (giao thông, cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải...) phục vụ các dự án trong KKT Nhơn Hội.

Tập trung thu hút đầu tư các dự án công nghiệp vào các KCN trong KKT, ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao thân thiện với môi trường, không thu hút các ngành nghề ô nhiễm, công nghệ lạc hậu.

Hỗ trợ nhà đầu tư xây dựng hoàn thiện các khu du lịch dọc bờ biển phía Đông, điểm dịch vụ du lịch sinh thái ven Đầm Thị Nại và Vịnh Mai Hương; phát triển sản phẩm du lịch theo đặc trưng thể mạnh của từng địa điểm tại Tân Thanh - Vĩnh Hội, Eo Gió, Kỳ Co, Phương Mai, Núi Bà, Nhơn Hải, Hòn Khô

3.2. Định hướng chung và dự báo khả năng thu hút vốn đầu tư phát triển vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2021

Trong công tác xúc tiến đầu tư, chủ động hướng đến các thị trường tiềm năng, chọn lọc và tiếp nhận các dự án phù hợp với khả năng hấp thụ của địa phương và đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Chuẩn bị các điều kiện sẵn sàng đón nhận các làn sóng đầu tư mới vào địa phương khi gia nhập sâu vào nền kinh tế quốc tế và triển khai các Hiệp định về thương mại xuyên Á Thái Bình Dương (TPP), Hiệp định thương mại trong khối Asean,...

Dự kiến tổng vốn thu hút đầu tư năm 2021 đạt 21.200 tỷ đồng, trong đó dự kiến các dự án hạ tầng KCN và sản xuất công nghiệp thu hút đạt 2.200 tỷ đồng, các dự án đô thị, du lịch, dịch vụ dự kiến thu hút đạt 19.000 tỷ đồng.

Vốn đầu tư thực hiện trong năm 2021: dự kiến đạt 5.500 tỷ đồng. Trong đó, vốn thực hiện của các dự án cấp mới dự kiến khoảng 1.000 tỷ đồng và vốn thực hiện của các dự án đã cấp từ năm 2020 về trước dự kiến đạt 4.500 tỷ đồng.

Tích cực thúc đẩy hỗ trợ Dự án Khu công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex để triển khai đầu tư xây dựng trong năm 2021 và có thể thực hiện thu hút đầu tư vào Quý IV/2021.

Hoàn chỉnh việc gia hạn thời hạn sử dụng đất của KCN Nhơn Hội (Khu A và Khu B) theo Luật Đất đai; hoàn chỉnh việc thu hồi, bồi thường và triển khai đấu thầu, đấu giá đối với các diện tích đất đã chuyển sang quy hoạch đất ở đô thị đối với một số dự án tại KKT.

Đôn đốc các chủ đầu tư các Khu du lịch dịch vụ trên địa bàn KKT tích cực triển khai dự án và có giải pháp xử lý kiên quyết đối với các dự án chậm tiến độ.

Phối hợp hỗ trợ Chủ đầu tư hạ tầng KCN Hòa Hội tích cực hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, đồng thời đẩy mạnh thu hút các nhà đầu tư thứ cấp và dự kiến thu hút lấp đầy khoảng 10 – 15% diện tích đất công nghiệp.

Đôn đốc, hỗ trợ Chủ đầu tư hạ tầng KCN Bình Nghi tích cực hoàn thiện thủ tục đầu tư; triển khai Công tác bồi thường GPMB trong Quý II/2021 và triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật vào Quý III/2021.

Tích cực đẩy nhanh hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư KCN Long Mỹ 2, KCN Cát Trinh và triển khai công tác bồi thường GPMB hoàn thiện trong năm 2021, để có cơ sở đầu tư xây dựng và thu hút đầu tư vào năm 2022.

Đẩy mạnh công tác phối hợp xúc tiến kêu gọi, thu hút đầu tư các dự án lớn và mang tính động lực vào KKT và các KCN trên địa bàn; Tăng cường xúc tiến đầu tư các dự án nhà ở cho công nhân tại KKT Nhơn Hội và các KCN.

3.3. Giải pháp

Việc thu hút đầu tư của các chủ kinh tế vào các KCN vẫn còn gặp nhiều khó khăn với tốc độ chậm và kết quả không được như mong muốn. Mặc dù, vốn ngân sách Nhà nước đầu tư vào đây đã lên tới 630,86 tỷ đồng nhưng vẫn chưa hoàn thành việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của KKT theo tiến độ quy định. Do đó, số lượng các nhà đầu tư đến nghiên cứu, tìm cơ hội đầu tư vào các KCN nhiều nhưng chưa thực sự hấp dẫn đầu tư.

Nếu cứ để trình trạng này, thì phải mất một thời gian dài mới có thể thu hút đầu tư vào hoạt động KCN, sẽ làm mất cơ hội và giảm sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư. Đây là yếu tố gây cản trở, nếu không được khắc phục kịp thời thì việc xây dựng thành công và phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định là khó có thể thực hiện được.

Để góp phần tháo gỡ khó khăn, giải quyết vấn đề bức xúc trên, thiết nghĩ cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

3.3.1. Xây dựng cơ chế chính sách phù hợp tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư

Hoàn thiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Hội đến năm 2025 nhằm định hướng về nội dung, lộ trình phát triển của các ngành kinh tế chủ yếu, các chương trình đầu tư và các giải pháp tổ chức thực hiện. Đây là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong công tác quy hoạch, là cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng kế hoạch trung hạn và kế hoạch hàng năm.

Rà soát lại các quy hoạch chi tiết đã triển khai, điều chỉnh cho phù hợp với thực tế để trình duyệt, đồng thời tiến hành quy hoạch mới các khu chức năng để phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư (XTĐT) và đẩy nhanh tiến độ xây dựng các quy hoạch thực hiện dự án. Mặt khác, cần thường xuyên coi trọng công tác quản lý quy hoạch và triển khai thực hiện quy hoạch theo đúng tiến độ, bổ sung kịp thời các phát sinh trong quá trình phát triển. Việc điều hành kế hoạch phải đi đôi với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư, huy động tổng hợp các nguồn lực cho sự phát triển. Cần chú trọng khai thác các nguồn vốn từ quỹ đất, vốn ứng trước của các doanh nghiệp, chủ động xác định dự án kêu gọi, vận động các nguồn vốn có tính chất ngân sách, vốn FDI, ODA... để bố trí đủ vốn theo kế hoạch đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng.

Nghiên cứu điều chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư vào các KCN trên cơ sở vận dụng tối đa các cơ chế chính sách ưu đãi cao nhất được Nhà nước cho áp dụng đối với các dự án đầu tư vào địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Thực hiện mức giá cho thuê đất thấp nhất đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, khu phi thuế quan, khu cảng Nhơn Hội và các khu du lịch sinh thái.

Ban quản lý Khu kinh tế và các đơn vị có liên quan cần hướng dẫn, cập nhật cụ thể những chính sách hỗ trợ đầu tư hiện tại của tỉnh áp dụng tại các KCN trên địa bàn tỉnh như : Hỗ trợ 15% so với tổng chi phí đầu tư xây dựng hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường của dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm gỗ nội thất, tối đa không quá 400 triệu đồng/dự án theo quy định tại Quyết định số 130/2002/QĐ-UB ngày 01/10/2002 của UBND tỉnh; Hỗ trợ 100% chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư mới sản xuất sản phẩm gỗ nội thất, tối đa không quá 30 triệu đồng/dự án (không hỗ trợ chi phí lập bản cam kết bảo vệ môi trường); Hỗ trợ một phần kinh phí thực hiện thủ tục hành chính chuẩn bị đầu tư vào KCN; Hỗ trợ 150 triệu đồng/ha đất thương phẩm KCN để xây dựng hệ thống xử lý nước thải KCN bằng ngân sách tỉnh.

Xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đồng thời, ban hành chính sách hỗ trợ để thu hút lao động có chuyên môn cao, tay nghề giỏi về làm việc lâu dài tại các KCN. Đặc biệt, ban hành chính sách hỗ trợ nhà ở cho người lao động làm việc tại các KCN và chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở cho công nhân. Ngoài ra, phải có chính sách hỗ trợ ưu đãi phù hợp với đặc điểm từng ngành đối với từng doanh nghiệp. Hỗ trợ doanh nghiệp ở một số lĩnh vực có liên quan đến hoạt động của các doanh nghiệp trong KCN như: Hướng dẫn thực hiện quy định về quản lý lao động, thủ tục hành chính thành lập công đoàn cơ sở, tổ chức hội nghị tuyên truyền phổ biến về luật bảo vệ môi trường, an toàn lao động và phòng cháy chữa cháy tại các KCN trên địa bàn tỉnh.

Để thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ, ngoài việc ban hành, hướng dẫn cụ thể cũng như giải quyết các thắc mắc có liên quan khi doanh nghiệp yêu cầu, cần đơn

giảm hóa các thủ tục hỗ trợ kinh phí đào tạo để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong việc hoàn thành thủ tục nộp hồ sơ nhận hỗ trợ. Ngoài những hỗ trợ về tài chính thì các cơ quan chức năng cần sâu sát trong việc nắm tình hình khó khăn, vướng mắc để giải quyết kịp thời, nhanh chóng cho các doanh nghiệp tại các KCN để họ yên tâm tập trung sản xuất.

Xây dựng kế hoạch XTĐT dài hạn và trung hạn có tính định hướng chiến lược cho 5, 10 năm và có tính khả thi cao. Đa dạng hóa các loại hình XTĐT như: thông qua tổ chức hội nghị, lên trang website, các diễn đàn trong và ngoài nước, các cơ quan ngoại giao, các hoạt động đối ngoại của các đồng chí lãnh đạo các cấp, thông qua các chủ đầu tư đã đầu tư vào các KCN hoặc thông qua bạn bè quốc tế, bà con Việt kiều ... Ngoài ra, cần tổ chức các chuyến đi khảo sát, học tập, trao đổi kinh nghiệm XTĐT ở các KCN trong và ngoài nước. Đồng thời, phải mở văn phòng đại diện trong và ngoài nước để làm nhiệm vụ giao dịch với các nhà đầu tư. Mặt khác, thường xuyên theo dõi hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện dự án; phối hợp cùng với các nhà đầu tư, trực tiếp làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc về thủ tục đầu tư nhằm sớm triển khai các dự án.

Chính sách BTTH, GPMB phải đúng với thực tế thiệt hại của người dân, đảm bảo cho người dân khi chuyển đến nơi ở mới có cơ sở hạ tầng, nhà ở tốt hơn nơi ở cũ, và có điều kiện ổn định cuộc sống. Thực hiện tốt chính sách trợ cấp, đào tạo chuyển đổi nghề, giải quyết việc làm và ổn định đời sống nhân dân vùng giải tỏa để đảm bảo sự phát triển bền vững của các KCN. Quy hoạch đất và hỗ trợ phát triển các ngành, các cơ sở thương mại dịch vụ tại các khu tái định cư để tạo việc làm cho nhân dân thuộc diện di dời.

3.3.2. Nâng cấp CSHT tạo điều kiện thuận lợi cho sản xuất kinh doanh

Đối với CSHT kỹ thuật

Tập trung hoàn thiện toàn bộ hệ thống hạ tầng khu cảng tổng hợp Nhơn Hội, hệ thống cầu cảng và khu hậu cần cảng để bảo đảm cho tàu có trọng tải từ 30.000 DWT vào làm hàng. Mở rộng sân bay Phù Cát thành sân bay trung chuyển hàng hóa quốc tế có công suất trên 5 triệu tấn/năm. Đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các hệ thống

giao thông chính nối liền KKT Nhơn Hội với bên ngoài thông qua các tuyến giao thông đối ngoại. Đối với công trình giao thông đối nội nhanh chóng hoàn thành các trục chính nối các khu chức năng với nhau. Đẩy mạnh xây dựng các khu tái định cư, nhằm phục vụ cho việc di dời dân, góp phần đẩy nhanh tiến độ GPMB để triển khai thực hiện các dự án đầu tư. Ban quản lý KKT (BQLKKT) Nhơn Hội cần thúc đẩy các ngành chức năng như Điện lực, Bưu chính viễn thông, cấp thoát nước...khẩn trương hoàn thiện các công trình hạ tầng này. Đây là tiêu chí cơ bản để hấp dẫn các nhà đầu tư đến với các KCN của tỉnh Bình Định.

Hệ thống đường giao thông phải đảm bảo thông thoáng, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa trong và ngoài KCN đến cảng biển Quy Nhơn, ga đường sắt Diêu Trì, cảng hàng không Phù Cát. Do đó cần tập trung đẩy nhanh hoàn thiện cũng như nâng cấp sửa chữa một số tuyến quốc lộ 1A, tỉnh lộ, mạng lưới giao thông nông thôn, hệ thống cầu, cống.... Nhất là quốc lộ 19 đoạn từ cảng Quy Nhơn đến quốc lộ 1A để thúc đẩy phát triển khu kinh tế Nhơn Hội. Đây là tuyến đường quan trọng về kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng, cửa ngõ ra biển gần nhất nối Tây Nguyên, Nam Lào và Đông Bắc Campuchia. Việc đẩy nhanh tiến độ và đưa vào sử dụng tuyến đường này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa đến cảng Quy Nhơn, thúc đẩy phát triển các KCN, thuận lợi cho việc thu hút các nhà đầu tư hơn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội không chỉ riêng cho Bình Định mà còn phát triển các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ quản lý điều hành và hỗ trợ tích cực cho cải cách hành chính theo mô hình “một cửa tại chỗ”. Công khai quy trình giải quyết thủ tục hành chính trên mạng Internet, đăng ký kinh doanh và cấp Giấy Chứng nhận đầu tư qua mạng. Củng cố tổ chức, bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức BQLKKT vững mạnh, có năng lực, chuyên môn sâu, phẩm chất đạo đức tốt, nhiệt tình năng nổ với nhà đầu tư và thật sự tâm huyết với sự nghiệp phát triển các KCN.

Cơ sở hạ tầng kỹ thuật bao gồm hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp điện nước, xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, hệ thống thông tin liên lạc. Góp phần

quan trọng đảm bảo sự hình thành, phát triển thành công các KCN, đặc biệt chú trọng hệ thống giao thông và công trình xử lý nước thải.

Xây dựng các nhà máy xử lý nước thải tập trung, khu tập kết và xử lý rác thải công nghiệp của các KCN trên địa bàn tỉnh còn rất hạn chế. Do vậy, trong thời gian tới cần rà soát và yêu cầu các KCN đã đi vào hoạt động và đang tiến hành xây dựng phải hoàn thành hạng mục này.

Để xây dựng và hoàn thành cơ sở hạ tầng kỹ thuật, ngoài ngân sách nhà nước hỗ trợ đầu tư, UBND tỉnh nghiên cứu tạo ra những cơ chế chính sách thích hợp để huy động các nguồn vốn cùng tham gia xây dựng như hình thức BOT, đổi đất lấy hạ tầng.... Một điều quan trọng là quyết tâm xây dựng lộ trình thực hiện, đảm bảo bố trí đủ vốn và huy động tối đa nguồn lực để thực hiện.

Xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng xã hội

Cơ sở hạ tầng xã hội bao gồm các nhóm chức năng như hành chính, thương mại, dịch vụ các loại, văn hóa – xã hội, giáo dục – đào tạo, thể thao, du lịch,... Khi lựa chọn địa điểm đầu tư, ngoài vị trí, giá thuê đất, điều kiện hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài KCN, thì nhà đầu tư cũng rất quan tâm đến hạ tầng xã hội của khu vực và nơi đặt KCN. Chính vì vậy, để phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh cần phải đồng bộ giữa việc xây dựng hạ tầng kỹ thuật với việc xây dựng hạ tầng xã hội mà trọng tâm là khu dân cư, nhà ở công nhân, trường học, trạm y tế, các cơ sở dịch vụ công cộng....

Trong quá trình thực hiện, cơ sở hạ tầng xã hội cũng cần được thực hiện đồng bộ với sự phát triển của KCN để đáp ứng nhu cầu phục vụ hiện tại và khả năng phục vụ lâu dài trong tương lai. Việc xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng xã hội là trách nhiệm của Nhà nước và các doanh nghiệp. Ngoài việc sử dụng một phần vốn từ ngân sách nhà nước, cần huy động các nguồn lực khác của xã hội thực hiện với cơ chế thích hợp, ưu đãi.

Tổ chức thực hiện xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xã hội ngoài hàng rào KCN

Trong quá trình xem xét dự án xây dựng KCN, cần có quy định và phân giao nhiệm vụ cụ thể cho chủ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, các sở, ngành chức năng

của tỉnh, các đơn vị kinh doanh dịch vụ chuyên ngành... trong việc xây dựng và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật – xã hội trong và ngoài hàng rào như sau:

- Đường giao thông đến chân hàng rào KCN: có giải pháp cụ thể đối với đường giao thông dẫn vào KCN, hệ thống đường gom trong đó tính toán giải pháp kỹ thuật, vốn đầu tư, nguồn vốn, tiến độ, cơ quan chủ trì thực hiện.

- Các công trình hạ tầng ngoài hàng rào được giao trách nhiệm tối đa cho các doanh nghiệp chuyên ngành như cấp điện cho công ty điện lực, nước sinh hoạt và nước công nghiệp giao cho công ty kinh doanh nước sạch, thông tin liên lạc giao cho Bưu điện – Viễn thông... Doanh nghiệp xây dựng kết cấu hạ tầng KCN có trách nhiệm tính toán nhu cầu của KCN và phối hợp để các doanh nghiệp chuyên ngành này lập phương án và có ý kiến cụ thể về các vấn đề liên quan.

- Nhà ở cho người lao động: Cần quán triệt quan điểm xuyên suốt của Đảng trong quá trình CNH – HĐH là “phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ công bằng xã hội” và từng bước giải quyết vấn đề nhà ở cho công nhân ở các KCN.

Việc xây dựng cơ sở hạ tầng ngoài KCN cũng là một yêu cầu cấp thiết hiện nay để thu hút đầu tư thứ cấp tại các KCN trên địa bàn tỉnh. Vấn đề nhà ở cho công nhân cần được giải quyết theo hướng hoặc là đầu tư xây dựng chung cư cho người có thu nhập thấp hoặc giải quyết các dự án thuê đất dài hạn để doanh nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở hoặc các nhà đầu tư hạ tầng tiến hành xây dựng trong KCN rồi cho thuê lại..., Ngoài ra các loại hình dịch vụ khác cần phải được đầu tư xây dựng như nâng cấp bệnh viện và trường học, quy hoạch và xây dựng công viên, các khu vui chơi giải trí, thể thao, chợ, siêu thị... và các dịch vụ vui chơi giải trí để phục vụ cho quá trình phát triển các KCN.

3.3.3. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời cải thiện mức sống cho người lao động.

Nâng cấp và mở rộng các cơ sở đào tạo nghề cho các KCN. Cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện đồng bộ các khu du lịch cao cấp, Khu đô thị đạt tiêu chuẩn quốc tế, khu văn hóa thể thao, khu nhà ở dành cho chuyên gia và công nhân,

các chợ và siêu thị... đáp ứng nhu cầu của các nhà đầu tư. Đây là tiêu chí cơ bản để các nhà đầu tư mạnh dạng đầu tư.

Định hướng các cơ sở đào tạo nghề và dạy nghề cho các KCN phải xây dựng mô hình, phương pháp và chương trình, nội dung giảng dạy phù hợp theo nhu cầu. Đối với những ngành nghề mà các cơ sở đào tạo trong tỉnh không có khả năng đào tạo, tỉnh sẽ hỗ trợ một phần kinh phí để doanh nghiệp đưa lao động đi học nghề nơi khác. Đồng thời, khuyến khích và hỗ trợ kinh phí để các doanh nghiệp và các nhà đầu tư liên kết với các cơ sở dạy nghề ở trong và ngoài tỉnh để đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp.

Để có lực lượng lao động đáp ứng kịp thời cho các dự án đang triển khai trước mắt cần mở lớp đào tạo ngắn hạn các ngành nghề như: may mặc, cơ khí, xây dựng, điện, điện tử... Đồng thời, cần có chính sách khuyến khích các chủ đầu tư thu hút các cán bộ kỹ thuật và chuyên gia giỏi về làm việc tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trong các KCN. BQLKKT có trách nhiệm hỗ trợ điều kiện về đất ở, nhà ở và các vấn đề xã hội liên quan khác, nhằm tạo môi trường làm việc năng động, thuận lợi nhất cho cán bộ, chuyên gia yên tâm làm việc tại các KCN. Đây là giải pháp hữu hiệu nhất để tạo ra nguồn lao động có chất lượng cao tại các KCN, là cơ sở hấp dẫn các chủ đầu tư.

Chuẩn hóa và tập trung củng cố, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, phát triển đội ngũ giáo viên dạy nghề cho các cơ sở đào tạo nghề của tỉnh. Đội ngũ giáo viên phải chuyên nghiệp và đạt tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp phương tiện dạy hiện đại, gắn kết giữa lý thuyết và thực hành trên máy móc trên máy móc thiết bị hiện đại trong quá trình giảng dạy. Không ngừng bổ sung và đổi mới nội dung, chương trình, giáo dục đào tạo, phương pháp đào tạo để đáp ứng nhu cầu của thực tế từng bước nâng cao chất lượng đào tạo, dạy nghề. Mời những chuyên gia trong và ngoài nước có kinh nghiệm, có trình độ, cập nhật các thông tin khoa học kỹ thuật hiện đại tham gia vào giảng dạy, qua đó học hỏi trao đổi kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ giáo viên cơ hữu. Có chính sách khuyến khích, thu hút và cử giáo viên đi học tập, nâng cao trình độ và phần đầu mỗi năm số lượng giáo viên có trình độ sau đại học được tăng lên.

Liên kết đào tạo giữa cơ sở dạy nghề và doanh nghiệp (doanh nghiệp gửi người lao động đến trường học để học nghề; cơ sở dạy nghề gửi học sinh đến các doanh nghiệp để thực hành nghề...) đây cũng là mô hình được chú trọng hiện nay, nhằm góp phần giảm khoảng cách giữa học và hành ; tạo điều kiện cho người học nghề tiếp cận và thích ứng nhanh được với công nghệ của doanh nghiệp; tạo điều kiện cho người học nghề có cơ hội tìm được việc làm tốt hơn. Có nhiều hình thức gắn kết giữa đào tạo và sử dụng lao động như: các trường và doanh nghiệp phối hợp để học sinh sau khi học xong lý thuyết tại trường được thực tập, thực hành tại doanh nghiệp; doanh nghiệp đầu tư trang thiết bị thực hành cho trường; nhà trường tổ chức đào tạo theo hợp đồng của doanh nghiệp.

Nghiên cứu, xây dựng chương trình và kế hoạch đồng bộ mang tầm chiến lược trong thu hút đội ngũ cán bộ và thợ lành nghề cho tỉnh, bao gồm cả người lao động nước ngoài có trình độ cao để đảm nhận những vị trí quản lý, điều hành hay chuyên môn kỹ thuật cao. Ban hành và công bố rộng rãi những giải pháp và chính sách ưu tiên nhằm thu hút đầu tư và sử dụng có hiệu quả nhân lực có tay nghề cao và ngoài nước phục vụ cho sự phát triển các KCN trên địa bàn tỉnh.

Về chế độ tiền lương, cần xây dựng hệ thống thang bảng lương phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, không nên quá cứng nhắc chỉ dựa trên mức lương tối thiểu theo quy định do Chính phủ ban hành mà khuyến khích doanh nghiệp trả lương cao hơn sàn quy định. Chế độ tiền lương cần dựa trên cơ sở kết hợp hài hòa các yếu tố: chức vụ, trình độ chuyên môn, thời gian công tác và các đóng góp khác. Một chính sách tiền lương thích hợp sẽ giúp các doanh nghiệp ổn định sản xuất và nâng cao năng suất lao động, tăng cường khả năng cạnh tranh, hạn chế thấp nhất tình trạng bỏ việc của người lao động.

Về thị trường lao động, giúp cho người lao động có việc làm và doanh nghiệp KCN tuyển dụng được người làm việc thích hợp , cần xây dựng hoàn thiện hệ thống dịch vụ làm việc KCN, bao gồm hoạt động hướng nghiệp, đào tạo, đào tạo lại và các nhiệm vụ khác như: thông tin thị trường lao động, tư vấn, xúc tiến việc làm. Hệ thống dịch vụ làm việc này không chỉ phục vụ cho các KCN, mà quan trọng hơn còn cung cấp thông tin phục vụ cho cơ sở dạy nghề, cho người sử dụng lao động và

người lao động, để các bên đưa ra quyết định phù hợp với mục tiêu của mình. Hiện nay, nguồn nhân lực đầu tư cho việc xây dựng hệ thống thông tin của thị trường lao động của tỉnh chủ yếu tập trung cho Trung tâm giới thiệu việc làm – Sở Lao động Thương binh và Xã hội. Tuy nhiên, do đặc thù quản lý nhà nước đối với các KCN nên khả năng tiếp cận và nắm bắt nhu cầu tuyển dụng lao động trong các doanh nghiệp trong KCN còn hạn chế và hiệu quả kênh thông tin này còn thấp. Chính vì vậy UBND tỉnh và Ban quản lý Khu kinh tế cần tập trung đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin thị trường lao động chuyên biệt cho các KCN và giao cho Trung tâm giới thiệu việc làm – Ban quản lý Khu kinh tế thực hiện.

3.3.4. Nâng cao trình độ, Bồi dưỡng nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý

Đào tạo cán bộ quản lý, cán bộ chủ chốt trong các doanh nghiệp KCN như cán bộ quản lý, nhân sự; cán bộ các phòng chuyên môn, nghiệp vụ; quản đốc các phân xưởng, tổ trưởng sản xuất, chuyên trưởng... để họ có thể hiểu biết chuyên môn, nắm được pháp luật chung và pháp luật lao động nói riêng, ngôn ngữ và phong tục tập quán của các quốc gia đầu tư vào KCN (đối với đầu tư FDI) và phổ biến cho các doanh nghiệp khác tạo mối quan hệ lao động lành mạnh, ổn định, bền vững trong doanh nghiệp và KCN.

Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác XTĐT, kiện toàn bộ máy làm công tác XTĐT ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ. Thực hiện chính sách khen thưởng trong XTĐT để khuyến khích các cá nhân và tổ chức tham gia vào hoạt động XTĐT.

Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác BTTH, GPMB vừa có năng lực vận động quần chúng, vừa có phẩm chất đạo đức, nắm vững chuyên môn và các chủ trương chính sách của nhà nước trong lĩnh vực này. Đồng thời, tuyên truyền, giáo dục, vận động, cán bộ đảng viên và nhân dân tham gia ủng hộ công tác này; có biện pháp kiên quyết đối với các trường hợp chây ì, cố ý không chấp hành việc di dời giải tỏa.

Để nâng cao chất lượng mô hình “một cửa tại chỗ”, trong thời gian đến BQLKKT cần quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn trong các KCN, xác định trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực

thi nhiệm vụ. Phải có quy chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trực thuộc, giữa BQLKKT với các sở, ban ngành và các địa phương.

3.3.5. Giải pháp cải thiện Môi trường đầu tư tỉnh Bình Định.

Môi trường đầu tư có tác dụng rất lớn trong việc thu hút đầu tư vào các KCN. Nguồn lực đầu tư của tỉnh còn rất hạn chế, nên cần xác định nguyên tắc nhất quán và lâu dài là thu hút nguồn lực từ bên ngoài. Cải thiện môi trường đầu tư là cải thiện cả hệ thống cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong KCN; các chỉ tiêu về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội. Do vậy, môi trường đầu tư cần luôn được xem xét và không ngừng cải thiện để tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho các nhà đầu tư.

Những yếu tố hấp dẫn thu hút đầu tư vào các KCN hiện nay như giá nhân công rẻ cũng không còn là những lợi thế cạnh tranh mà là những ưu thế về cải cách thủ tục hành chính, trình tự xin thủ tục xin đất cho đến khi cấp phép đầu tư và sự hỗ trợ cho cả quá trình hoạt động của nhà đầu tư sau này: ưu đãi về nguồn nhân lực có chất lượng và trình độ cao; ưu thế về các dịch vụ hỗ trợ; ưu thế về vị trí và đặc thù kinh tế - xã hội khác. Đó chính là những nhân tố tạo ra môi trường hấp dẫn thu hút các nhà đầu tư và góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, giảm các thủ tục hành chính phiền hà tạo sự tin tưởng cho các nhà đầu tư khi đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh.

KẾT LUẬN

Tỉnh Bình Định là khu kinh tế đặc biệt là nơi hội tụ nhiều lợi thế nhằm thu hút các nhà đầu tư để phát triển kinh tế. Do vậy, các KCN là khu vực có đủ điều kiện vật chất và tinh thần để thu hút và tiếp thu công nghệ thông qua các nhà đầu tư trong và ngoài nước nhằm phát triển kinh tế với mức tăng trưởng cao, làm động lực lan toả thúc đẩy phát triển kinh tế cho các tỉnh miền Trung nói chung và các tỉnh duyên hải Nam Trung Bộ nói riêng. Môi trường đặc biệt ở Bình Định là nhân tố đảm bảo cho tốc độ phát triển cao và ổn định, đa dạng hoá sản phẩm, trong đó có sản phẩm sản xuất theo công nghệ cao, trình độ quản lý tiên tiến, có khả năng cạnh tranh khu vực và quốc tế phù hợp với xu thế hội nhập.

Vì thế, thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư vào các KCN là nhiệm vụ trọng tâm, không chỉ là nhiệm vụ trước mắt mà còn là vấn đề có tính chiến lược lâu dài nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu xây dựng khu kinh tế mở đầu tiên của Việt Nam.

Để thực hiện được nhiệm vụ thu hút đầu tư lớn lao này cần phải nhận thức đúng tầm quan trọng của các giải pháp và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc các giải pháp đã đề ra. Các giải pháp ấy vừa có tính độc lập trong phát huy hiệu quả, vừa có mối quan hệ phụ thuộc lẫn nhau.

Để các giải pháp được tổ chức thực hiện một cách thắng lợi cần có sự tham gia và phối hợp của các cấp, các ngành từ Trung ương đến địa phương, từ trong mỗi cán bộ công chức của các KCN từng người dân trong tỉnh Bình Định. Tuy nhiên ở mỗi giai đoạn khác nhau thì sẽ có những giải pháp khác nhau để có thể phù hợp với yêu cầu tất yếu đặt ra, vì thế vấn đề khó khăn đặt ra là chính quyền tỉnh cần phải linh hoạt và nhanh chóng thay đổi để có thể phù hợp với yêu cầu tất yếu của các doanh nghiệp.

Hy vọng rằng những giải pháp đề ra trong khóa luận này góp phần nhỏ bé trong việc thu hút vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định trong thời gian đến, từng bước góp phần xây dựng thành công khu kinh tế mở đầu tiên ở Việt Nam.

Mặc dù đã cố gắng để hoàn thành đề tài thực tập này, nhưng do thời gian và kiến thức còn hạn chế nên không tránh khỏi những thiếu sót em rất mong nhận

được sự giúp đỡ, góp ý kiến của cô Nguyễn Thị Thùy Dung và đề khóa luận tốt nghiệp có thể hoàn thiện hơn nữa.

Và em xin chân thành cảm ơn cô Nguyễn Thị Thùy Dung và tất cả anh chị tại Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Định đã tạo điều kiện và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Một số dự án bị giãn tiến độ, tạm dừng và chấm dứt hoạt động đầu tư

TT	Mã số dự án	Ngày cấp	Tên doanh nghiệp	Tên dự án	Vốn đầu tư đăng ký (USD)	Số QĐ/ Công văn	Ngày QĐ/ Công văn	Ghi chú (nguyên nhân tạm thời, giãn tiến độ, chấm dứt hoạt động; tiến độ thanh lý)
1	5448253675	27/9/2011	Công ty CP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Nhà máy thức ăn gia súc Bình Định	40.000.000	5448253675	5/4/2018	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án
2	1027356138	13/2/2017	Công ty CP Marubeni Lumber	Công ty TNHH Marubeni Lumber Việt Nam	5.000.000	1027356138	29/3/2018	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án
3	3284483822	30/5/2017	Công ty CP Fujiwara	Nhà máy điện mặt trời Fujiwara Bình Định	60.000.000	3284483822	2/7/2018	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án

4	3026/QĐ-UBND	7/9/2018	Công ty TNHH Thực phẩm Mãi Tín	Nhà máy chế biến, bảo quản các sản phẩm thủy sản kết hợp Khu du lịch văn hóa Nhật Bản	5.250.000			DN tự ra quyết định chấm dứt
5	35304300000 6	11/12/2006	Cty TNHH Khách sạn & Du lịch Việt - Mỹ	Khu Du lịch Khách sạn Nghỉ dưỡng Vĩnh Hội	250.000.00 0	95/QĐ-BQL	3/5/2018	Dự án bị thu hồi do không thực hiện đầu tư đúng tiến độ cam kết tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
6	4302883074	23/5/2017	Công ty TNHH RCV	Công ty TNHH Marushou	5.000.000	108/QĐ-BQL	19/4/2019	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án
7	4357323695	31/10/2017	Công ty TNHH Olam Việt Nam	Nhà máy chế biến hạt dẻ và hạt óc chó	1.270.000	4357323695	18/4/2019	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án

8	7620340040	16/5/2016	Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam	Công ty TNHH JAPFA COMFEED Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	10.535.000	7620340040	25/12/2019	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án
9	4302883074	23/5/2017	Công ty TNHH Marushou	Công ty TNHH RCV	950.000	108/QĐ-BQL	19/4/2019	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án
10	9846421354	7/12/2016	Transwood Investments Limited, VCCF, Công ty TNHH Tam Khang Bình Định	Maia Quy Nhon Beach Resort	51.835.000	9846421354	15/9/2020	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án
11	8785334557	24/10/2016	Công ty TNHH CJ Vina Agri	Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm	24.478.280	8785334557	1/7/2020	Giãn tiến độ để phù hợp tình hình thực hiện đầu tư thực tế của dự án

				(heo, bò, gà, vịt và chim cú)				
12	35203300013 4	11/11/2011	Công ty CP VLXD Baoercheng Nam Dương Việt Nam	Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng nhựa UPVC	5.600.000	349/QĐ- BQL	7/10/2020	áp dụng Điểm g Điều 48 Luật đầu tư "chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp: Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư"
13	35202200017 7	7/10/2020	Công ty TNHH Chế biến Zircon Đại Dương Việt Nam	Nhà máy sản xuất bột zircon	6.000.000	350/QĐ- BQL	7/10/2020	áp dụng Điểm g Điều 48 Luật đầu tư "chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư trong trường hợp: Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư"

Phụ lục 2:

**BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CÁC NHÂN TỐ
ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ HÀI LÒNG CỦA CÁC DOANH
NGHIỆP THUỘC KKT NHƠN HỘI**

Kính chào Ông/Bà

Tôi tên Nguyễn Nhật Minh– sinh viên khoa Kinh tế - Kế toán trường Đại học Quy Nhơn. Hiện tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “Thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định”, rất mong quý doanh nghiệp dành ít thời gian điền vào bảng khảo sát dưới đây. Các thông tin cung cấp trong nghiên cứu này của Quý doanh nghiệp tính đến thời điểm được khảo sát. Tôi xin cam kết đảm bảo tính bảo mật về thông tin Quý doanh nghiệp cung cấp. Thông tin mà quý doanh nghiệp cung cấp có ý nghĩa lớn đối với sự phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định, có ý nghĩa lớn đối với đề tài.

Xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Quý doanh nghiệp

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên doanh nghiệp:

.....

1.2. Doanh nghiệp hoạt động tại KCN vào năm nào:

1.3. Số dự án mà doanh nghiệp đăng ký tại KCN đang hoạt động:

1.4. Vốn đầu tư của dự án mà doanh nghiệp đăng ký tại KCN đang hoạt động khi thành lập là bao nhiêu:

1.5. Tổng số vốn kinh doanh của doanh nghiệp đang hoạt động tại các KCN tính đến thời điểm khảo sát là bao nhiêu:

1.6. Doanh nghiệp Ông/Bà thuộc loại hình doanh nghiệp nào?

Công ty TNHH một thành viên

Công ty Cổ phần

- Công ty hợp danh
- Doanh nghiệp tư nhân
- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên
- Loại hình khác (viết cụ thể):

1.7. Doanh nghiệp Ông/Bà hoạt động trong ngành sản xuất kinh doanh nào?

.....

1.8. Số lượng lao động trong doanh nghiệp tính đến thời điểm hiện tại?

Lao động Việt Nam..... Lao động nước ngoài.....

Lao động là người tỉnh Bình Định:

PHẦN II: ĐÁNH GIÁ CỦA NGƯỜI KHẢO SÁT

1	2	3	4	5
Rất không hài lòng	Không hài lòng	Bình thường	Hài lòng	Rất hài lòng

Nhân tố	Đánh giá				
	1	2	3	4	5
Các yếu tố thuộc về cơ sở hạ tầng kỹ thuật					
-Hệ thống điện nước đạt yêu cầu					
-Thông tin liên lạc thuận tiện (điện thoại, internet)					

-Giao thông, mặt bằng thuận lợi					
Các yếu tố thuộc về cơ sở hạ tầng xã hội	1	2	3	4	5
-Dịch vụ y tế, trường học tốt					
-Dịch vụ giải trí thể thao tốt					
-Các dịch vụ hạ tầng (nhà ở, đi lại,...) thuận tiện					
-Giá cả hàng hóa rẻ					
Các yếu tố thuộc về chính sách đầu tư	1	2	3	4	5
-Chính sách ưu đãi đầu tư hấp dẫn					
-triển khai văn bản pháp luật đến các doanh nghiệp					
-Hệ thống thuế rõ ràng					
Các yếu tố thuộc về chất lượng dịch vụ công					
-Thủ tục hành chính đơn giản, nhanh chóng					

-Địa phương hỗ trợ đầu tư khi cần					
- Các trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại có trợ giúp tốt cho doanh nghiệp					
Các yếu tố thuộc về lợi thế ngành đầu tư	1	2	3	4	5
-Thuận tiện về nguyên liệu chính cho sản xuất					
-Thuận tiện về thị trường tiêu thụ chính					
-Gần Các nhà phân phối					
-Cạnh tranh thị trường với các đối thủ cạnh tranh chính					
Các yếu tố về nguồn nhân lực	1	2	3	4	5
-Lao động trong tỉnh tương đối dồi dào					
-Lực lượng lao động có tay nghề cao					
-Thái độ người lao động tốt					

-Các cơ sở giáo dục đào tạo đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp					
Các yếu tố về chi phí hạ tầng	1	2	3	4	5
-Giá thuê đất thấp					
-Chi phí lao động rẻ					
-Giá điện, nước hợp lý					
-Giá dịch vụ thông tin cạnh tranh					
Các yếu tố thuộc về thu hút đầu tư	1	2	3	4	5
-Doanh nghiệp có hài lòng khi lựa chọn đầu tư vào KKT Nhơn Hội					
-Doanh nghiệp có tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư					
-Doanh nghiệp có muốn giới thiệu các doanh nghiệp khác đến đầu tư					
-Doanh nghiệp có đạt được doanh thu mong muốn					

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tổng kết của BQL KKT năm 2016
2. Báo cáo tổng kết của BQL KKT năm 2017
3. Báo cáo tổng kết của BQL KKT năm 2018
4. Báo cáo tổng kết của BQL KKT năm 2019
5. Báo cáo tổng kết của BQL KKT năm 2020
6. Báo cáo tình hình thu hút FDI vào các KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 -2020
7. Từ Quang Phương và Phạm Văn Hùng (2013), Giáo trình Kinh tế đầu tư, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Lê thị Yên (2017), “Tác động của đầu tư phát triển KCN đến sinh kế người dân tại tỉnh Thái Nguyên”, Luận án tiến sĩ , *Đại học kinh tế quốc dân*
9. Hoàng Thị Hoài Hương (2017), “Tác động của Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng các KCN đến thu hút Đầu tư vào cá KCN trên địa bàn tỉnh Bình Định” , Luận án tiến sĩ, *Đại học Kinh tế Quốc dân*
10. Nguyễn Mạnh Toàn ((2010) “ Các nhân tố tác động đến việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào một địa phương của Việt Nam”, NXB ĐH Cần Thơ
11. Nguyễn Thị Ninh Thuận và Bùi Văn Trịnh (2012) “Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút đầu tư của doanh nghiệp vào khu công nghiệp tại thành phố Cần Thơ”, NXB ĐH Cần Thơ
12. Hoàng Thị Thu (2008) “Các nhân tố có tác động đến dòng vốn FDI vào một địa phương ở Việt Nam”, NXB ĐH Cần Thơ
13. <http://skhdt.binhdinhh.gov.vn/>
14. <http://kktbinhdinh.vn/page/>